

VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

9

THÁNG SÁU NĂM 1982

JUNI 1982

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



Chùa Một Cột xây vào triều Lý (1010-1225)
tại Bắc Việt Nam

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Trong số này
in dieser Ausgabe

| | |
|------------------------|-------|
| Thơ tòa soạn | trang |
| Diễn Văn | 01 |
| Cảnh giới Hoa Nghiêm | 03 |
| Lá thư Tịnh Độ | 06 |
| Thơ | 08 |
| Tuyển tập Phật Giáo | 09 |
| Quốc sử tạp lục | 12 |
| Việt Nam Phong Su' | 15 |
| Truyện Hùng Đạo Vương | 18 |
| Ansprache zur Eröffn. | 21 |
| Grußadresse der DBU | 22 |
| Bericht über das Vesak | 23 |
| Allgemeine Buddhalehre | 24 |
| Gefangener des Vietco. | 27 |
| Die Illustrierte | 32 |
| Buddh. Wortshatz | 35 |
| Die Nachrichten | 38 |
| Những ngày di dăng kỷ | 40 |
| Đường không biên giới | 42 |
| Thơ | 45 |
| Trong cơn lốc đỏ | 46 |
| Trang Giáo Lý GĐPT | 50 |
| Đi lễ chùa | 52 |
| Thư cho T. | 54 |
| Tin tức | 57 |
| Thông tin, giới thiệu | 59 |
| Hình ảnh Phật Đản | 60 |
| Phương danh Quý PT | 62 |

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber
Kỹ thuật Thị Chơn
Layout

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiêu bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.
Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN.
Vietnam. buddh. Kulturzentrum
Eichelkampstr. 35a, 3000 Hannover 81
Tel. 0511. 864638



Thư tòa soạn

Không khí đón mừng ngày Đại Lễ Đức Phật Đản Sinh lần thứ 2.526 năm như còn vang vọng đâu đây, mặc dầu ngày Đại Lễ đã qua từ lâu. Là một Phật Tử - ai trong chúng ta cũng mong mỗi đời chờ ngày thi hiện của NGÀI - như một chất l i ệ u dưỡng sinh cho đời sống tinh thần của con người vậy - nhất là trong lúc xa quê hương xứ sở như những người Phật Tử Việt Nam chúng ta trong hiện tại lại cần thiết hơn bao giờ hết.

Ngày vui đã qua, nhường lại cho con người bao nỗi khổ tâm trong cuộc sống thăng trầm của nhân thế - Nào là việc bắt bớ, tù đày, tra tấn, câu lưu, quản thúc của chính quyền cộng sản Việt Nam đối với những vị lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo như Thượng Tọa Thích Huyền Quang, Thượng Tọa Thích Quảng Độ nói riêng, hay toàn dân và toàn thế Phật Giáo đồ Việt Nam cũng như những tôn giáo khác nói chung. Dân tộc ta đã chịu thống khổ nhiều rồi - quê hương ta chỉ xây dựng bằng hận thù chông chất - đất mẹ mến yêu đã bị xé r á c h thành từng mảnh nhỏ để thỏa mãn ý đồ bá chủ của chủ nghĩa cộng sản tại Việt Nam cũng như tại Đông Nam Á.

Là người Phật Tử, ta sẽ biến đau thương thành sức mạnh, dìm hận thù bằng một tình thương cao cả bao la, để vượt lên trên mọi tranh chấp tị hiềm - tạo cho một Việt Nam chỉ có tình thương, không thù hận. Có như thế lời dạy của Đức Phật mới được thể hiện trong lòng mọi người Phật Tử - chỉ có tình thương và lòng hy sinh vị tha cao độ mới dập tắt được lửa hận thù mê muội - chỉ có tình người mới giữ vững được quê hương và sự trường tồn của Đạo Pháp.

Là Phật Tử - ta vẫn phải tranh đấu để tự tồn, nhưng sự đ ấ u tranh của Phật Tử phải được mang nhiều Phật tính trong lòng thì cuộc tranh đấu ấy mới có giá trị, nếu ngược lại - đấu là một Phật Tử, chúng ta cũng chỉ là một sự hy sinh, như bao sự hy sinh khác mà thôi!

Giá trị của tình thương từ cổ chí kim đều được mọi người tán tụng, phục tùng, nhưng sự khổ đau của nhân thế, không ai lại không muốn vượt ra khỏi. Do đó, chúng ta cần phải sáng suốt nhận định rõ ràng, đâu là con đường của Dân Tộc - của người Phật Tử, cần phải đi và phải đến.

Nguyên cầu cho thế giới được hòa bình, dân tộc Việt Nam không còn điều linh khốn khổ - ngày về Việt Nam sớm mở lối, để chúng ta còn có cơ hội thực hiện những hoài bão của một người Phật Tử - YÊU ĐẠO, MẾN QUÊ.
VIÊN GIÁC

Diễn văn khai mạc đêm văn nghệ

kính mừng Đại lễ Phật Đản 2526 năm

vào ngày 1.5.1982 tại Hannover

của Đại đức Chi bộ Trưởng

Chi bộ G.H.P.G.V.N.T.N tại Tây Đức

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính Bạch chư Tôn Thượng Toạ, chư Đại Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý vị Đại Diện các Tôn Giáo bạn, quý vị Đại Diện các cơ quan chính quyền và các tổ chức Từ Thiện cùng toàn thể đồng bào Phật Tử các giới.

Kính Bạch chư tôn;

Kính thưa quý vị;

Hàng năm cứ đến ngày trăng tròn tháng tư âm lịch là ngày mà Phật Giáo đồ khắp năm châu đều cử hành lễ Đản Sinh của Đức Tử Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.

Cách đây 2526 năm tại vườn Lâm Tỳ Ni thuộc xứ Ấn Độ đã có một bậc vĩ nhân giáng thế nhằm cứu khổ độ mê cho nhân loại lúc đương thời và ngay cả thời điểm bây giờ hay trong tương lai nữa. Đó là Thái Tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Ya.

Ngài sinh ra, lớn lên và được dưỡng nuôi trong cung vàng điện ngọc, với vợ đẹp con ngoan nhưng tất cả những thứ ấy đối với Ngài đều vô thường, giả tạm, nên Ngài đã quyết chí xuất gia tìm đạo, nhằm giải thoát chúng sanh khỏi vòng mê muội, sanh tử luân hồi.

Ngày hôm nay chúng ta còn nghe và học hỏi được giáo lý nhiệm màu ấy của Đức Phật chính là nhờ sự hy sinh cao cả đó cũng như những sự truyền thừa Phật Giáo của những đệ tử của Ngài. Nếu ngày xưa Thái Tử Tất Đạt Đa cũng như bao nhiêu Thái Tử khác, nghĩa là: sanh ra, lớn lên, lập gia đình, làm vua, trị vì thiên hạ - đâu cho có mình quân hiền đức bao nhiêu đi chăng nữa, chỉ một thời gian ngắn cũng sẽ mai một đi - nhưng với một vị Phật - một bậc đã hoàn toàn giác ngộ - tất cả những chúng sanh trong pháp giới, không phân biệt màu da, ngôn ngữ, giàu nghèo, sang hèn - đều quy ngưỡng về Ngài, về con đường thực tu thực chứng mà Ngài đã thực hiện cách đây hơn 2526 năm về trước.

Đạo Phật được truyền đến Việt Nam cũng đã chịu chung số phận với sự thịnh suy của vãn nước suốt hơn 18 thế kỷ qua. Ngày nay tại quê hương ta, đời sống tinh thần của nhân dân, và những vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo, trong đó có Phật Giáo cũng như những người có lòng tin đối với Đạo đã bị cản ngăn, chụp mũ, không chế, đàn áp v.v... có vì còn bị tụt lùi cũng chỉ vì đức tin cao cả đối với dân tộc và Đạo Phật, có vì bị chụp mũ làm tay sai cho những thế lực ngoại bang, nhưng thực sự họ có phải là những người như thế không? - Chúng tôi đoán chắc rằng không - vì xưa nay Phật Giáo chưa nhận danh bọ lúc để đi thôn tính bao lực, mà chỉ dựa trên căn bản tình thương, lòng từ bi quảng đại của chư Phật để hòa giải hận thù. Vì lấy oán báo oán, oán kia không bao giờ hết được, chỉ có tình thương mới dập tắt được ngọn lửa hận thù mà thôi.

Ngày 25 tháng 2 năm 1982 vừa qua hai Thượng Toạ Thích Huyền Quang và Thượng Toạ Thích Quảng Độ đã bị chính quyền cộng sản bắt giam - lý do đơn giản là không gia nhập vào "tổ chức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam" của chính quyền đang cộng sản Việt Nam mà quý vị Thượg

Toạ này còn tỏ chức chống lại Giáo Hội tay sai này của chính quyền. Chúng ta đau đớn để đón nhận những tin trên, nhưng chúng ta cũng hạnh diện được là dấu trong bất cứ hình ảnh nào của dân tộc Việt Nam, Phật Giáo Việt Nam vẫn là một chất liệu dương - sinh để tô điểm, bồi dưỡng cho sự độc lập, tự chủ cho tinh thần Việt một cách cao thượng hùng hồn như những trang sử cũ đã được lật qua trong những thời đại Lý Trần, hay trong những thời kỳ thực dân đô hộ.

Phật Giáo Việt Nam sẽ không hổ danh với dân tộc Việt, vì Phật Giáo Việt Nam vẫn luôn đứng trong thế đứng của dân tộc, hưng thịnh và suy vi cũng theo đà thăng trầm của dân tộc chứ không theo bất cứ một chủ nghĩa phi nhân nào đi sát hại lại dân tộc Việt Nam, dù cho đó là những thế lực bất cứ nơi nào mang đến.

Tất cả những tỏ chức Phật Giáo Việt Nam tại Hải Ngoại đã vận động dư luận Thế Giới để can thiệp vào việc trên cũng như đã vận động tinh thần Phật Tử Việt Nam khắp nơi trên quốc tế để việc trao trả tự do cho những vị lãnh đạo tinh thần trong quốc nội sớm được chứng nào tốt chứng ấy.

Này nay, tại nơi đây, chốn này - chúng ta đang cử hành Đại Lễ Đản Sanh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni trong bầu không khí vui tươi nhộn nhịp như thế này, chúng ta cũng không quên góp lời cầu nguyện cho Dân Tộc Việt Nam cũng như Phật Giáo Việt Nam sớm thoát qua khỏi bao tai ương khổ ải, và cầu nguyện cho những người ra đi tìm Tự Do được trọn lối ước nguyện.

Lối cuối, chúng tôi xin thành thật cảm ơn chính quyền, Bộ Nội Vụ Liên Bang và toàn thể nhân dân Tây Đức đã tận tình giúp đỡ đồng bào Việt Nam chúng tôi - Phật Tử cũng như không Phật Tử suốt trong những năm qua một cách tận tình, không những về vật chất mà ngay cả về vấn đề tinh thần. Chúng tôi cũng xin cảm ơn những cơ quan tư thiện, xã hội như Malteserhilfsdienst tại Hannover cũng đã không ngại khó khăn trong mọi lãnh vực và điều kiện, đã giúp đỡ chúng tôi một cách tận tình. Cuối cùng là những người Phật Tử Việt Nam chúng ta - Chúng tôi mong rằng đâu sống ở bất cứ nơi đâu, hay ở trong bất cứ một hoàn cảnh đổi thay nào đi chăng nữa, mong rằng quý vị sẽ không lãng xao mỗi Đạo, luôn luôn ôn tình tận tu học, để hướng đời mình đến con đường Chân, Thiện, Mỹ mà Đức Phật trong quá khứ đã đi và đã đến.

Với tinh thần của Phật Giáo, với lòng thương của Đức Phật cũng như các vị Bồ Tát hay chư vị Thánh Tăng Thánh Tử Đạo, chúng ta là một Phật Tử nguyện cố gắng trau dồi trí tuệ luôn luôn sáng suốt, trong sạch, không bị mê mờ bởi những vô minh, vọng tưởng và quyết đem những điều hay lẽ phải đúng với tinh thần Đạo đem ra thực hiện cho mình rồi cho người để được lợi lạc chung. Có như thế tinh thần vị tha của Phật Giáo mới thực hiện được trọn vẹn ý nghĩa ấy.

Nhưng cố tình thương cũng chưa đủ mà cần phải có trí tuệ sáng suốt để nhận chân đâu là điều chánh, đâu là nẻo tà; nhưng cố tình thương và trí tuệ rồi mà thiếu dũng mãnh cũng không được. Do đó ba đức tính Bi, Trí và Dũng đối với một người Phật Tử, quý vị nên luôn trau dồi để hộ thân - cho chính mình và cho cơ thể nhân nã.

Nguyện cầu cho thế giới được hòa bình, nhân sinh được an lạc, cho một Việt Nam tươi sáng trên nẻo về lại với quê hương của tình thương muôn thuở!

Nguyện cầu cho tất cả nhân loại sống hòa thuận với nhau để chiến tranh không còn gieo rắc nữa và loài người được thân cận với nhau hơn.

Nam Mô Thượng Tính Tân Bồ Tát Ma Ha Tát.

Trân trọng kính chào liệt quý vị.

CẢNH GIỚI HOA NGHIÊM

Trung Đạo song chiếu

TINH LIÊN
NGHIÊM XUÂN HỒNG

(tiếp theo)

Đến đây, để có một ý niệm rõ ràng về tâm vóc bao la của tối thắng của giáo lý Hoa-Nghiêm hay giáo lý của chư Phật, thì ít ỏi tướng cần nói thêm ít lời về thuyết Ngũ Nhân của nhà Phật.

Cảnh giới Hoa Nghiêm thường được gọi là những cảnh giới siêu xuất giải thoát bất tư nghì... Song chúng ta tuyệt đối đừng nên nghĩ rằng những cảnh giới siêu xuất ấy chỉ có thể có ở một cõi nào khác mà không thể có ở cõi Ta Bà này. Cảnh giới Hoa Nghiêm, với tất cả những thân biến, chính là ở ngay trong những cảnh giới nhật dụng thường ngày. Có điều là với đạo lực thấp kém, với đôi mắt thịt đơn thuần, chúng ta không thể nào nhìn thấy những quang minh vi diệu cùng mọi thân biến, nó luôn luôn lồng vào trong và ở giữa những quang minh thô kệch tào nê nên cảnh giới thường ngày của chúng ta. Trừ phi được thân lực của Phật hay Đại Bồ Tát gia hộ... Cảnh giới siêu xuất hay tâm thường đều là do đạo lực cùng nhân căn của kẻ hành giả đứng nhìn... Chúng cố là Đức Bốn Sư vẫn ngồi bất động ở nơi Bồ Đề Đạo Tràng, mà vẫn thị hiện bao nhiêu thân biến. Kẻ Đệ Tử có đạo lực kém, thì chỉ nhìn thấy một khu rừng già. Nhưng người có đạo lực cao, thì nhìn thấy khu rừng đó rộng rãi thênh thang, thông suốt các cõi, và trong khu rừng thấy đầy đầy những toả sen báu và các bậc Bồ Tát xuất hiện nhiều như mây.

Cũng tựa như trong cái quang phổ nê trên của khoa học ngày nay, đôi mắt thịt của người chỉ nhìn thấy 7 màu của ánh sáng không hề nhìn thấy những radiations của âm thanh, của radar, hoặc quang tuyến X cùng Gamma. Phải nhờ đến những dụng cụ chế tạo

như ống kính hiển vi, ống kính thiên văn, các máy radio... mới biết là có các thứ đó

Khoa học ngày nay càng ngày càng bắt buộc phải đi sâu vào lãnh vực radiations. Vì đó là con đường thăm dò và khám phá thực tại. Song có thể nói chắc rằng những dụng cụ chế tạo nhân vi bao giờ cũng có giới hạn, và khó thể đi xa được nhiều trong cuộc thăm dò những quang minh vi diệu. Vì những quang minh vi diệu lại chính là những quang minh của TÂM THỨC... Bởi vậy, nên ngày nay ở Nga cũng như ở Mỹ, các cơ quan nghiên cứu đã bắt đầu tiến hành những cuộc thực nghiệm để xử dụng những làn sóng của tâm thức. Tựa dụ như họ chọn lấy vài người, có sẵn những khả năng thiên bẩm về định lực (thiên bẩm tức là sanh đắc thông nê theo danh từ nhà Phật), rồi cho họ tập luyện một thời gian. Rồi để một người ở Ngũ Giác Đài, một người ở trên chiếc tào ngầm dưới đáy biển. Hai người cố tập trung tâm tưởng để thực hiện một vụ truyền giao cách cảm. Nghĩa là truyền thông cho nhau một thứ mật lệnh nào.

Như thế là họ đã bắt đầu muốn sử dụng những làn sóng hay quang minh của tâm thức. Họ tập luyện lâu, thì dĩ nhiên sẽ đạt được ít nhiều kết quả... Nhưng dĩ nhiên là càng người Mỹ lẫn người Nga đều chưa hiểu Đạo Phật. Họ chưa thể hiểu rằng: 2 cái chìa khóa chính để xử dụng một cách tuyệt hảo những quang minh vi diệu của tâm thức, chính là lòng đại từ bi bình đẳng và Trí Tuệ bát-nhã vô ngã như huyễn. Có 2 thứ đó, thì tâm thức mới gột sạch được mọi tình nhiễm làm năng nề quang minh, mới đạt được những quang minh tối vi diệu. Và quang minh càng vi diệu bao nhiêu, thì thân lực càng tự tại vô ngại bấy nhiêu... Nếu còn mang tâm chấp ngã

và mong cầu để định xứ dụng quang minh của tâm thức, thì kết quả vẫn có thể có, nhưng chỉ thấp kém và rất cục hạn thôi... Có thể tiên đoán ngay rằng nếu khoa học đi sâu vào lãnh vực radiations, thì một ngày kia, rất có thể có nhà khoa học giã vờ đầu mà kết luận rằng: mọi thứ radiation hình như đều thua sút quang minh của tâm thức, và có thể rằng cả vũ trụ này chỉ được treo lên đầu một TÂM NIỆM. Vì những viên gạch cơ bản của vũ trụ này, mà các khoa học gia đương muốn tìm kiếm, viên gạch đó không phải là những vi trần hay cục vi có hình có tướng, mà chính là những tâm niệm hay tâm tướng vô hình vô tướng.

Cũng cần nhắc rằng những quang minh thấp kém thô kệch (mà khoa học đang khổ công nghiên cứu) cũng đều bắt nguồn ở những quang minh tâm thức, cũng chính là những quang minh tâm thức. Song những quang minh ấy, trải qua vô lượng kiếp, đã bị làm nặng nề bởi tình nhiễm và cộng nghiệp của chúng sanh hoặc loài người, nên chuyên động chậm lại lần lần, trở thành kiên cố vọng tướng, và cố đọng lại kết tập thành các hiên tượng đối diện với 5 giác quan... Những kết quả mà ngày nay khoa học đạt được, tỷ dụ như máy điện tử, truyền thanh, truyền hình... có thể coi là những phép thuật thông nho nhỏ, đạt được do cách thức xứ dụng quang minh. Nhưng đó đều là những pháp thế gian hữu lậu. Pháp thế gian là vì mới biết cách thức XỨ DỤNG vài thứ quang minh hạn hẹp, mà chưa thể CHỨNG NHẬP được Giác thể vi diệu của quang minh. Hữu lậu vì có bề mặt thì cũng có bề trái, có thể tãn g cưỡng một ít quyền năng cho con người, nhủ cũng mang lại rất nhiều khổ lụy, và nhất là không thể đem lại niềm thanh bình an lạc của tâm hồn.

Giáo lý nhà Phật không cần dùng tới những dụng cụ chế tạo nhân vi của khoa học, để cầu mong nắm bắt hoặc xứ dụng vài thứ quang minh thô kệch. Trái lại, chỉ mở những pháp môn như thiền quán, niệm Phật, trì chú, tu lục độ vạn hạnh... để dạy kẻ hành giả tu hành. Để làm gì? Chỉ là để khiến kẻ hành giả ngày càng thể nhận được những quang minh vi diệu nhờ niệm phát xuất từ tâm thức mình, vì những quang minh này mới là cơ bản. Rồi gột sạch dần mọi vết tích tập khí của tình nhiễm, vọng tướng, nghiệp lực. Rồi CHỨNG NHẬP ngay cái Giác thể tuyệt vời của biển quang minh pháp thân thượng trụ.

Và đạt tới thân lực rất ráo, có thể tạc lập hoá hiện các cõi. Con đường có vẻ dài xa, nhưng là con đường rất ráo tối thắng. Sự chứng nghiệm cũng rất khó phổ biến, vì người tu càng lên cao bao nhiêu, lại càng xa liả cái mức do cộng nghiệp của người đời bấy nhiêu. Do đó, nên khó phổ biến sự chứng nghiệm trong những cơn tam muội của mình... Nhưng chỉ có con đường đó mới có thể đem lại niềm AN LẠC vĩnh cửu và không thể nghi bàn của tâm hồn... Còn nói về quyền năng, thì quyền năng của khoa học chỉ như một hạt bụi nhỏ sánh với núi Tu Di sơn của thân lực chư Phật.

Nay nói đến thuyết NGŨ NHÂN của nhà Phật. Có thể dùng ngay cái quang phổ nói trên của khoa học để suy luận về ngũ nhân. Và một khi đã lý giải được một phần nào về ngũ nhân, thì chúng ta cũng có thể có niềm tin giải về các cảnh giới Hoa Nghiêm. Ngũ nhân là: lực nhân, thiên nhân, huệ nhân, pháp nhân và Phật nhân.

Người thường chúng ta chỉ có đôi mắt thịt và hai bàn tay để nhìn và sờ mó sự vật, chúng ta cũng thường rất kiêu hãnh về hai thứ đó, rất tin tưởng ở chúng, và không chịu tin tưởng ở cái gì khác. Nhưng cái mà ta không nhìn thấy, không sờ thấy, là ta vô ý vàng bác bỏ ngay, coi như không có. Không biết rằng những cái mà ta sờ thấy chỉ là những vọng tướng, những quang minh đã trở thành kiên cố và tướng ứng với xúc giác mà thôi. Đôi mắt thịt cũng vậy, chỉ nhìn thấy được một tiết phân (gamme) rất nhỏ của cái quang phổ bất tận của những quang minh trong pháp giới.

Trong cái quang phổ hạn hẹp nói trên của khoa học, nhục nhãn chỉ nhìn thấy có 7 màu của ánh sáng. Ngoài ra, không thấy gì khác. Bởi vậy, khi ta nhìn một người, ta thấy một hình ảnh cơ da, có thịt, có mắt mũi đầu tóc. Nhưng nếu tỷ dụ như mắt ta chỉ có thể nhìn thấy những quang tuyến X, thì hình ảnh người mà ta nhìn thấy sẽ chỉ là một bộ xương khô. Và hình tướng sẽ khác hẳn đi... Lại tỷ dụ như mắt ta chỉ có thể nhìn thấy những quang minh của tế bào, của nguyên tử hay điện tử, thì hình ảnh người khi đó sẽ trở thành một đám mây mù mông lung điện tử. Như thế, dù thấy rõ ràng mọi hình tướng sự vật chỉ có thể là những ảnh tượng tương ứng với nghiệp lực nhận thức của ta mà thôi.

Ngoài ra, một sắc thân người mà ta trông thấy, ĐỐI VỚI TA, thường là một thứ tiên trần lúu ngại, vì ta không thể ĐI QUA sắc thân ấy được. Nhưng trái lại, có những thứ qui' thân vì nghiệp lực khác cùng quang minh khác, có thể vô ngại đi qua thân người như đi trong hư không vậy.

Tóm lại, nhục nhãn là như vậy, thường c h i' nhìn thấy sự vật do tứ đại (địa, thủy, hỏa, phong) hiệp thành.

Vậy thiên nhãn là gì? Là mắt có thể nhìn thấy một tiết phạm quang phổ' rộng lớn hơn vừa bao la hơn lại vừa vi tế' hơn nhiều cái tiết phạm quang phổ' của nhục nhãn. Nghĩa là có thể nhìn thấy rất nhiều thứ quang minh. Tỷ dụ như nhìn thấy núi Tu Di, nhìn thấy một tầng trời hay nhiều tầng trời, thấy một thế giới hay nhiều thế giới. Đồng thời, lại nhìn thấy những vật rất nhỏ, như vi trùng, vi tử, nguyên tử... và thấy suốt qua các chất lúu ngại nữa.

Có hai thứ thiên nhãn. Một là sanh đấ c thiên nhãn, tức là thứ thiên nhãn do những phước báo, căn lành, cùng công phu tu luyện từ nhiều kiếp trước tích lũy lại, rồi chiêu cảm nên, khi thọ sanh ra đã có sẵn như vậy rồi. Tỷ dụ như thiên nhãn của các chư thiên ở các tầng trời. Cũng như nhục nhãn này có nhiều mức độ... nhục nhãn của người, c ú a con chó, của con chim ó, của con chuồn chuồn đều có sự khác biệt. Tỷ dụ như mắt người có thể nhìn được nhiều màu (couleurs), trong khi mắt con chó chỉ nhìn thấy 2 màu đ e n trắng, nhưng trái lại mắt con chó hình như lại có thể nhìn thấy một vài bóng dáng ma quỷ. Mắt chim ó thì nhìn xa hơn và tinh hơn mắt người... Thiên nhãn cũng vậy. Mắt m ộ t chư thiên ở tầng trời Lạc Biến Hoá hay ở những tầng trời cõi Sắc, chắc là phải hơn thiên nhãn của một chư thiên ở tầng trời Đạo Lợi. Theo kinh Lăng Nghiêm, thì những vị trời ở những tầng trời cao thường nhìn thấy những tầng trời ở dưới thấp hơn, còn những vị ở thấp thì ít khi nhìn thấy những tầng trời trên. Thông lệ là như vậy. Nhưng cũng có nhiều biệt lệ do công phu tu luyện.

Thứ 2 là Tu đắc thiên nhãn. Tức là t h ú thiên nhãn do công phu tu tập chứng đạo - quả mà có, tỷ dụ như thiên nhãn của bậc Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Đại Bồ Tát rồi Phật. Thiên nhãn này dĩ nhiên thù thắng hơn thiên nhãn sanh đắc, tức là

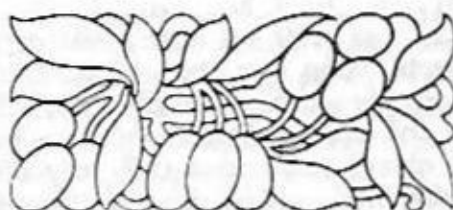
vừa nhìn thấy rộng hơn, vừa sâu hơn vi tế' hơn. Theo trong kinh, thì thiên nhãn bậc Tu Đà Hoàn nhìn thấy từ tầng trời sơ thiên - trở xuống trong một tiểu thế giới (tức là Thái Dương hệ...) Tu Đà Hàm có thể nhìn thấy 1 tiểu thiên thế giới. A Na Hàm nhìn thấy một trung thiên thế giới. Thiên nhãn của A La Hán có thể bao quát một Đại Thiên thế giới... Đại Bồ Tát thì tùy theo mức độ, có thể bao quát rất nhiều hơn nữa, rộng hơn và sâu hơn. Thiên nhãn của Phật thì là tốt điểm của sự thù thắng, có thể nhìn tất cả thế giới hải cùng tất cả những cảnh giới nhỏ nhiệm vi tế'.

Còn huệ nhãn là gì? Đến bình diện này, là bắt đầu mịt mùng rồi. Nên những suy l u ân của phạm phu chúng ta chỉ có thể là những mộng tưởng ước đoán thôi. Huệ nhãn có thể định nghĩa là sự chứng nhập thấy rõ B ả n thế không tịch vô ngã của các pháp, c á c cảnh giới. Nhưng sự chứng nhập bản thể không tịch hay Không Hải này cũng có nhiều mức độ... Nếu y cứ theo quang minh thì có thể tạm nói rằng: bậc đạt đến huệ nhãn là bậc đã nâng quang minh của tâm thức mình đến mức vừa bao la vừa vi tế, khả dĩ vượt qua, xuyên qua các quang minh thô kệch cùng vi diệu tạo nên các cảnh giới, để chứng nhập được thứ quang minh trạm nhiên bất động của Bản Thể.

Bậc A La Hán được gọi là có huệ nhãn, tức là chứng nhập được Bản Thể không tịch vô ngã. Tỷ dụ như Ngài Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất. Huệ nhãn cũng được gọi là Trí Huệ Bát Nhã nhưng chưa phải là tốt cao, tốt ba la mật. Cũng do đó, nên trong những pháp hội Kim Cang cùng Đại Bát Nhã, Ngài Tu Bồ Đề cùng Xá Lợi Phất là những vị thường đứng l ê n thừa thỉnh hỏi Phật.

...Về phía Đại Bồ Tát, thì từ Sơ Địa đến đệ bát địa, các Ngài đều lần lần triển khai huệ nhãn, và khi đến đệ bát địa thì được huệ nhãn tròn đầy.

(còn tiếp)





Được thơ, xem qua để khiến cho người vui. Thuở xưa, CƯ-BÀ-NGỌC đến năm mươi tuổi, nhìn lại năm bốn mươi chín, thấy mình còn sai lầm. Đức Khổng-Tử lúc gần bảy mươi ước được sống thêm lâu để học tinh tường bộ kinh Dịch, cho khỏi điều lỗi lớn. Sự học của thánh hiền thật đã đi cùng đến chỗ khởi tâm động niệm! Học giả đời nay ưa theo tử chương, ít ai nghĩ đến điếm chánh tâm, thành ý. Bởi thế, tuy trọn ngày đọc sách mà không rõ ý chỉ của thánh hiền, ngôn ngữ hành vi so với chỗ học rất xa, như sáng, tối, vuôn, tròn không thể cùng dung hợp. Ấy là chưa nói đến lỗi lầm của tâm niệm nếu kể ra được thì biết bao nhiêu! Kinh Phật dạy người thường tu phép sám hối, để kỷ cho dứt hết vô minh, thà nh đạo bồ đề. Cho nên, đức Di-Lặc tuy ở trên ngôi đấng-giác, còn phải ngày đêm sáu thời lễ mười phương Phật, để cầu vô-minh hết sạch, tròn chứng Pháp-thân hưởng nửa là hàng phàm-phu nghiệp-lực sâu nặng ư? Nếu không biết hỏi, thên, sám-hối, tuy bản tánh đồng với chư Phật, nhưng bị hoặc nghiệp che lấp không thể hiển hiện, ví như tấm gương bầu lâu dối chẳng những không ánh sáng mà thế gương cũng bị khuất mất. Nếu biết gương sẵn tánh sáng, gia công lau chùi mãi, ánh sáng lần phát cho đến khi rục rỏ cùng cực, thành ra một vật chất quí trong dối. Nên biết ánh sáng ấy sẵn có, không phải lau chùi mà được, nếu được thì lau đá gạch cũng ứng chói sáng. Lại phải biết gương tuy đủ ánh sáng, nhưng nếu không lau chùi thì cũng không thể chói sáng được. Tâm tánh chúng sanh cũng thế, tuy đồng với Phật, nhưng nếu chẳng dối đủ làm lành, bỏ

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ PHÚC ĐÁP CƯ SĨ

Đặng Bá Thành

(2)

trần hiệp giác, thì tánh đức sẵn đủ không thể lộ bày. Đem tâm thức sẵn đủ tánh Phật tạo nên nghiệp khổ nhiều kiếp đắm chìm, cũng như nhà tôi có cửa sổ của bầu, đã không dùng được lại bị tôn thương, há chẳng đau tiếc lắm ư? Pháp môn Niệm Phật chính là phép mau bỏ trần hiệp giác trở lại cội nguồn vậy. Người tại-gia vì bị việc đời ràng buộc, khó nổi ở trong tịnh thất tham thiền tụng kinh, với pháp-môn này rất là tiện lợi. Mọi người đều có thể tùy sức tùy phần lễ tụng trì niệm để hồi-hướng vắng sanh. Ngoài giờ khóa tụng chánh thức, khi đi, đứng nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, tất cả thời, tất cả chỗ, đều nên niệm Phật. Nhưng, ở nơi sạch sẽ, khi nghiêm kính, niệm thầm hay ra tiếng đều được. Nếu ở chỗ không sạch sẽ (như ở nơi đại tiểu tiện), hoặc khi không nghiêm kính (như lúc ngủ nghỉ, tắm gội), chỉ nên niệm thầm. Khi nằm nghỉ, nếu niệm ratiếng đã không cung kính lại lao hơi, lâu ngày thành bệnh. Niệm thầm cũng đức đồng như niệm ra tiếng, nhưng phải rõ ràng, thiết và đừng xao lãng.

Cư-sĩ biết phát lộ sám-hối, điều ấy rất hợp với pháp-môn Tịnh-độ, vì lẽ tâm tịnh thì cõi Phật mới thanh tịnh. Nhưng đã sám hối, tất phải sửa lỗi làm lành, nếu không thì thành ra nói suông chẳng được thâtich. Đến như muốn tham luyện cảnh ngoài, chuyên niệm Phật, được nhứt tâm, cũng chẳng có pháp chỉ kỷ lạ, chỉ đem một chữ "chết" dán nơi đầu, treo nói lông mày, thường ng hí rằng: "Ta tử vô-thi đến nay, gây nghiệp ác không lường, không ngăn, giả sử nghiệp ấy có hình tướng, mười phương hư không, c

chẳng thể dung chứa. Duyên dẫu may-mắn , nay được thân người lại nghe Phật-pháp , nếu không một lòng niệm Phật cầu sanh Tây-phương, khi hơi thở dứt rồi, do nghiệp ác cũ chắc khó khỏi sa đọa vào địa ngục . Ấy phải chịu những sự khổ cùng cực, như bị vac dẫu, lò lửa, rừng kiếm, non cao, không biết trải bao nhiêu kiếp mới xong. Khi ra khỏi địa ngục, bởi nghiệp chưa dứt lại đọa vào nga qui, bụng rất to lớn, cổ họng nhỏ như cây kim. Trong miệng thường tuồng ra lửa, nhiều kiếp đói khát, không nghe được tên nước uống, cũng không có lúc tạm nghỉ lòng. Hết kiếp nga qui, lại đọa vào ngục súc-sanh, hoặc để cho người dùng cối chày, hoặc bị bán vào lò thịt. Khi được làm ngựa thì ngu si không trí, để bê tạc nghiệp, khó nuôi làm lành, chẳng mấy lúc lại bị đọa nữa. Nghiệp cũ trả chưa xong đã tạo nghiệp mới, cứ mãi luân-hồi trong sáu đường trải qua kiếp số nhiều như bụi nhỏ, mệnh-mạng biên khổ không biết đâu là "bến bờ". Nếu thường xét nghĩ như thế, sự tu hành sẽ được chuyên nhất. Thuở xưa Trương-thiên-Hòa, Trương-chung-Quý lúc sắp chết tuồng địa ngục hiện, niệm Phật vài tiếng, liền thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Sự lợi ích như thế, trọn một đời giáo-hóa của Phật, trong trăm ngàn muôn ức pháp-môn, chỉ thấy ở môn Niệm-Phật. Tôi thường cho rằng: "Chín cõi chúng-sanh rồi pháp này, trên khó nổi viên-thành quả giác. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này, dẫu ở không thể độ khắp quần mê". Nếu cứ-silong tin sâu đảo, tha thiết vì sự sanh tử, không mong một niệm nghi hoặc, thì tuy chưa ra khỏi đời ác trước, đã chẳng phải là người ở lâu trong cõi Ta-bà. tuy chưa đến liên-bang, nhưng sẽ là khách mới của miền Cực-Lạc. Từ đây, khi thấy người hiện phả i gắng làm cho bằng, gặp việc nhơn đưng nên thua nhượng, dẫu nó dấn-dã trẻ-nai để làm một lúc, lo muôn đời hay sao? Người có huyết tạnh, chắc không chịu sống làm thầy đi thịt chạy, chết đồng mục nát với cỏ cây. Vậy cư sĩ phải nên cố gắng.

Lại, niệm Phật tuy quý ở chuyên nhất nhg cư-sĩ trên còn cha mẹ, dưới có vợ con , đành rằng không nên quá vọng cầu sự giàu sang, song bốn phận trong gia đình cũng lo sao cho tròn, không phải tu hành là bỏ tất cả. Nếu bỏ tất cả mà cha mẹ vợ con khổ thiếu thốn thì được, bằng chẳng thế, đã trái với đời lại trái với đạo, điều ấy cũng nên biết qua . Phần làm con, phải

đem sự tu hành khuyên cha mẹ, nếu song thân biết niệm Phật, được sanh về Tây-phương thoát nẻo luân-hồi, thì đạo hiếu ở đời không ai sánh kịp. Như có kẻ nào đem pháp môn Tịnh-độ khuyên nhiều người tu niệm, thì công đức, giáo hoá sẽ về phần mình, sen vàng buổi tương-lai chắc ở nói thượng phẩm



THƠ PHÚC ĐÁP CƯ SĨ

Đặng Tân An

Lời thỉnh ích của cư sĩ, tôi thật khó đối đáp! Tại sao thế? vì chỉ hướng của Cư Sĩ lớn, kiến thức của tôi nhỏ, lớn nhỏ không đồng, cơ giáo tất khó hợp nhau. Tuy nhiên trong thật tuồng nhất thừa, tìm tuồng lớn nhỏ không thể được. Nơi ấy, nói lớn thì lớn nói nhỏ thì nhỏ, lớn nhỏ vẫn đây đủ tánh pháp giới. Cái nhỏ của tôi biết, lại bao trùm tất cả pháp trong mười cõi pháp . Ngài Thiên Đạo Hoà Thượng nói: nếu muốn học về giải, tất cả pháp từ phạm phu đến Phật địa đều nên học. Như muốn học về hành nên lựa một pháp hợp lý hợp cơ gắng sức tinh chuyên mới mau được thật ích. Chẳng thế thì dù trải qua nhiều kiếp cũng khó thoát ly. Pháp hợp lý hợp cơ ấy không chỉ hơn dùng lòng tin nguyện trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây phương. Muốn tìm học , nên y theo kinh Di-Đà Yêu Giải và các sách Tịnh Độ.

xem tiếp trang 17

Nước Cực Lạc

Xá Lợi Phất, Cực Lạc Quốc độ thành tựu như
thị công đức trang nghiêm.

Kinh A Di Đà

Có một nơi nào ở chốn xa:
Trời thì là mộng, đất là hoa.
Bao nhiêu trần lụy lằng lằng sạch,
Chẳng có buồn đau, chẳng có già.

Mùa xuân... rồi lại đến mùa xuân,
Vô thủy từ xưa chẳng ulla tàn.
Nước diu, mây hiển dơi bất diệt,
Không tìm dấu được vết thời gian.

Có những dưỡng di chói ánh vàng,
Hồ sen thất bảo rực hào quang.
Thánh hiển xuất hiện trong hoa nở,
Tướng hảo quang minh đẹp rõ ràng.

Bầy lân rào đậu, bầy lân cây,
Âm nhạc ngân nga suốt tháng ngày.
Những giống chim thần vui múa hát,
Diễn ra các pháp dục lòng say.

Những trận mưa hoa sức nức hương,
Đưa mùi đạo lý khắp ngàn phương.
Muốn loài hoan hỷ lòng thanh tịnh,
Cầu nguyện cho nhau khắp nẻo đường.

Nơi ấy thanh bình, đời thắm tươi,
Nhân dân ngày tháng chỉ vui cười.
Ai ai cũng mến thương nhau cả,
Năm hạnh tràn dâng khắp mọi nơi.

Chẳng thấy ai bàn chuyện đấu tranh,
Ví chùng tranh đấu nghĩa không thành.
Chăm lo một việc trồng nhân thiện,
Nhân thiện sinh ra những quả lành.

Hà Ngọc Dư - Krefeld

Ngày Đại Lễ Phật Đản 2526(01-5-1982)

Quy Y

Mài gương Bát Nhã độ thân,
Đi về hướng ánh Đạo Vàng hội duyên.
Vung gương đoạn gốc não phiền,
Thoát vòng tục lụy đến miền an vui.

Thị Hiện

Thân tặng anh Phi nhân lễ quy y tại chùa
Viên Giác - Muà Phật Đản 2526.

Đường về Khánh Anh Tự

Có những niềm đau khá đậm đà
Trần ai năm tháng cô phôi pha
Mang chí thân liều ngàn sâu thẳm
Nghịch nọ nhân sanh tợ hải hà!...

Có những nguồn đau của vô thường:
Sanh, già, bệnh, chết...bóng tang thương!
Về đi! lữ khách, đường xa lắm:
Giải kiếp tử sanh, cắt đoạn trường!

Có những niềm vui... thoáng nhẹ nhàng
Đổi bằng nước mắt vạn ngày mang
Bằng tâm từ ái, bằng nguyện ấy:
Thương mãi nhân sinh, thức muộn màng.

Có những lời kinh, khời an lành
Từ bi cao vút vọng thiên thanh
Khắc ghi xương cốt, mang hình bóng
Tất Đạt ra đi... đại nguyện thành.

Paris - Thích Nữ Trĩ Tánh.

Trăng ngàn xưa...

Thích Nữ Diệu Ân

Ai về miền đất cát pha
Đứng vùng Vạn Hạnh trông ra Vũng Tàu
Xanh lơ tươi mát một màu
Hương quế có nội ngọt ngào thoáng qua
Hương về rừng núi trời xa
Bức tranh hùng vĩ ai mà khéo tô
Trùng trùng như lớp sóng xô
Chân mây cuối nẻo từng ở vương dài
Đêm về có ánh trăng cài
Trên cành cội thụ trông hoài nên thơ
Trăng ơi! trăng vẫn còn chờ
Người xưa trở lại bên bờ giếng chãng
Thuở nào cũng chẳng nói, năng
Khi tròn khi khuyết biết rằng đổi thay
Ba mươi mông một mông hai
Hay là mười bốn tối mai đêm rằm
Cho dù nơi cõi xa xăm
Vẫn soi ánh sáng ngàn năm vạn loài
Trăng không phân biệt giống nòi
Cũng không có tiếng hỏi đòi tiền nong
Chưa hề nghe kẻ chửi công
Mà người trần thế vẫn không ngó ngang
Trăng ơi! trăng đẹp vô vàn
Ta thương trăng lắm như nàng thơ đêm
Cho dù sống cánh êm đêm
Còn chờ trăng mãi mà thêm tuổi già
Câu xin trên đức Di Đà
Cho con quà vàng vào nhà Lạc Bang.

Những công hiến của Phật Giáo cho nền Mỹ nghệ, Văn chương và Triết học ở Việt Nam

Chánh Trí MAI THỌ TRUYỀN

Chúng tôi rất hân hạnh được đăng dưới đây bài thuyết trình của vị chủ tịch Hội Phật Học Nam Việt là Ông Chánh Trí Mai Thọ Truyền, đã đọc chiếu ngày 29-11-1956, trong một cuộc thảo luận của Hội Nghị Phật Giáo Thế Giới ở Tân Đê Li. L.T S

Tứ Trung Hoa Phật Giáo được truyền sang Việt Nam lối cuối thế kỷ thứ hai, nghĩa là cách nay trên một ngàn bảy trăm năm, sau Không Giáo. Bốn trăm năm sau, liên khi Việt Nam chấm dứt quyền đô hộ của người Tà u, Phật Giáo bắt đầu phát triển mạnh, nhờ sự thúc hộ trợ của các quốc vương, và từ đó tiếp tục bành trướng không gián đoạn luôn cả về hai mặt rộng và sâu, đầu răng đã được một đôi khi gặp sự tranh chấp đồ kỳ của Không Giáo và Lão Giáo. Trải qua một khoảng thời gian lịch sử khá lâu, từ năm 968 đến 1414 Phật Giáo còn được nâng cao lên đến hàng quốc giáo. Dưới hai triều Lý, Trần, nhiều vua đứng ra nêu gương tu hành tinh tấn, thậm chí đã có nhiều vị tư nội lãnh tục, vào núi tham thiền. Chuyên nghĩ cũng lạ và giá không bị bắt buộc phải đứng yên trong phạm vi của bài thuyết trình này, cố lẽ tôi đã thử nghiên cứu trường hợp của các vị đạo tâm cao cả này và chắc sẽ có nhiều hứng thú.

Như đã nói, Phật Giáo thời bây giờ chiếm một địa vị gần như độc tôn. Địa vị ấy đến ngày nay, Phật Giáo còn nắm giữ, đành rằng không phải công khai như trước xưa mà trong thâm tâm của một đa số rất quan trọng. Cứ vào đây mà xét thì để đoán biết ảnh hưởng của Phật Giáo lớn lao như thế nào ở trên đất Việt và những gì quý báu mà Phật Giáo đã cống hiến cho việc xây dựng nền luân lý và đạo đức của một dân tộc hiền hòa, chất phác, hình như sinh ra là để nghinh -

đón đạo Tử Bi.

Chính dưới cái nét đậm tử bi này của con người đức Phật mà giáo lý của Ngài được người dân Việt hiểu biết và tán thán. Các nghệ sĩ, hiền triết, văn nhân thời xưa, không ai là không nhuần thấm đạo tử bi; đến nay vẫn còn đông số người trong ba giới này tiếp tục chịu ảnh hưởng gương xả thân cứu đời của Phật Tổ.

Một tác giả Tây phương, khi vẽ lại con đường lịch sử của nền triết học Trung Hoa có viết: "Phật Giáo là ảnh hưởng ngoại quốc đầu tiên đã thúc đẩy mạnh bước tiến triển của dân tộc Trung Hoa trên phương diện tâm lý nhờ đó chẳng những tôn giáo mà các ngành khác của nền văn minh trong nước đều được phục sinh, vun bón và phát đạt đến cực độ. Bất luận là ai đâu là người chưa từng hiểu biết đời sống tinh thần của dân tộc Trung Hoa đi nữa, chỉ một liếc mắt qua những công trình tuyệt tác của nghệ thuật cũng nhận rằng nền mỹ nghệ ở xứ này đã bắt nguồn thâm sâu ở tinh hoa Phật Giáo cho đến nỗi khi Phật đạo đạt đến mức tối huy hoàng, thì mỹ nghệ cũng theo đà mà đơm hoa kết quả sum sụ lạ thường". Chúng tôi tưởng lời nghiệm xét của Tác giả có thể đem ra áp dụng nguyên vẹn cho Việt Nam, khỏi sửa đổi một điều nào, đối với kiến trúc, điêu khắc và hội họa. Những chùa chiền tranh tượng sau những tang thương do thời gian và chiến tranh gây ra, cũng như những công trình khảo cổ trước năm 1945, đều chứng tỏ ảnh hưởng to tát của Phật Giáo trên địa hạt này.

Giáo sư Paul MUS cho rằng trong vài xứ và đứng về một vài phương diện, nhà nghệ sĩ thường gần các thiện tín hơn là nhà tu sĩ để diễn đạt những gì họ quý chuộng và lo nghĩ hằng ngày. Điều ấy hẳn đã vậy, nhưng ở

Việt Nam vai tuồng đó, nhà nghệ sĩ hình như đã nhường lại cho nhà văn sĩ như là thi sĩ, và những thi sĩ này cũng là những bậc triết gia xuất sắc. Sở dĩ như thế là vì người Việt, tuy biết thích ngắm những cái đang mỹ miều, những màu sắc cân đối, vẫn chỉ cảm xúc thật sự dưới những rung động của âm thanh. Tại sao thế?

Thật khó mà giải thích, xu hướng đó làm cho người Việt rất mê thích ca nhạc, chẳng những lời nhạc của đơn sáo mà thôi, mà còn và nhất là lời nhạc không kèm dù dương và uyển chuyển của câu thi lời phú. Vì vậy, chúng tôi thiết nghĩ, nếu muốn biết nước Việt đã hưởng được những lợi lộc gì sau mười bảy thế kỷ quy y Phật Pháp, cần phải hướng sự tìm tòi về neo văn chương hơn là về neo mỹ nghệ. Sách vở mới thật là kho tàng của tư tưởng. Và cũng không cần moi tìm ở đâu nữa, vì trong văn chương đã có sẵn triết học, bằng có là ít khi một áng văn hay mà trong đó không có ngụ một vài triết lý hay luân lý.

Đến đây, cần phải đi lùi lại thế kỷ thứ sáu, lúc các am tự vừa là những nói phát huy ảnh hưởng của Đạo Phật, vừa là lò đào tạo các bậc tạo nhân mặc khách. Nên nhớ rằng thời ấy không có trường công, và trường tư, thanh niên ít người thích học Nho, ngoài trừ những nhà Sư. Cảm thấy trong giáo lý nhà Phật đã có những cao sâu, huyền diệu, các tu sĩ, bất mãn với lời khẩu truyền, bèn cố gắng học Hán tự để t h a m khảo kinh điển cho đến chỗ tinh vi. Thời này sang đời khác đã thành một cái lệ, kéo đến khoảng giữa năm 1010 và 1225, dưới triều nhà Lý, ngoài chốn Thiền môn, thật khó mà tìm một thi sĩ có tài. Thiền môn thật, vì các văn gia nổi tiếng thời ấy đều là những Thiền sư do các Tổ T h i ên Tông từ Trung Hoa sang đào luyện. Tuy sâu xa khó hiểu cho đại chúng, văn phạm của các Ngài không vì lẽ đó mà không làm tăng uy thế của Phật Giáo lúc ấy đã lan tràn gần khắp nơi.

Từ thế kỷ thứ mười lăm, tình thế bị đảo lộn: Nho giáo đã thắng Phật giáo và được nhà vua tin dùng, ủng hộ. Tuy thất bại ở triều trung, Phật Giáo vẫn sống vững trong tâm hồn của dân chúng và đã được mấy trăm năm giáo hóa, để rồi nhân phong trào "Tam Giáo qui nhất" ở Tàu mà phục phát một cách mạnh mẽ như trước. Các nho gia

hình như cũng nhận chịu phong trào ấy, cho nên sau một lúc do dự, đã cùng với các bậc tiên bối Trung Hoa, cho rằng muốn có một thực học, cần phải tham bác Tam giáo là Nho, Thích, Đạo. Nhờ phong trào ấy mà phạm vi hoạt động của văn chương và triết học được mở rộng ra nhiều.

Những tiên bối về mặt văn chương trong thời kỳ vừa nói thật là đáng kể, nhưng chưa quan trọng bằng những kết quả thu được ở hai thế kỷ 17 và 18, sau khi "chữ Nôm" được sáng tạo. Còn lúc nào thuận lợi hơn cho việc truyền bá tư tưởng: tác giả và độc giả chung nói một thứ tiếng. Tất cả những trở ngại về âm thanh biến mất, vì lời nói xuôi ngược, do chữ Nho tạo ra, đều bị chữ Nôm dẹp hết, thành ra sự học hỏi được dễ dàng và mau lẹ hơn một phần nào. Sự kiện ấy đã giúp rất nhiều công cuộc bành trướng phong trào Tam Giáo qui nhất. Nay xin xét sơ phong trào này.

Trước hết nên ghi rằng, tuy có sự tương sai khác, giữa ba môi đạo ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam, chưa hề có một sự cuồng tín đến nỗi gây họa đỏ máu như ở một vài nơi trên thế giới. Lại nữa, trong khi tìm hiểu giáo lý của đối phương để để chiến thắng, mỗi đạo có lẽ đã thấy, tuy ngoài có chỗ trái ngược nhau, ba giáo đều trung tâm đồng trên một căn bản. Thí dụ: Nho Giáo tin ở quyền thượng phát ở Trời, nhưng cũng nhìn nhận trách nhiệm của người. Thế thì giữa thuyết này và luật nghiệp báo, sự sai khác quá mong manh khiến cho đôi bên không thể nào không dung hòa được. Và lại đâu ai nói gì đến cái thực tế chủ nghĩa của Nho Giáo qua thiên về vật chất cho nên không làm sao thỏa mãn được những khao khát về mặt thiêng liêng, huyền bí là sự khao khát chung của nhân loại.

Thật thế, thử hỏi trên thế gian này, dân tộc nào không tìm tòi xem biết coi cảnh bên kia thế giới là như thế nào, chết rồi sẽ ra sao, tương lai sẽ có những gì, v.v.. toàn là những câu hỏi mà không sao kiếm được câu trả lời dứt khoát trong giáo lý của họ Khổng. Các văn gia thi sĩ của Việt Nam chắc không tránh khỏi những thắc mắc vừa kể. Thiết nghĩ có giải thích như thế này mới hiểu được nguyên ủy việc xáo trộn những tư tưởng rất cách biệt nhau trên phương diện người đời. Đúng về mặt thực

hành, phải nhìn nhận rằng chủ trương T a m Giáo qui nhất rất là hợp lý, vì bề ngoài là hợp mà bề trong có chia, và chia ở đây chỉ là chia phạm vi hoạt động và ảnh hưởng thế nào cho cân xứng với tính cách của m ô i đạo.

Đại khái, NHO GIÁO thì lo về vấn đề nhân sự TU TẾ như thế nào để đi đến chỗ TRỊ BÌNH, còn PHẬT GIÁO và ĐẠO GIÁO thì lo giải quyết những vấn đề cao siêu hơn.

Đứng về mặt thuần túy mà xét, sự trà trộn ba đạo như vừa nói thật không phải là một việc đáng mong, nhưng nếu đứng về kết quả mà luận thì thấy rằng nhờ có sự xáo trộn đó mà lòng người dường như bớt xáo trộn lo âu, tánh tình phong tục mới được t ô t đẹp, chứa kẻ cái việc giúp cho quang d ã i quân chúng thêm nhiệm được đời phần những giáo lý phổ thông mà mỗi đạo cần p h ả i truyền bá vì sự lợi ích riêng của chính mình.

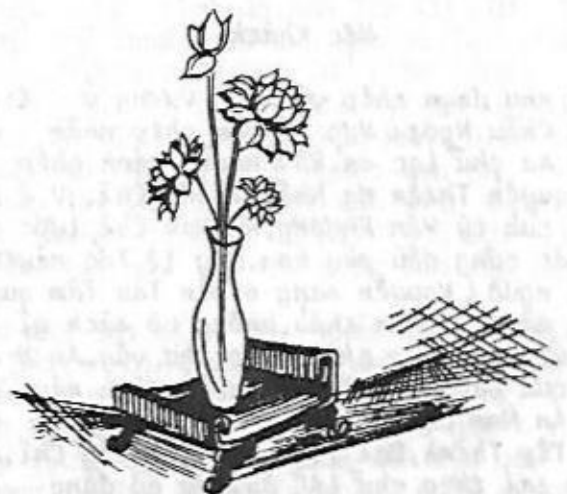
Khảo cứu tỉ mỉ được những áng thi ca bằng chữ nôm - Chúng tôi không nói đến những văn xuôi, vì thời bấy giờ loại văn này rất ít - chắc chắn sẽ làm sáng tỏ phương diện lợi lạc của cái mà người bất thức thường xem như một môn "tả-bình-lũ" hay như m ô t tả giáo khổ tha thứ. Ở đây chúng tôi x i n phép dẫn truyện Kim Vân Kiều làm thí dụ. Truyện Kiều là một áng văn vần tuyệt tác, không tiền khoáng hậu, âm thanh tao nhã, thi văn êm đềm, khiến cho người đọc để cảm, hưởng chi từng hồi lại còn thêm những ý tứ cao siêu được nhuần hưởng tử bị giác ngộ. Thật không quá đáng mà nói rằng, với bao nhiêu nhân tình thế thái rất gần với đời sống xã hội thực tế đã được diễn t ả thân tình trong đó truyện Kiều có một hiệu lực bằng cả ngàn sách luân lý hay triết học trong công cuộc chiến đấu để đem thắng lợi về cho Tử Bi, dấu xa cách hằng trăm năm và dấu dân trí có hướng về tân học, truyện Kiều vẫn còn được kể này xem như một quyển Việt ngữ bách khoa hay như một kinh văn tôn quý, người khát như một khuôn v à n g thước ngọc trong việc xử thế tiếp vật. Còn đối với tất cả, có thể nói đó là một quyển Phật Giáo yếu lược cho hằng số căn rất là tiên lợi. Được mọi giai cấp xã hội n ò n g nhiệt đón tiếp, nam thích nữ cũng ưa. Truyện Kiều đã đem đến cho mọi nhà ánh sáng giác ngộ, thức tỉnh về luật nghiệp báo nghiêm minh, xứng tắn sự an lạc của những tâm hồn

vô đức và khuyến bảo mọi người phải dè dặt đừng làm điều thất nhân tôn, đức mà phải chịu tái sanh trong đau khổ, có người sẽ bảo: như thế thì quá tâm thường chưa phải là Phật Giáo. Vâng, nhưng những tâm hồn thơ ngây có đòi hỏi nhiều hơn dầu và chính họ mới là những người đáng để ý, vì hình như tại có họ mới có tôn giáo...

Trước khi chấm dứt bài thuyết trình ngắn ngủi này, xin nói thêm rằng cho đến n g à y nay Phật Giáo vẫn còn là nguồn cảm hứng cho kịch giới, nhiều thuần phong mỹ tục đều nhờ Phật Giáo mà tồn tại, nhiều truyền xưa tích cũ chịu ảnh hưởng Đạo Phật còn được người trong xứ ưa thích, nhiều ca dao, cách ngôn còn căn cứ trên nền tảng Phật Giáo. Nếu Phật Giáo, là nguồn nước trong để giải khát cho hàng trí thức, Phật Giáo cũng là giọt sữa để nuôi dưỡng những đạo tâm nhiệt, là ngọn đuốc soi đường cho kẻ s ả y mê, lạc lối, là bờ giác cho người đắm đuối quay về. Cửa Thiên là nơi mà các bậc t ỉ n tâm đến chiêm ngưỡng mà cũng là đầm vườn xanh giữa bãi sa mạc cho những ai q ú a khổ vì nóng bức.

Vì nhuần thấm đời sống hằng ngày của dân chúng một cách mật thiết như thế, Đạo Phật hiện nay đã trở thành một nhu cầu tối yếu cho người dân Việt. Trước kia là một Đ a o của xứ người, Phật Giáo nay là một Đạo của Dân Tộc.

(Trích ở NIÊN LỊCH PHẬT GIÁO - năm M ậ u Tuất 1958 trang 115, 117, 120 và 124)





QUỐC SỬ TẠP LỤC

2. VUA HÙNG VÀ NƯỚC VĂN LANG

(tiếp theo)

Tài liệu đọc thêm

Văn đề thực tại của danh xưng HÙNG VƯƠNG

LÀNG XUYỀN

— Học Giả Mặc Khách sưu lục —

Trên Viên Giác số 6,7 chúng tôi đã lần lượt trích dẫn bài của H. Maspéro chỉ trối Lạc Vương là vua nước Văn Lang và bài của cô học giả Sơ Cuồng Lê Dự chỉ trối Hùng Vương mới thật là vua nước đó. Trên Viên Giác kỳ 8, 9 & 10, để kết thúc loạt bài vua Hùng và nước Văn Lang chúng tôi xin trích lục bài của LĂNG XUYỀN nhan đề: "Văn đề thực tại của danh xưng Hùng Vương" đã được đăng tải trên tạp san VĂN HÓA THÂN HỮU (Bổ mới số 1 tháng 4 năm 1981) tại Dallas, Hoa Kỳ. Bài này đã cố gắng dung hòa 2 thuyết dõ lập của hai nhà học giả người Pháp và người mình.

Chúng tôi xin có lời chân thành cảm tạ Soạn giả cùng Tòa Soạn Tạp San Văn Hóa Thân Hữu

Mặc Khách

"Còn như đoạn chép về Hùng Vương ở trong Giao Châu Ngoại Vực Kỳ đều chép nhầm chữ Hùng ra chữ Lạc cả. Rồi những sách chép về sau, quyển Thiên Hạ Nhất Thống Chí, V i ệ t Kiêu của Lý Văn Phụng, An Nam Chí, Lược của Lê Tắc cũng đều phụ họa. Ông Lê Tắc này thân phục ngữ ở Nguyễn sang ở bên Tàu làm quyển sách này tại Hán Khâu, không có sách gì để kê cứu, nên cũng chép theo như vậy. An Nam Chí của Cao Hùng Trưng (quyển sách này gọi là An Nam Chí nguyên là nhầm), Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành, Đại Thanh Nhất Thống Chí, đều chép sai theo chữ LẠC ấy. Nào có đúng gì đến sự tích ta. Xem thế, dù biết sự ghi chép một người nước nọ chép về nước kia có khác

chỉ câu tục ngữ nói: "Bút râu ông nọ, c ấ m cầm bà kia". Nào có giả trối.

IV) Việc nước nào, phải người nước ấy khảo ra mới đúng:

Việt Sử ta do các nhà sử học biên chép Trần thì có Lê Văn Hưu, Hồ Tôn Thốc; Lê thì có Phan Phù Tiên, Ngô Sĩ Liên, Lê Tung, Lê Hy, Phạm Công Trứ, Vũ Quỳnh, Ngô Thời Sĩ, đều là các nhà học giả trối danh đồ đại khoa là m quan ở sứ quán lâu năm, đã tham khảo biết bao nhiêu chính sử, dã sử, truyền ký của tư gia và sử sách của ngoại quốc, hạp với chỗ kiến văn lúc bình nhật của mình mới khởi bút ra mà soạn bộ quốc sử; khởi hứi mới chép ra vài tên ông vua đầu tiên của quốc sử mà đã sai chữ này ra chữ kia hay sao? (17)

Bút giả đã lần lượt trình bày xong thuyết Lạc Vương của H. Maspéro và thuyết Hùng Vương của Sơ Cuồng Lê Dự. Hai thuyết này tuy đối lập nhau, nhưng thuyết nào cũng có nhiều luận cứ khá xác đáng. Tỉ dụ: theo thuyết trên, danh xưng Lạc Vương đã được ghi chép từ lâu trong sử sách Tàu, trước danh xưng Hùng Vương, và sử ta về cuối thế kỷ 15 cũng đã ghi nhận Lạc tướng sau lâm là Hùng tướng. Thuyết dưới cũng đã đưa ra nhiều kiên giải không kém phần giá trị. Dưới đây là hai tỉ dụ:

1. Người Tàu ghi danh xưng Lạc Vương và o sử sách của họ là vua đất Lạc, chứ có phải

Lạc Vương là tên hiệu của Vua Tô nước ta đầu!

2. Chữ LẠC nghĩa là nòi Lạc Việt viết với bộ Chải và bộ Mã không thể nào làm với chữ Hùng (Quảng + Chuy) được.

Ngoài mấy ưu điểm của mỗi thuyết vừa nêu rõ bên trên, cả hai thuyết đều đã tận dụng hầu hết mọi tài liệu tham khảo liên quan; thậm chí, kể đến sau khó lòng kiếm thêm được điều gì mới mẻ hơn nữa. Một chứng cứ là đến năm 1955, E. Gaspardone, một học giả người Pháp, trong bài "Lạc điển và Hùng điển (Champs Lo et Champs H Long) đã phải thú nhận như sau: "*Il nous reste pour éclaircir nos doutes de recourir à la géographie et à l'histoire. Elles nous instruisent sans les résoudre*" nghĩa là "Đề làm sáng tỏ những mối nghi ngờ của chúng ta, nay chỉ còn nhờ đến địa lý và sử học. Hai môn này đã hiển cho chúng ta nhiều điều bổ ích mà chẳng giải quyết được những mối nghi ngờ đó!" (18).

Có điểm đáng lưu ý trong thuyết này là tác giả đã cố gắng trình bày mọi dữ kiện một cách hết sức khách quan và không hề chủ trương biện minh cho thuyết Lạc Vương hay cho thuyết Hùng Vương.

Thái độ vô tư của tác giả đã khiến bút giả phải suy nghĩ nhiều và tự hỏi có cách nào dung hòa được hai thuyết đối lập của H. Maspéro và Lê Dự chẳng. Muốn dung hòa, tất nhiên phải hóa giải được những mâu thuẫn giữa hai thuyết đó đề chỉ giữ lại những kiến giải nào khả dĩ thích hợp được với nhau thôi.

Xét kỹ, đầu mỗi những mâu thuẫn giữa hai thuyết trên là chủ trương của H. Maspéro, cho rằng chữ LẠC đã bị chép nhầm ra chữ Hùng. Chữ Lạc mà H. Maspéro bảo là nhầm ra chữ Hùng là chữ LẠC một bên Các một bên Chuy. Về điểm này, sau khi đọc kỹ lại thuyết của Maspéro, bút giả đã tự hỏi: Chữ Lạc (Các + Chuy) và chữ Hùng (Quảng + Chuy) vì mặt chữ khá giống nhau nên có sự chép nhầm, hay vì một lẽ nào khác, chữ Lạc đã được thay thế bằng chữ Hùng vào một thời kỳ nào đó? Chính H. Maspéro cũng đã công nhận là trước thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch, trong sử sách Tàu chỉ có danh xưng Lạc vương; đến thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch, với sách Nam Việt Chí của Thẩm Hoài Viễn, mới thấy xuất hiện danh xưng Hùng Vương ở đó, và người Việt cũng đã

truyền tụng danh xưng Hùng Vương từ thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch cho tới ngày nay.

Vì có những thắc mắc như trên, bút giả đã đề ý tra cứu lại thật kỹ chữ Lạc (Các + Chuy) nhân đó tình cờ đã khám phá ra rằng không hề có sự nhầm lẫn nào ra chữ kia, và sở dĩ Lạc Vương đã được đổi ra là Hùng Vương trong sách Nam Việt Chí chẳng qua là vì Thẩm Hoài Viễn đã ghi chép theo tục húy kỵ, do mình đã mục kích được ở Giao Châu hồi thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch. Tra Từ Hải thì thấy chữ Lạc (Các + Chuy) có 4 nghĩa như sau:

1. Một loài ngựa mình đen bốn trắng;
2. Dầm dẫu ngựa;
3. Tên con sông;
4. Tên họ.

Trong 4 nghĩa vừa dẫn, nghĩa thứ 3 và thứ 4 có quan hệ mật thiết với vấn đề danh xưng Lạc Vương hay Hùng Vương. Dưới đây xin trích dẫn nguyên văn hai nghĩa đó:

"Nghĩa 3: Thủy danh, dũ Lạc (bộ Thủy + Các) đồng. HÁN THƯ ĐỊA LÝ chú: "Hán hóa hành ký thủy cổ húy lạc thủy nhi gia chuy." AN CHỈNH TỰ THÔNG dẫn Dương Thân viết: "Ta truyền phạm lạc (Thủy + Các) giai tác lạc (Các + Chuy) phi Hán thủy cái." (nghĩa là, tên con sông dùng thông với lạc (bộ Thủy + Các). Sách HÁN THƯ ĐỊA LÝ CHỈ chưa như sau: Đổi Hán thuộc hành hóa, ký thủy, nên bỏ bộ thủy thay bằng bộ chuy. Sách CHỈNH TỰ THÔNG trích dẫn lời của Dương Thân chép rằng trong sách Tả truyền phạm chữ Lạc (bộ Thủy + Các) đều viết thành lạc (Các + Chuy), chứ không phải bắt đầu từ đổi nhà Hán mới đổi ra như thế).

Nghĩa 4: Lạc tính dã. HÁN THƯ CỔ KIM NHÂN BIỂU húy Thuận húy Lạc Đào vì Lạc tính chi thủy. CỔ KIM TÍNH THỊ THƯ BIỆN CHUNG húy vị di thủy vì tính. Nghĩa là (chữ Lạc (Các + Chuy) là tên họ vậy. CỔ KIM NHÂN BIỂU trong sách HÁN THƯ có chép người ban của vua Thuận, Lạc Đào, là người đầu tiên dùng chữ Lạc làm tên họ. Sách CỔ KIM TÍNH THỊ BIỆN CHUNG lại nói lấy tên sông làm tên họ."

Nhờ mấy tài liệu tham khảo trích dẫn trong Từ Hải, ta biết được một nghĩa của chữ Lạc (Các + Chuy) là tên sông đã được dùng làm tên họ từ đời vua Thuận, 2.000 năm trước Tây lịch. Tuy nhiên, nghĩa đầu của chữ Lạc trong Từ Hải khiến ta không khỏi ngạc nhiên chữ Lạc này thuộc bộ Chuy mà bộ Chuy hay Duy vốn dùng để chỉ loài chim đuôi ngắn.

Thế mà theo Tử Hải lại là con ngựa mình đen bốn trắng. Tử diên Tử Nguyên cũng cho nghĩa này; và cả Tử Hải lẫn Tử Nguyên đều căn cứ vào sách Thi Kinh để định nghĩa như vậy.

Tra Tử Hải ở chữ Lạc (bộ Mã) cũng lại thấy có nghĩa là ngựa, nhưng là ngựa sắc trắng, bốn đen. Sách Quảng Vận (19) căn cứ vào sách Tự Lâm định nghĩa chữ Lạc (bộ Chuy) như sau:

"Tự lâm si kỳ điều hựu tính. Lạc (bộ Mã) lạc (bộ Mịch), lạc (bộ Chuy) tính xuất tính uyên (Nghĩa là: Theo Tự lâm, lạc (bộ Chuy) là chim si kỳ (tức cú tai mèo) lại chi' tính. Ba chữ Lạc (bộ Mã, bộ Mịch, bộ Chuy) đều là những tên họ lấy trong sách Tính Uyên)."

Theo chỗ khảo cứu của học giả Hán học người Nhật là Fukuda Jonosuke thì sách Tự Lâm do quan huyện lệnh đời Tần là Lã Thâm biên soạn vào khoảng năm 300 sau Tây Lịch. Sách này đã thất truyền, nhưng tham khảo những tài liệu đời Thanh như cuốn Tự Lâm khảo đạt của Nhâm Đại Thung, Tự Lâm Di Động Thông Khảo của Thang Dung Vi, học giả Fuku da đã khôi phục lại được nội dung của sách đó, vốn phỏng theo sách Thuyết Văn Giải tự của Hứa Thân đời Hậu Hán, có đến 540 bộ thủ như sách này, nhưng về số chữ có nhiều hơn. Tự Lâm có đến 12.824 chữ, mà Thuyết văn Giải tự chỉ có 9.353 chữ (20).

Nhờ sách Quảng Vận và sách Tự Lâm, ta lại biết thêm được hai điều: 1. chữ Lạc (bộ Chuy) cùng với chữ Lạc (bộ Mã và bộ Mịch) đã thường dùng làm tên họ xưa ở nước Tàu. 2. Chữ Lạc (bộ Chuy) trái lại với Tử Hải và Tử Nguyên có nghĩa là cú tai mèo chứ chẳng phải là ngựa mình đen bốn trắng. Nghĩa này là nghĩa chính của chữ Lạc (bộ Mã) kia (21).

Kể đến với sách Thuyết Văn Thông huyên Định Thanh của Chu Tuấn Thanh (1848), mọi nghĩa của chữ Lạc (bộ Chuy) đã được xác định một cách có hệ thống; đồng thời, nhờ đó, ta biết được thêm về mọi liên quan giữa chữ Lạc bộ Chuy với chữ Hùng (Quảng+Chuy). Theo họ Chu, Lạc bộ Chuy có nghĩa chính là con chim kỳ kỳ hay quái xi (chim gõ cú mèo). Vẫn theo họ Chu, chữ này vốn thuộc loại chữ gọi là "thác danh tiêu thức tự" hay giả tá, được dùng để chỉ thay nhiều nghĩa khác nhau như chim cú mèo, ngựa mình đen bốn trắng, sông Huỳnh Lạc ở Dự Châu và nhiều sông khác, cùng một số địa danh xưa, nay

viết với bộ Thủy nhưng từ đời Hậu Ngụy về trước đều viết với bộ Chuy. Lục Đức Mi nh cho rằng chữ Lạc vốn viết với bộ Thủy nhưng đến đời Hậu Hán, dồng dộ tại Lạc (bộ thủy) Dương, do đó xưng khác với Hòa đức của nhà Hán, nên mới đổi ra bộ Chuy; điều này không đúng. Chim cú mèo xưa thường bị coi như một loài chim gõ... Lại nữa, theo Cổ Kim Nhân Biếu, chữ Lạc bộ Chuy trong từ Đại Lạc đã được sách Sử ký đổi ra chữ Lạc bộ Mã, và chữ Lạc bộ Chuy, tên họ của Lạc Đào đã được Thi Tử đổi ra chữ Hùng (Quảng+Chuy) (22).

Nhờ Chu Tuấn Thanh, ta lại biết thêm được một điều quan hệ nữa: Chữ Lạc bộ Chuy không những có thể thay thế bằng chữ Lạc bộ Mã, nhưng lại có thể thay thế bằng chữ Hùng (Quảng+Chuy). Người đầu tiên đã dùng danh xưng Hùng Đào thay cho danh xưng Lạc Đào là người mà Chu Tuấn Thanh gọi là Thi Tử, tức Thi Hiệu, một mưu sĩ của Thượng Ưống, Tể tướng đời Tần, ông lại là tác giả bộ Thi Tử nhị thập thiên.

Theo tiền lệ này, do Thi Hiệu đã đặt ra từ thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, dân chúng Giao Chi, ngay từ hồi nước ta chưa có sử thư, có thể đã tôn xưng Lạc Vương là Hùng Vương rồi. Khoảng thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch, Thẩm Hoài Viên cũng đã thuật lại tập tục này của dân ta trong cuốn Nam Việt Chí do ông biên soạn. Kể đến thế kỷ thứ 10, sách Thái Bình Hoàn Vũ ký của Nhạc Sử lại nói đến và hai lần chép lại một đoạn ở sách Nam Việt Chí như sau: "Đất Giao Chi rất phì nhiêu. Vua nước đó hiệu là Hùng Vương...." Trong đoạn đó sách Thủy Kinh Chú (thế kỷ thứ 6 sau Tây lịch) đã trích dẫn ở sách Giao Châu Ngoại Vực Ký (thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch) tuy thấy chép danh xưng Lạc Vương thay vì Hùng Vương, điều này không có gì mâu thuẫn với điều đã chép trong Nam Việt Chí.

Số là, Tác Giả Thủy Kinh Chú và tác giả Giao Châu Ngoại Vực Ký đã đứng ở quanh một sử gia Tàu chép về Giao Châu đang đặt dưới quyền thống trị của Trung Quốc. Còn tác giả Nam Việt Chí chỉ thuật lại những điều mắt thấy tai nghe tại Nam Việt xưa và Giao Châu mà thôi.

(còn tiếp một kỳ)



Việt Nam phong sự

(Kỳ 9)

Nguyễn Văn Mai bản dịch của Tạ Quang Phát
Học Giả Mạc Khách sưu lục

CHƯƠNG 33

*Hoa thơm thơm lạ thơm lòng
Thơm cây, thơm cõi, người trông cũng thơm.*

Thơ phong sự này thuộc tử.

Lý Huệ Tông lúc chưa lên ngôi đi đến xóm nhà họ Lưu ở ấp ven biển, thấy con gái của ông chài Trần Lý có sắc đẹp, bèn cưới làm vợ, đến khi lên ngôi báu, lại sai đem thuyền rồng đến rước nàng họ Trần vào cung lập làm Nguyên phi, cho người cậu của phi là Tô Hoàn Tử làm Thái Úy và phong tước Thuận lưu bá, cho người anh của phi là Trần Tự Khánh làm Chương tín hầu. Họ Trần chợt một lúc được quý hiển vô song, cho nên người ta lấy hoa mà ví sánh.

Nói trăm thứ hoa hễ có hương thì không có sắc, hễ có sắc thì không có hương. Còn hoa này thì hương và sắc đều tuyệt diệu.

Phải chăng yêu hoa thì yêu đến rễ hoa, yêu đến gốc hoa và yêu đến người trồng hoa nữa là yêu đến cùng cực vậy?

Nhưng hoa đẹp thì nghiêng nước tử xưa vẫn như thế.

Câu phong dao này có ý cứ chê vua Lý Huệ Tông yêu đắm đuối mà không sáng suốt.

Họ Lý không còn làm vua cúng tế xã tắc nữa đúng là do danh hoa này được trông lên vậy!

CHƯƠNG 34

*Một ngày dựa mạn thuyền rồng
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.*

Thơ phong sự này thuộc phú.

Thuyền của vua chúa dùng đều có vẽ hình con rồng và vẽ hình chim nghich (chim nghich lông xanh trắng, bay rất giỏi, không sợ gió, cho nên được người ta vẽ hình ở đầu mũi thuyền) ở đầu mũi. Hoài Nam Tử nói: "long chu nghich thủ" (thuyền rồng có vẽ con chim nghich ở đầu mũi). Bài Đăng Vương phú có câu: "Cả ham mê tận, thanh tước hoàng long chi trực" - (thuyền tàu lạc bến, nhưng chiếc thuyền có vẽ hình chim sẻ xanh và rồng vàng lướt tới) Đều là nói thuyền ngự của vua.

Trần Thái Tôn lúc lên 8 tuổi làm chức Chi Ứng hầu Cục Chính thủ trong triều nhà Lý, đi theo chú là điện tiền chỉ huy sử Trần Thủ Độ, được vào hầu hạ trong cung.

Vua Lý Chiêu Hoàng thấy Ngải thì đẹp lòng, mỗi đêm thường gọi Ngải vào cùng đùa giỡn. Vua có khi kéo tóc Ngải, có khi đứng lên bóp Ngải.

Một hôm Ngải búng bốn nước đống hầu Vua. Vua Chiêu Hoàng rủa tay, lấy tay vốc nước tạt vào mặt Ngải. Ngải búng khăn ăn trầu Vua lấy khăn tay ném vào Ngải. Ngải vãi râu răng - Bệ hạ tha tội cho hạ thân không? Hạ thân nguyên vâng mệnh.

Vua Lý Chiêu Hoàng cười nói:

- Tha tội cho.

Ngải trở về nói cho Trần Thủ Độ biết. Do đó mà cô lòng đoạt ngôi nhà Lý. Người ngoài nghe được việc đó cho nên có câu phong dao này.

Nói là con nhà chài lưới mà được vào hầu hạ ở cung điện cham rồng (không hợp với thuyền rồng) là được hạnh phúc tốt bậc trong thiên hạ.

Câu này cũng chê cười vua Lý Chiêu Hoàng có nét xấu để cho gian thần lần đoạt. Đây là việc lần lần đưa tới sự chẳng lành như đi trên sương lạnh thì biết là giá băng sẽ đến đây ư?

CHƯƠNG 35

*Vì ai nên nổi sấm này
Chùa Tiên vắng vẻ trở Thây xa nhau?*

Thơ phong sự này thuộc phú.
Trần Thái Tông được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi lên làm vua, cho Trần Thủ Độ làm Thái Sư, phế Lý Huệ Tông cho ở chùa Chân Giáo. (Chùa Chân Giáo đầu phải chùa Tiên). Lý Huệ Tông bị phế thường ra chơi ở chợ Đông, nhân dân trăm họ tranh nhau đến xem, có người thương khóc. Trần Thủ Độ sợ lòng người còn nhớ Vua cũ mà sinh biến, sai người gìn giữ Lý Huệ Tông nghiêm ngặt.

Một hôm đi ngang trước chùa, thấy Huệ Tông đang ngồi chồm hổm nhớ cổ, Trần Thủ Độ bảo - Nhớ thì phải nhớ rể sâu!

Huệ Tông đáp:
- Điều người nói, ta hiểu rồi.
Rồi Thủ Độ bức Lý Huệ Tông phải treo cổ mà chết ở chùa sau vườn, giáng Hoàng Hậu của Lý Huệ Tông làm Thiên Cúc công chúa rồi thu nạp làm vợ.

Tông thất nhà Lý do đó rầu rầu thất vọng. Câu phong dao này chê nhà Trần không có lòng nhân hậu. Ai, chi Trần Thủ Độ. Thây, tức Lý Huệ Tông. Tổ, tức Hoàng Hậu của Lý Huệ Tông.

Đã lấy nước người lại còn giết vua là hành vi của loài chó heo, Trần Thái Tông có thể gọi là người vô nhân đạo. Về sau Trần Phế Đế (tức Trần Thuận Tông) và Nguyên Quân (tức Trần Thiệu Đế) nối nhau bị thất cố chết. "Bây ra ở người thì trả về ở người", lời nói của Tăng Tử há lại không đáng tin hay sao?

CHƯƠNG 36

*Trách người quân tử bạc tình
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao.*

Thơ phong sự này thuộc tự.
Lúc chưa được vua Lý Chiêu Hoàng truyền ngôi, Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông) vào hầu hạ trong cung. Lý Chiêu Hoàng thấy Ngài mà đẹp lòng, mỗi đêm thường gọi Ngài vào chơi gối nệm, có khi lấy khăn tay ném vào Ngài. Do đó Trần Thủ Độ và Trần Hoàng Hậu (vợ cũ của Lý Huệ Tông) có lòng mưu đồ chiếm đoạt ngôi nhà Lý.

Một hôm Trần Thủ Độ tuyên bố cho mọi người hay rằng: "Bê hạ (vua Lý Chiêu Hoàng) đã có chồng rồi". Lý Chiêu Hoàng bèn nhường ngôi cho chồng.

Trần Thái Tông đã thay nhà Lý mà được thiê hạ, phong Chiêu Hoàng làm Chiêu Thánh Hoàng Hậu, rồi lại giáng Chiêu Thánh Hoàng Hậu xuống làm Thiên Cúc Công Chúa đem gả cho Lê Phụ Trần. Người trong nước chê cười việc ấy mà không dám nói thẳng ra, mới lấy hoa mà ví để chê cười. Trọn đời nhà Trần có nhiều việc loạn dâm, nói gì đến luân thường nữa?

Trên từ Lê Đại Hành đến triều nhà Lý cộng được 14 chương.

CHƯƠNG 37

*Bạn vàng lại gập bạn vàng
Long lân quy phụng một đoàn tử linh.*

Thơ phong sự này thuộc tự.
Triều nhà Trần, Tông thất nhà Trần cùng một họ lấy nhau. Trần Thái Tông gả Lý Chiêu Hoàng cho Lê Phụ Trần rồi cưới người chị dâu (vợ cũ của Trần Liễu, chị của Chiêu Hoàng) là bà Thuận Thiên Công Chúa làm vợ, và giáng vợ của Lý Huệ Tông là Trần Hoàng Hậu xuống làm công chúa rồi đem gả cho người chú họ là Trần Thủ Độ. Hoàng Hậu của Trần Thái Tông là bà Thiên Cảm lại là con gái của An Sinh Vương Trần Liễu. Hoàng Hậu của Trần Nhân Tông là bà Thuận Thánh lại là con gái của Hưng Đạo Vương. (Thiên Thành công chúa được vua hứa gả cho Trung Thành vương, trong lễ thành hôn, Công chúa đã đến ở nhà chồng là Nhân Tông ở vương. Trần Quốc Tuấn say mê sắc đẹp của Công Chúa, muốn đoạt lấy, đứng đêm lén vào phòng công chúa mà thông gian. Thụy Bà Công Chúa (cô của Trần Quốc Tuấn đã nuôi Quốc Tuấn làm con) biết chuyện ấy, sợ xảy ra tai họa, lập tức đến gõ cửa cung mà tâu cho vua biết, và xin vua thưởng xét Trần Quốc Tuấn). Cô của Trần Quốc Tuấn là Thụy Bà Công Chúa đem mười mâm sinh kim làm lễ cưới. Vua (bất đắc dĩ phải) thu nạp (và gả Thiên Thành Công Chúa cho Trần Quốc Tuấn).

Trái qua các triều đại nhà Trần, các bà Hoàng Hậu đều là thân tộc họ hàng cả. Các

Đại Thần trong Tông Thất nhà Trần cùng một họ trong Hoàng tộc lấy nhau. Khi nắm chính quyền, Trần Quốc Khang lấy con gái của nhà dân ở Biện Châu, vì thế mà con cháu không được bổ chức quan ở kinh đô.

Nguyễn Phi Khanh là kẻ nhà nghèo mà lấy người trong Hoàng phái bị vua xua đuổi không dùng. Vì nhà Trần được nước do Hoàng Hậu của Trần Thái Tông (là bà Chiêu Hoàng) nhường xã tắc nhà Lý cho nhà Trần mới lập ra phép người đồng họ lấy nhau (để tránh việc chuyển nhượng ngôi cho người khác) hầu dứt hậu hoạn.

Từ xưa đến nay việc cưới gả chưa có cái phong hóa nhiều xấu hổ như thế.

Nhận dân thấy việc ấy mà không dám nói thẳng ra, mới muốn vật mà mai mỉa.

Nói cảnh vàng lá ngọc cùng là người Hoàng Tộc, mà kim vàng chỉ ngọc lại trở thành duyên Tân Tân. Con của vị này, vợ của ông kia cùng là hoàng tộc với nhau thì sao lại là chồng? sao lại là vợ? Long lân quy phụng là nói như vậy chăng?
(còn tiếp)

Tình Thương

Ta thương người như ta thương ta
Như thương năm châu, đại địa sơn hà
Ngày mai xa người, ai sẽ khóc
Một lạ báo đền tình nghĩa thiết tha!

Thôi chả bao giờ lại gặp nhau!
Thương người tóc xanh, mộng đã bạc màu.
Ta đi mong với trời cao thăm
Nguyện ước san bằng những cuộc bể dâu!
Mùa Phật Đản 2526
Thị Nguyễn - München

Phật Giáo là một pháp công công trong mười phương pháp giới, ai cũng nên tu và đều có thể tu. Bối chúa thấy rõ bản sắc của Phật Giáo, một nhóm Nho Sĩ lập luận mà quát rằng: Đạo Phật bỏ nhân luân, hại chánh lý! Tại sao mà biết họ sai lầm? Vì Đức Phật đối với kẻ làm cha nói lành, với con nói thảo, với vua nói nhân, với tôi nói trung, cho đến chồng vợ kính yêu, anh em hòa thuận; tất cả lời hay hạnh tốt ở đời, trong kinh Phật đều nói rành rẽ. Thế thì cùng với nho giáo có khác chỗ nào? Hơn nữa, về điểm chỉ rõ lý nhân quả báo đũa trong đạo Nho không thấy nói. Đến những việc: dứt hoặc chúng chôn, đây đủ Bồ Đề, về nơi vô dục, thì Nho giáo phải kếm thua xa. Tiếc cho hàng nho sĩ kia chưa thấy, nếu họ được xem kỹ và hiểu sâu lý chắc sẽ đau thương rơi lệ, tiếng khóc đồng cả đại thiên hồi ấy hẳn vì mình đã khinh báng Phật Giáo! Nhưng dùng lời báng Pháp tội nhỏ, dùng thân báng Pháp tội lớn vô cùng! Đời nay có những người ưa nói Đại

Thừa cho rằng mình đã ngộ đạo, bảo: "Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật? Phiền não tức Bồ Đề, cần gì dứt phiền não. Dâm, giận, mê là giới, đình, huê, cần gì trừ bỏ dâm, giận, mê?" Lời nói của họ thật cao trên chín tầng mây, việc làm xét lại ở dưới chín lớp đất! Những người như thế gọi là oan gia của nhà Phật, so với kẻ khờ biết Phật Pháp mà khinh báng tội còn nặng hơn muôn phần. Với hàng sau này, luận về công họ nghiên cứu Phật Pháp chẳng phải toàn là vô ích, nhưng chỉ làm cái nhân được độ về sau. Còn tội dùng thân báng Pháp, quyết phải chịu khổ trong đường ác đạo không biết bao nhiêu kiếp số.

Cư Sĩ nên nghiên cứu kinh luận Đại Thừa cho chỗ hiểu biết được đầy đủ. Về phần tu phải lấy tín, nguyện, trì danh làm chánh hạnh. Đến như lúc cư xử bình thường, hoặc sợ làm tội không hay, giam phước không biết, nên đọc bộ AN SI TOÀN THỚ và PHÁP UYÊN CHÁU LÂM, tất sẽ nắm được khuôn phép để giữ gìn, tâm niệm không dám buông lung nữa. Thảng hoặc còn sợ mình kiêu soát không kịp, nên y theo pháp công quả cách của Đức Phật Huệ Đệ Quán mà thật hành, thì có thể vượt phạm lên Thánh, dứt hoặc chúng chôn. Như thế, ở nước Trung Hoa này, cư sĩ sẽ là người ít ai hơn được.

(còn tiếp)

TRUYỆN HUNG ĐẠO VƯƠNG



(Kỳ 8)

Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần
thứ nhất tại Đông Kinh Ấn quán Hà Nội
năm 1914

Học Giả Mạc Khách sưu lục

HỒI THỨ BẢY

Tặc khấu phạm tới Thăng Long,
Xa giá ngự vào Thanh Hoá.

Hung Đạo Vương thu quân về sông Phú Lương
Thoát Hoan kéo tràn về mặt Bắc Ninh, thả
quân cướp bóc vùng Võ Ninh, Gia Lâm, Đông
Ngân, rồi kéo quân đóng tại bên Đông Bộ Đầu
Hung Đạo Vương lập một dãy trại quanh mé
nam ngạn phòng giữ.

Vua muốn sai người đến tận trại giặc xem
binh tình hư thực làm sao, nhưng nghĩ khó
kén được người đi sứ cho giỏi. Có một người
đều hàng lính hầu tên là Đổ Khắc Chung
tình nguyện xin đi sứ.

Vua hỏi rằng:

- Người học thức được bao nhiêu, mà dám
tình nguyện đi sứ, giặc hỏi vặn đến thững
đối làm sao?

Khắc Chung tâu rằng:

- Tiểu thần tuy học thức không mấy, nhưng
xin ra đó để xét binh tình, còn đến ứng đối
thì tùy cơ nói cho phải thì thôi, có làm gì
mà chẳng kham nổi.

Vua khen rằng:

- Ai ngờ trong đám ngựa kéo xe muối, mà có
ngựa kĩ kỉ (ngựa quý) thế này!

Mới sai Đổ Khắc Chung, giá tiếng cầm t h ư
đến Đông Bộ Đầu cầu hòa.

Bây giờ Thoát Hoan đóng quân tại mặt Bắc,
chỉ có Ô Mã Nhi đóng ở Đông Bộ Đầu. K h i
trước quân Nguyên bắt được Nam quân, thấy
người nào cũng thích mực vào cánh tay hai

chữ: "Sát Đát" (giết quân Mông Cổ). Q u â n
Nguyên nổi giận giết sạch cả bọn ấy. Khi
này Đổ Khắc Chung phụng mệnh đến Đông Bộ
Đầu Ô Mã Nhi bưng bưng nổi giận quát mắng
rằng:

- Quân mây sao dám thích chữ xác như thế
Khắc Chung khoan thai thưa rằng:

- Chớ nhà ai biết chủ nhà ấy, không phải
chủ thì cần. Việc thích chữ đó, là từ bụng
trung nghĩa của họ, họ tức thì họ thích vào
tay chớ có ai xúi!

Mã Nhi lại quát rằng:

- Đại quân đến đây sao không giữ lễ phép
đón rước cho tử tế, mà lại dám kháng cự?

- Hiền tướng giá biết mẹo Hàn Tín b i n h
Yên khi xưa, đóng quân ngoài cõi, cho t h ư
vào trước nói tử tế, thế mà nước tôi ở lại
không lịch sự, thì mới lỗi tại nước tôi .
Nay hiền tướng lại ý thế bức nhau thì thú
cùng dướng phai cần, chim tưng thế phải mở
huống chỉ là người ta!

- Vậy người đến đây có việc gì?

- Tôi phụng mệnh chúa tôi, muốn giảng hòa
với thượng quốc, không biết ý hiền tướng có
bằng lòng cho không?

Ô Mã Nhi lại quát lên rằng:

- Nay đại quân muốn dướng sang đánh Chiêm
Thành, nếu quốc vương thân đến đây ra mặt,
thì trong cõi yên ổn, tư hào không ai xâm
phạm; nhược bằng không đến, thì chỉ trong
giây phút giang sơn phảng phất như không!
Đổ Khắc Chung từ giá ra, có ý nhìn xem dinh
trại, quân lương, chiến thuyền nhiều ít rồi
mới về.

Ô Mã Nhi bảo với các tướng rằng:

- Người này đang khi ta hồ hết giâm dọa,
mà ản nói khoan thai để dướng như không,

Ứng đối lại giỏi, không để nhục đến mệnh - chu. Nước kia còn có người giỏi như thế, ta vị tất đã làm gì được họ.

Khắc Chung về tâu với Vua mọi chuyện đầu đuôi và binh tình của giặc.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương rằng:

- Tắc thế mạnh lắm, vương nghĩ làm sao bây giờ?

Hưng Đạo Vương tâu rằng:

- Được thua là sự thường, xin bệ hạ cứ vững tâm cho, rồi sẽ liệu cơ tùy thế mà c h ớ n g ch ế, ch ớ k h ớ n g vi ệ c gì mà ngại.

Thoát Hoan ở mặt Bắc, kéo quân đến bờ sông Phú Lương trông thấy bờ bên này có m ộ t d ấ y tr ậ i, mới sai quân bắn đại bác sang, hò reo thách đánh. Thoát Hoan sai bắn đại bác phá các trại, trại nào cũng tan nát, quân sĩ vỡ tan chạy trốn. Quân Nguyễn làm c ấ u phao qua sông, kéo đến sát chân thành hạ trại.

Hưng Đạo Vương rước xa giá Thượng Hoàng và vua ra ngoài thành Thăng Long, tam lách vào mặt trong để các tướng ở lại giữ thành

Sáng hôm sau, Thoát Hoan sai quân vây bờn mặt đánh thành, đạn bắn lên mặt thành như mưa. Các tướng hết sức chống giữ. Q u, ấ n Nguyễn đánh luôn 10 ngày không phá nổi.

Một búa, Thoát Hoan cưỡi ngựa điều x u n g quanh thành, đốc thúc quân tướng vào đánh. Tướng giữ cửa Bắc là Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng ở trên địch lâu trông thấy Thoát Hoan liền bắn xuống một phát tên, tin vào đầu ngựa, ngựa bị đau nhảy chồm lên Thoát Hoan ngã lảo đảo xuống đất. Các tướng cúi đứng dậy, thay ngựa khác, Thoát Hoan n ớ i giận thúc quân tướng c ố sức lấn vào p h ấ c cửa thành, trên thành bắn tên xuống loạn xạ, Thoát Hoan phải rút quân về.

Lý Hống nói rằng:

- Thành này từ đời Lý đóng đồ ở đây, thành cao, hào rộng, tường gạch kiên cố, luống tháo lại nhiều, và lại có các d ứ n g t ứ n g phòng giữ nghiêm mật, nếu ta chia binh ra đánh các cửa thì trong thành cửa nào có tướng giữ cửa này, quân ta khó lòng mà phá c h o nổi; chỉ bằng ta dùng quân ít nhiều đánh các cửa mà tụ cả tinh binh, mạnh tướng chỉ cốt dụng tâm hết sức phá một cửa mà vào, thì mới có thể phá được.

Thoát Hoan nghe lời ấy, sáng hôm sau tụ hết tinh binh mạnh tướng phá vào cửa Bắc.

Thoát Hoan thân đánh trống trận, các tướng

reo âm một tiếng, kéo đến sát thành. Quân trên thành bắn tên không lập, chém giết không xuể. A Bát Xích trước hết nhảy v ớ t lên thành, quân sĩ kinh vỡ. Quân ở ngoài phá tan cửa Bắc, kéo ùa cả vào. Trần Bình Trọng đang ở trên mặt thành đốc chiến, thấy quân Nguyễn đã vào được thành, vội vàng c h ớ n g ra cửa Nam. Bây giờ quân Nguyễn h ớ n năm vạn người, tiếng reo kinh động ngoài 10 dặm. Tướng giữ các cửa ai n ấ y phải t ỉ m đứng trốn hết.

Thoát Hoan hạ xong thành Thăng Long, nghe tin Hưng Đạo Vương rước xa giá chạy xuống mặt Nam, sai Khoan Triệt, Lý Hống dẫn 5.000 quân đuổi theo.

Nói về Toa Đô, Đường Ngột Đái từ khi men đường về Quảng Châu, sang đánh Chiêm Thành. Chiêm Thành giữ các đường hẻm, Toa Đô phá mãi không vỡ, muốn rút quân về.

Nguyễn Chúa đưa giấy sang sai Toa Đô từ Chiêm Thành do đường bộ kéo ra mặt Nghệ An, để hợp với quân Thoát Hoan. Thoát Hoan được tin ấy, sai Ô Mã Nhi dẫn quân đi đường bộ vào Nghệ An, tiếp ứng cho Toa Đô, để đánh từ mặt trong ấy ra ngoài này. Lại dàn chiến thuyền từ sông Phú Lương đến mãi sông Đại Hoàng (Thuộc huyện Nam Sang phủ Lý, t r ờ n liền sông Thiên Mạc, dưới thông sông Giao Thủy) chia ra giữ các bến.

Đến giờ Hưng Đạo Vương dẫn các tướng hô về xa giá xuống mặt Thiên Trường. Sức n g h e thấy tin Toa Đô từ vùng trong kéo ra. Hưng Đạo Vương tâu vua xin sai Thượng tướng là Trần Quang Khải dẫn binh vào đóng mặt Nghệ An, giữ chặn đường hiểm yếu, không cho Toa Đô ra ngoài này. Một mặt sai Trần Bình Trọng đóng quân ở lại Thiên Trường, cự nhau với quân Thoát Hoan; ngài thì rước xa giá ra Hải Dương.

Thượng tướng Quang Khải dẫn quân vào đến Nghệ An, chia quân phòng giữ. Toa Đô, Đường Ngột Đái từ Chiêm Thành trở ra, quân thế hùng dũng, đi đến đâu đánh tan đến đấy. Quang Khải giữ được nửa tháng, sức lại có Ô Mã Nhi từ mặt bên đánh vào, Quang K h ấ i đứng không nổi hai mặt, lui quân ra m ề ngoài.

Tướng trấn thủ ở Nghệ An tên là Trần Kiện (Trần Kiện là con thứ hai Tĩnh quốc vương Trần Quốc Khang, Quốc Khang trấn thủ ở Nghệ An cho nên con lai nổi chức giữ ở đây) đem

cả nhà ra thành hàng với Toa Đò. Toa Đò sai một tướng đưa Trần Kiên và bọn gia quyến về Yên Kinh. Hưng Đạo Vương nghe tin, sai bộ tướng là Nguyễn Địa Lô mang quân đi lên đường tắt đuổi theo. Khi quân Nguyên ở ở a Trần Kiên đến địa phận Lạng Sơn, qua trại Mã Lục, thì có người thổi hào ở đây tên là Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Linh xuất dân binh ra đánh lại, may Nguyễn Địa Lô đuổi vừa đến nơi Quân Nguyên tưng thê, cố đánh tháo l a y đường mà chạy, Nguyễn Địa Lô trông t h a y Trần Kiên ngồi trên ngựa, bắn ra một phát tên, Trần Kiên tin phải tên ngựa xuống ngựa chết. Đây tử Trần Kiên là Lê Chấn cướp lấy thây nhảy lên ngựa chạy thoát được; đi suốt cả đêm, đến giờ Khâu Ôn táng cho Thây rồi trở sang Tàu.

Nói về Trần Bình Trọng đóng quân ở l a i giữ Thiên Trường, tướng Nguyên là Khoan Triệt, Lý Hăng dẫn quân đuổi theo xa giá, đến bãi Đà Mạc (ở sông Thiên Mạc, t h u ộ c Huyện Đông An, Tỉnh Hưng Yên) Bình Trọng dẫn quân ra đánh. Khoan Triệt múa dao xông ra. Bình Trọng thúc ngựa múa côn vào đánh; hai tướng đấu nhau hơn 100 hợp chưa rõ hơn thua. Sức đâu Lý Hăng dẫn binh ra m e s a u đánh tập hậu, vây bọc Bình Trọng vào giữa trận. Quân sĩ kinh hoàng, chạy tán lạc r a tứ phía, Bình Trọng còn độc một mình m ộ t ngựa, cố sức đánh tháo l a y đường chạy trốn nhưng bị quân Nguyên vây đầy qu a. B i n h Trọng đánh mãi tới sáng đến trưa, không sao ra thoát được vòng vây, sức lực mỏi mệt, bị quân Nguyên bắt sống được, giải về n ộ p Thoát Hoan.

Thoát Hoan biết Bình Trọng là tướng khỏe mạnh, muốn khuyên dỗ về hàng. Bình Trọng nhất định không hàng. Thoát Hoan đ ộ c h o ăn uống, Bình Trọng cũng không ăn uống gì cả. Thoát Hoan lấy lời ngọt ngào dỗ dành, hỏi dò việc nước. Bình Trọng không nói câu gì.

Thoát Hoan lại hỏi rằng:

- Có muốn làm vương đất Bắc không?

Bình Trọng quát lên rằng:

- Tao thà làm quí' nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. Tao nay đã bị m a y b ấ t được, có giết thì giết, can gì phải hỏi lời thối.

Thoát Hoan biết chùng d ộ c cũng không được nào, mới sai lời ra chém.

Có thơ rằng:

Giới thay! Trần Bình Trọng.

Giòng đời Lê Đại Hành (Trần Bình Trọng ng

nguyên là giòng đời vua Lê Đại Hành, vì làm quan thời vua Thái Tôn có công to mới cho quốc tính, đổi làm họ Trần).

Đánh giặc dư tài mạnh,

Đền vua một tiết trinh.

Bắc vương như d ộ nhục,

Nam quí' cũng còn vinh!

Cứng cỏi lối trung liệt,

Nghìn thu tổ đại danh!

Thoát Hoan giết xong than tiếc vô cùng, sai đem mai táng tử t ộ. Thánh Tôn thưởng Hoàng cùng vua Nhân Tôn và Hưng Đạo Vương nghe tin Bình Trọng tử tiết, ai n a y cũng thưởng cảm, đá hai hàng nước mắt.

Hưng Đạo Vương rước xa giá ra Quảng Yên, ngự thuyền đến sông Tam Chi (thuộc châu Tiên Yên) lại sai một tướng dẫn chiếc thuyền rồng ra cửa bể Ngọc Sơn (thuộc về Châu Vạn Linh, Tỉnh Quảng Yên) làm cho nghi tình quân giặc. Lý Hăng, Khoan Triệt sai người do thám biết thuyền ra Ngọc Sơn là giả, mới dẫn quân đuổi theo đến mãi sông Tam Chi. Hưng Đạo Vương rước xa giá lên bộ đi đến làng Thủy Chử rồi lại xuống thuyền ra sông Nam Triều (bây giờ thuộc Hải Phòng) vượt qua cửa bể Đai Bàng (thuộc huyện Nghi Dương, Kiến An) vào Tỉnh Thanh Hóa.

Bây giờ Hưng Đạo Vương hộ vệ xa giá, ngày đêm không dám rời ra lúc nào, mà ngài thưởng hay cầm một tay trượng, trên đầu bịt nhọn. Các quan còn có người chưa tin bụng ngài, thấy ngài là người có tài lạ, mà quyền thế bây giờ đang hách dịch, và lại có hiềm khích với An Sinh Vương đ ộ lai (An Sinh Vương với có hiềm với vua Thái Tôn, khi gần mất c ấ m tay Hưng Đạo Vương dặn rằng: "Mãi sau c o n làm thế nào cướp được thiên hạ cho cha, thì cha chết mới nhắm mắt được." Ngài tuy vâng lời, nhưng nghi không cho lời ấy làm phải, chỉ việc hết lòng thờ vua). Nay thấy n g ả cầm gậy nhọn, ngày đêm hầu cạnh vua, thì mang lòng ngờ vực, kinh hãi, sợ ngài thừa cơ báo thù cho cha chàng. Nhưng biết đâu là ngài một lòng trung với chúa, có đầu mạnh t ấ m ấy. Ngài thấy nhân tình nghi mình, liền rút cái đầu nhọn vút đi, chỉ cầm trượng không, chúng bấy giờ mới yên tâm.

Bây giờ Trần Ích Tắc cũng là tôn thân nhà Trần, cậy mình có tài không được trọng dụng thường thường mang lòng oán hận. Nay nhân dịp quân Nguyên thắng thế, chàng nghi ngờ đến vua, đến nước, mà cũng chẳng quản gì t h a n

xem tiếp trang 39

Ansprache zur Eröffnungsfeier des vietnamesischen Kulturabends zum Anlass des 2526. VESAK-Festes in Hannover

Reverend Thich Nhu Dien _____

LEITER DER CONGREGATION DER VEREINIGTEN VIETNAMEISCH-BUDDHISTISCHEN KIRCHE
ABTEILUNG BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Namo tassa Bhagavato Arahato Samma
Sambuddhassa!

Hochverehrte Ehrwürdigen !
Sehr verehrte Vertreter der befreundeten
Religionen!
Sehr verehrte Regierungsvertreter!
Sehr verehrte Vertreter des Diakonischen
Werks !
Sehr geehrte Vertreter des Malteser
Hilfsdienstes!
Liebe Buddhisten! Sehr geehrte Damen!
Sehr geehrte Herren!

Ich heiße Sie im Namen der "CONGREGATION
DER VEREINIGTEN VIETNAMEISCH-BUDDHISTISCHEN
KIRCHE, ABTEILUNG BUNDESREPUBLIK
DEUTSCHLAND" recht herzlich willkommen
und freue mich, daß Sie unserer Einladung
so zahlreich gefolgt sind.

Wie alljährlich feiern alle Buddhisten auf
der ganzen Welt am Vollmonds-Tag des Monats
April nach dem Mondkalender den Geburtstag
des Sakya Muni Buddha, der Gründer unserer
Religion. Heute vor 2526 Jahren wurde er als
Welterlöser aller Zeiten im Lumbini-Hain
eines kleinen Landes in Indien geboren. Er
ist auf dieser Welt gekommen um für alle
Lebewesen den Weg zur Erleuchtung zu finden
und ihn den Menschen zu zeigen. Geboren
wurde er als Prinz Siddharta, Sohn des
Königspaares Suddhodanna und Maya.

Er wuchs in üppigen Verhältnissen auf, hei-
ratete später eine schöne Prinzessin, die
ihm einen hübschen Sohn schenkte. Trotz des
luxuriösen und glücklichen Lebens betrach-
tete er alles als vergänglich und zog in
die Heimlosigkeit. Sein einziges Gepäck war
das Ziel, für sich selbst und für alle Le-
bewesen die Wahrheit und den Weg zur Über-
windung des Geburtenkreislauf zu finden.

Wenn die Menschheit sich heute noch seine
Lehr widmen können, verdanken wir seiner
Selbstopferung und der Überlieferung
seiner Lehre durch die Mönchschaft. Wäre
Siddharta ein Prinz wie jeder andere, wäre
er nur für eine kurze Zeit ein guter Her-
scher geworden. Aber er ist Buddha, vor
dem unzählige Menschen, ohne Unterschied
zwischen Rassen, Hautfarben, Sprachen
und Klassen, knien und den Weg gehen, den
er vor 2526 Jahren praktiziert hatte.

Seit nun mehr als 18 Jahrhunderten hat der
Buddhismus in Vietnam das Schicksal, den
Aufstieg und den Niedergang des Landes mit-
erleben müssen. Eine Tatsache ist es, daß
heute die Führer aller Religionen, darun-
ter des Buddhismus, sowie die Gläubigen
in unserem Land verhindert, kontrolliert,
unterdrückt und beschuldigt werden... Einige
von ihnen werden auf Grund ihres festen
Glauben an das Volk und an die Lehre
Buddhas verhaftet; viele anderen werden
als Diener fremder Mächte vorgeworfen. Sind
sie es wirklich? Nein und nein! davon
sind wir überzeugt. Denn alle wissen, daß
der Buddhismus sich auf Gewaltverzicht ba-
siert und immer mit Liebe und Barmherzig-
keit zur Neutralisierung des Hasses
handelt. Wir haben gelernt, daß Haß nie
durch Haß bezwungen wird und daß nur die
Liebe die Flamme des Hasses erlöschen kann.

Am vergangenen 25. Februar wurden die Ehr-
würdigen THICH HUYEN QUANG und THICH
QUANG DO von den kommunistischen Behörden
festgenommen. Man hat sie beschuldigt, sich
NICHT Mitglieder der neugegründeten "BUDD-
HISTISCHEN KONGREGATION VIETNAM" zu be-
kennen, die in Wirklichkeit nichts weiter
als eine Scheinorganisation, wobei die
Staatssicherheit der "Kommunistischen Par-
tei Vietnam" die Rolle des Drahtziehers
spielt. Nicht nur auf die Mitgliedschaft

Lesen Sie weiter auf Seite 31

GRUBADRESSE DER
DEUTSCHEN BUDDHISTISCHEN UNION
AN DIE VIETNAMESEN IN DER
BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND
ANLÄBLICH VESAKH 2526

Sehr geehrte Damen und Herren,

Herr Stort, Vizepräsident der DBU, hat Ihnen in den vergangenen Jahren im Namen dieser Organisation Grüße überbracht, zu seinem Leidwesen ist er wegen der gerade in diesen Tagen stattfindenden Jahrestagung der DBU heute verhindert. Er hat deshalb mich als stellvertretenden Vorsitzenden des Buddhistischen Bundes Hannover gebeten, Ihnen folgende Botschaft zu übermitteln:

Liebe vietnamesische und liebe deutsche Mitbürger !

Es ist schon zu einer guten Gewohnheit geworden, daß die DEUTSCHE BUDDHISTISCHE UNION auf diesem vietnamesischen Kulturabend am Vorabend des Vesakh-Festes Grüße insbesondere an die buddhistischen-Vietnamesen richtet. Diesen Brauch möchte ich hiermit fortführen.

Sie, liebe vietnamesische Freunde, haben sich inzwischen redlich eingelebt. Die meisten sprechen und verstehen nun Deutsch. Mancher hat auch Arbeit bekommen. Aber damit sind wir auch zu einem der brennenden Probleme des Augenblick gekommen. Sie, die Sie von der anderen Seite des Globus hierhergekommen sind, taten dies u.a. in der Hoffnung, in diesem Land frei zu sein, arbeiten zu können und als gleichgestellte Mitbürger behandelt zu werden.

Unsere deutschen Mitbürger möchte ich bitten, daran zu denken, was ein Betroffener empfinden muß, wenn vielleicht gesagt wird, daß mancher Neubürger ohne Arbeit auf Kosten der Gemeinschaft lebt; und wenn man andererseits hören könnte, daß die Ausländer, die Arbeit bekommen, diese den Deutschen

wegnehmen. Ich meine, hier haben wir eine Pflicht auf uns genommen. Mit diesen neuen Bürgern, denen wir von uns aus Heimatrecht anbieten, sollten wir unseren Besitz- also auch unsere Arbeit-teilen. Und mit dem, für den keine Arbeit übrig ist, sollten wir auch unsere sozialen Hilfen teilen.

Unsere vietnamesischen Mitbürger möchte ich bitten, aus Ihrer buddhistischen Toleranz zu versuchen, die Gefühle ihrer deutschen Mitbürger- mögen sie auch unge-rechtfertigt sein - zu begreifen. Mögen Sie verständnisvolle Buddhisten sein und damit den Deutschen etwas vormachen, wo Sie ihnen ein Beispiel geben können; und mögen Sie dort lernen, wo Sie von den Deutschen etwas Gutes lernen können.

Die ganze Erde, und mit ihr die Bundesrepublik Deutschland, ist im Augenblick starken Belastung ausgesetzt. Viele haben das Gefühl, daß etwas geschehen müßte. Dazu gibt es viele Vorschläge, besonders daß man das "System" ändern sollte. Aber nach der Lehre des Buddha würde eine Systemänderung nicht die Menschen ändern. Wenn sich aber die Menschen ändern, aus eigener Einsicht und Anstrengung, ändert sich das System mit ihnen.

Möge nun das Zusammenleben der unterschiedlichen Menschen in der Bundesrepublik sich zum Wohle des Ganzen entwickeln. Mögen die Ansätze guter Keime zu tragkräftigen Pflanzen werden, die blühen und gute Früchte tragen werden.

Möge das begonene buddhistische Jahr 2526 in diesem Sinne ein gutes Jahr werden.

Ich danke Ihnen für Ihre Aufmerksamkeit!

Bericht über das 2526 jährige Buddha-Geburtstagsfest in Hannover vom 30.4 bis 2.5.1982

Das Vesak-Fest wurde vom der Congregation der Vereinigten Vietnamesischen Buddhistischen Kirche und der Vereinigung der vietnamesisch. buddhistischen Studenten und Vietnamesen in der Bundesrepublik Deutschland sehr festlich organisiert. Die Buddhisten-Teilnehmer in diesem Fest sind Ca. 1.000 Personen in 3 Tagen und Ca. 1.450 Personen beim Kulturabend am 1.5.1982 im Theater am Aegi Hannover.

Die Teilnehmer sind aus vielen verschiedenen Ländern außer Deutschland nach Hannover angekommen. Zum Beispiel: Frankreich, Österreich, Schweiz, Holland, Dänemark und Canada..... Es gibt ungefähr 50 Orte in der Bundesrepublik Deutschland, die am Vesak-Fest teilgenommen haben. Zum Beispiel: Kiel, Hamburg, Bremen, Hannover, Berlin, Dortmund, Recklinghausen, Aachen, Köln, Bonn, Koblenz, Stuttgart, München, Erlangen usw... Das ist ein Beweis, daß das Vesak-Fest sehr wichtig für die Buddhisten ist. Das ist auch eine Gelegenheit der vietnamesischen Buddhisten und Nicht-Buddhisten, daß sie sich treffen können, um zu beten und zu unterhalten.

Freitag Nachmittag am 30.4.1982 gab es ungefähr über 200 Teilnehmer im Jugendzentrum um eine Diskussion über "die Situation der vietnamesischen buddhistischen Congregation in Vietnam" bei Venerable Thích Minh Tâm aus Paris zu hören.

Am 1.5.1982 um 10 Uhr hatte eine Hauptversammlung der Vereinigung der vietnamesisch. buddhistischen Studenten und Vietnamesen in der Bundesrepublik Deutschland im Jugendzentrum für das neue Komitee des Termins 82-83 gestimmt, und das alte Komitee wird nochmals für ein Jahr übernommen.

Um 15:00 Uhr haben alle Musikgruppen im Theater am Aegi zur Generalprobe geübt. Der Kulturabend begann um 19:00 Uhr mit der Eröffnungsrede des Reverend Thích Nhu Diên - Leiter der vietnamesischen Buddhisten in der Bundesrepublik Deutschland. Am Ende der Rede hat Reverend Thích Nhu Diên dem Bundesministerium des Innern und dem Malteserhilfsdienst in Hannover gedankt, denn Ohne diese Hilfe, wäre vieles nicht gelungen.

Besonders an diesem Kulturabend hatten 4 Sänger Chí Tâm, Cao Thái und Quốc Anh aus Paris und Sängerin Kim Loan aus Krefeld und die Jugend-Musikgruppe aus der Pagode Khánh Anh Paris und außerdem die Musikgruppe aus Berlin mitgewirkt. Der Kulturabend war sehr festlich und ein voller Erfolg mit vielen traditionellen Tänzen und Theaterstücken, damit die Vietnamesen sich ihrer Heimat erinnern können.

Um 10:00 Uhr vom 2.5.1982 wurden alle Teilnehmer im Jugendzentrum zur Pagode transportiert, um die Vesak-Hauptzeremonie teilzunehmen. Das Gebetsraum in der Viên Giác Pagode konnte nur 500 Personen aufnehmen und die übrigen Teilnehmer mußten außerhalb des Gebetsraumes stehen.

Venerable Thích Minh Tâm (Paris) Ven. U. Wijayasama Thera (Berlin) die tibetischen Buddhistischen Mönche und Nonnen (Hamburg) Rev. Nonne Thích Nu Nhu Tuấn (Schweiz) und alle lebenden Mönche und Nonnen in der Bundesrepublik Deutschland waren auch anwesend. Venerable Thích Minh Tâm und Reverend Thích Nhu Diên haben auch eine kurze Rede über die Bedeutung des Geburtstages des Buddha vor den Buddhisten gesprochen.

Um 12:00 Uhr gab es eine Almosen-Zeremonie für die Mönche und Nonne. Das ist ein traditionelles Fest des Buddhismus. Eine buddhistische Hingebungszeremonie für die neuen Laien begann um 14:00 Uhr unter der Anwesenheit des Ven. Thích Minh Tâm, Rev. Thích Nhu Diên und Rev. Thích Trí Hoà.

Das Vesak-Fest hat um 15:00 Uhr am 2.5.1982 geendet. Das Buddhageburtstag-Fest in diesem Jahr hatte einen großen Erfolg, weil alle Teilnehmer auch hinaus ihre Pflicht über an diesem Fest mitgewirkt haben.

Thích Nhu Diên

Allgemeine Buddhalehre



Text von Höchhehrwürdiger Thích Thiën Hoa,
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL II

Zusammenfassung der Lebensgeschichte Sakya Muni Buddhas (Seit seiner Geburt (Vesa k) bis zum Erreichen der Erleuchtung)

INHALT

A. Zur Einführung: Das Leben Sakya Muni Buddhas ist ein heiliges Vorbild, welches wie ein klarer Spiegel ist, in dem sich alle fühlenden Wesen betrachten können. Wir sollten deshalb von seinem Lebenslauf gründlich wissen.

A. Themen:

- I. Der Begriff "Geburt" (Vesa k) im terminologischen Sinn.
- II. Die historische Lage und der Stamm Prinz Siddarthas.
- III. Die Begabungen und Tugenden von Siddartha.
- IV. Die angewandten Fesselungen von König Sudhodana, zum Vereiteln des Willens Siddarthas, für ein Leben in Abgeschiedenheit.
- V. Erkenntnis der vier weltlichen Leiden.
- VI. Der Weg in die Abgeschiedenheit zum Aufsuchen der Erleuchtung.
- VII. Die Erleuchtung der Buddhaschaft.
- VIII. Die heilige Bedeutung des Weges in die Abgeschiedenheit, zum Aufsuchen der Erleuchtung von Prinz Siddartha.

C. Schlußfolgerung: Wir müssen uns mit großer und einiger Aufrichtigkeit unserem Herzen zuwenden, um die Buddhalehre zu praktizieren, so daß wir Buddha würdig sein können.

A. Zur Einführung:

Das Leben Sakya Muni Buddha ist ein klarer Spiegel. Begründer jeder Religion sind stets klare Spiegel, in dem sich alle Laien betrachten können; ein heiliges Vorbild um ihm nachzueifern.

Von allen Glaubensgründern in dieser Welt gibt es jedoch noch keinen, dessen Lebensgeschichte eine vollkommene tiefe Bedeutung hat, wie die Sakya Muni Buddhas. Jenes Verhalten, jede Bewegung, jedes gesprochene Wort bis zur Stillheit war uns eine vorbildlich kostbare Lernaufgabe.

Wenn wir uns seiner Lehre widmen, aber nichts von seinem Leben wissen, wäre unser buddhistisches Studium nur einseitig und unzulänglich. Sein Leben hat nämlich seine Lehre dargestellt. Was er sprach, das wurde von ihm realisiert. Sein Leben war eine deutlich unverkennbare Bestätigung, so daß alle Wesen seine verwirklichte Lehre wahrnehmen konnten. Diese Lehre ist daher kein nichtsagendes Wort, keine Utopie, kein auf Wolken und Rauch errichteter Palast.

Aus diesem Grund, sollten wir nicht die Einstellung haben, mit dem Wissen nur unsere Neugier zu befriedigen, wenn wir uns mit der Buddha-Lebensgeschichte befassen. Außerdem müssen wir die heilige Bedeutung seines Lebens begreifen, um diese in unserem gegenwärtigen Dasein anzuwenden. Sie zu verwirklichen, werden wir Buddha nicht undankbar sein.

B. Themen:

I. Der Begriff "Geburt" (Vesak) im terminologischen Sinn

Um die Anwesenheit in dieser irdischen Welt von Sakya Muni Buddha anschaulich zu machen, werden im Haus des Buddhismus folgende gewöhnliche Ausdrücke gebraucht:

- "Glücks- Geburt" (Vesak): eine Geburt, die Freude und Glück bringt.
- "Manifestation": Sichtbarmachung durch eine Geburt, die wir mit unseren menschlichen Augen nicht wahrnehmen können.
- "Herab- Geburt": d.h. von einem höheren Stand herab auf einen niedrigeren Stand geboren werden.

Die genannten Begriffe enthalten drei verschiedene Bedeutungen.

- "Vesak" macht zum Gebrauch, um einen heiligen Erhabenen zu verehren.
- "Manifestation" bedeutet die Offenbarung Buddhas. Die Buddha sind in dieser Welt vorhanden, jedoch mit unserem menschlichen Sehvermögen können wir Sie nicht erkennen. Deswegen erschien Buddha durch diese Geburtsart der sogenannten Manifestation.
- "Herab- Geburt" befaßt sich mit der Geburt von einem Buddha auf einer niedrigen Welt, der jedoch aus einer höheren und heiligen Welt stammt.

Im Allgemeinen, trotz verschiedener Terminologie, haben diese drei Ausdrücke den gleichen Sinn, welche die Geburt eines Buddhas darstellt.

Dagegen wird die Geburt eines gewöhnlichen Wesens als "**Wiedergeburt**" bezeichnet. Die Wiedergeburt bedeutet das wiederkehrende Leben bezüglich vom Karma-Gesetz, daß ein Lebewesen durch seine guten oder bösen Taten (Karma) in dem Rad der Wiedergeburt (Samsāra) geboren wird, um die Wirkung seiner früheren Taten zu erdulden.

Die Herab-Geburt oder Geburt in der Art der Manifestation beinhaltet kein Karma, sondern Barmherzigkeit. Zum Wohl aller fühlenden Lebewesen, kommt Buddha freiwillig auf diese Welt in einer gewissen Zeit, um sie zu erretten. Wenn seine Aufgabe zu Ende ist, kehrt Er zurück ins Nirvana, unbekümmert und gelassen außerhalb des Kreislaufs der Wiedergeburt (Samsāra).

II. Die historische Lage und der Stamm Prinz Siddarthas:

Sakya Muni Buddha wurde in mitten Indiens geboren, heutiges Nepal. Das Land liegt am Hügel der Bergkette Himalayas, der höchsten Bergkette der Welt. Dort war die Landschaft wunderschön. Im Frühling blühten zahlreiche Blumenarten im ganzen Land, wie ein bewunderswert mächtiger Garten. Die Einwohner waren aufrichtig und ehrlich. Das Land lag unter Herrschaft von König Suddhodana, des Stammes Sakya. Seit mehreren Generationen wurde dieses Land von dem mächtigen Stamm Sakya ununterbrochen regiert. Die Königin Maya gehörte auch zu einem fürstlichen Stamm. Das Königspaar besaß die höchsten Tugenden, die durch viele Zeitalter (Kalpas) von ihrem tugendhaften Lebenswandel angesammelt wurden, so daß das Königspaar als Elternschaft dessen Volkes würdig war.

Eines Tages im Kapilavastu, Residenz des Königs Suddhodana, fand ein Stern-Andenkenfest statt. Die königsreichen Angehörigen und deren Untertanen genossen zusammen die feierliche Angelegenheit.

Nach der Darreichung von Blumen im Tempel ging Königin Maya zum Hauptportal des Palastes, um Lebensmittel und Kleidungen an die Armen zu spenden. Danach kehrt sie zum Schlafen in den Palast zurück. Im Traum sah sie einen vom Himmel niederkommenden weißen Elefanten, welcher sechs elfenbeinernen Stoßzähne hatte. Mit den Stoßzähnen öffnete dieser Elefant ihre linke Hüfte und drang hinein.

Am nächsten Morgen erzählte sie ihrem Gemahl von diesem Omen. König Suddhodana gab seinen Würdenträgern den Befehl zum Einladen aller Traumdeuter im Land. Diese Meister der Prophezeiung deuteten, daß die Königin einen Prinz gebären wird, der sowohl höchste Begabung als auch vollkommen moralische Tugenden besitzen würde. Der König freute sich über diese glückliche Nachricht, da sein Thron wohl nun einen Nachfolger bekam.

An dem Morgen des 15 April nach dem Mondkalender (Vesākha), 624 Jahren vor Ch., im Lumbini Garten, 15 Kilometer von Palast

Kapilavastu entfernt, genoß Königin Maya die wunderschöne Landschaft des Gartens. Als sie einen Ast voller blütender wohlriechender Asoka-Blumen sah, pflügte sie diese Blume mit ihrer rechten Hand. In diesem Augenblick wurde der Prinz geboren

An diesem Tag war die Landschaft in dem Kapilavastu Palast außerordentlich farbenprächtig. Das Wetter war angenehmer als gewöhnlich, alle Pflanzen standen in reicher Blüte und waren voll gefüllt mit Früchten, das Wasser in den Flüssen und Bächen wurde rein und klar. Am Himmel sangen verschiedene Vögel sanfte und harmonische Töne, zugleich strahlte der Glorienschein sein Licht in alle zehn Himmelsrichtungen aus.

König Suddhodana war sehr beglückt und lud wieder die Meister der Prophezeiung zur Physiognomik des Prinzen. Einer von diesen Meistern war Asita, der Prophet vom Himalaya. Seine Deutung lautete, daß "der Prinz 32 wunderbare Merkmale am Antlitz hat, so daß er ein Heiliger wird". König Suddhodana wollte jedoch den Prinzen als seinen Thronfolger haben, um das Königreich weiterzuführen. Deswegen, um das Schicksal seines Sohnes zu ändern, nannte der König seinen Prinz nun Siddhartha, das in Sanskrit bedeutet: jener, der das Amt übernimmt, welches er weiter führen muß. Das von König Suddhodana gemeinte Amt war nämlich sein Thron. In der Tat konnte der König jedoch nicht wissen, daß der Stand seines Sohnes schon der eines Buddha war.

Sieben Tage nach der Geburt des Prinzen erkannte Königin Maya, daß ihre heilige Karma-Pflicht zu Ende war, verließ ihre menschliche Körperbeschaffenheit, um der Hingeburt im Trāyastriṃśas Himmel zu folgen. König Suddhodana gab Mahāprajāpati, die jüngere Schwester Königin Mayas, den Prinzen in Pflege.

III. Die Begabungen und Tugenden von Siddhartha:

Je älter der Prinz wurde, desto mehr strahlte sein Antlitz hohe Intelligenz aus, und er vervielfachte allmählich seine Begabungen. Seine hervorragende Gesundheit, überragende Kräfte und Intelligenz lagen weit höher als die seiner Mitmenschen.

Die Meister gaben Prinz Siddhartha Unterricht in der Literatur-, Geistes-, bis zur Militärwissenschaft. Nach ein paar Tagen verabschiedeten ihn seine Lehrer, da sie nicht mehr im Stande waren ihn weiter zu unterrichten. Sogar der höchst angesehene Meister in jener Zeit, Khāṇṭhidēva, hat sich Siddharthas Intelligenz wegen unterworfen. Mit seinen überragenden Begabungen zugleich zum fürstlichen Stamm gehörig war der Prinz aber keinesweg hochmütig und verachtlich zu seinen Mitmenschen. Er benahm sich sehr liebenswürdig, friedlich, gleichrangig und uneigennützig. Seine große Liebe zu den Mitmenschen und Tieren war unvergleichlich. Wenn jemand seiner Hilfe bedarf, so war es für ihn kein Hindernis diesem zu helfen. Deswegen wurde der Prinz von seitens des Königs geliebt, und von diesen Volk rücksichtsvoll verehrt.

IV. Die angewandten Fesselungen vom König Suddhodana, zum Vereiteln des Willens Siddharthas, für ein Leben in Abgeschiedenheit:

Durch die große Liebe König Suddhodanas zu dem Prinzen, fürchtet er den Willen Siddharthas, welcher wie die Prophezeiung des Meisters Asita, in Abgeschiedenheit zu leben, den Weg der Erleuchtung aufzusuchen und ein Heiliger zu werden.

Je älter der Prinz wurde, je nachdenklicher schien er und nicht mehr so fröhlich wie in seiner Kindheit. Der Kummer vom Königsvater wurde immer größer, da die Prophezeiung eintraf. Der König und seine Würdenträger versuchten mit allen Mitteln den Prinzen auf den Thron zu zwingen. Er befahl zur Jahreszeit entsprechend, wunderschöne Paläste zu bauen, zum Wohl und zur Erholung des Prinzen. Außerdem wurden hübsche und musikalisch begabte Hofdamen ausgesucht, die die Langeweile Siddharthas vertreiben sollten.

Doch das war König Suddhodana noch nicht genug. Er führte den Prinzen und Prinzessin Yasodhāra, Tochter des Königs Suprabuddha zur Vermählung. Prinzessin Yasodhāra war eine unvergleichlich wunderschöne und tugendhafte Erscheinung. Der Prinz wurde zur Gründung einer Familie gezwungen. Später bekamen sie einen Sohn, den sie Rahula nannten.

Doch trotz des fürstlichen Lebens, voller
Lesen Sie weiter auf Seite 31

GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil Zickzackreisen in Asien

1. Zickzackreisen in Asien
2. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Ich nahm das Geld nicht an, weil ich sah, daß die Familie keineswegs mit zu vielen irdischen Gütern gesegnet war. Ich nahm Abschied und fuhr denselben Weg zurück nach der Hauptstadt des Landes. Angekommen übernachtete ich in einem anderen Tempel und am nächsten Morgen ging es weiter nach Vietnam.

Ich überschritt die Grenze im Taxi, mußte aber drüben austeigen und mich beim Hauptmann der Wache melden; er war noch ein junger Mann und trug die Uniform der "Special Forces" (südvietnamesische Elite-truppe). Der Hauptmann lud mich zum sitzen ein und fing dann an, mich von meiner Absicht, nach Saigon zu fahren, abzuschrecken u. a. erzählte er von gerade jetzt sich häufenden Überfällen der Vietcong, überverminte Straßen usw., doch all dies konnte mich nicht bewegen, meine Mission abzubrechen, sondern ich beharrte darauf, nach Saigon zu fahren. Ich hatte ein Visum, darum konnte der Hauptmann mich nicht hindern. Er erzählte mir dann mit leiser Stimme, daß sich ein Mönch in Saigon verbrannt habe als Protest gegen die Buddhistenverfolgung von Seiten der Regierung. Ich verstand, daß der Hauptmann selbst Buddhist war, denn er begrüßte mich bei meiner Ankunft (stehend) mit einer Verbeugung und mit gefalteten Händen. Er bat mich, wenigstens über Nacht in einem Tempel zu verbringen; ich tat ihm den Gefallen, daraufhin schickte er einen Soldaten zu einem Tempel, und bald kam dieser mit einem barfußgehenden Mönch zurück, welches ein sehr grobes und oft geflicktes Gewand trug. Wir begrüßten uns und ich ging mit ihm zu seinem Kloster, welches aus drei bambushütten und einem runden Holztempel bestand, welcher in der Mitte eines saubergefegten Hofes stand. Der Tempel war an allen Seiten offen und man konnte die Buddhastatue in erhabener Haltung auf einem Lotusthron sitzen sehen. Der Mönch stellte mich zwei anderen vor; mit vor der Brust gefalteten Händen begrüßten wir uns. Niemand sprach eine europäische Sprache. Bald bemerkte ich, daß diese Mönch nicht zum Theravāda, aber auch nicht zum Mahāyāna gehörten. Lächelnd machten sie mir klar, daß ihr Orden der einzig wahre buddhistische Bettelorden sei, wenig-

stens in Vietnam.

Ferner verstand ich, daß sie keiner der Hauptschulen des Buddhismus angehörten, sondern ihren eigenen Weg - den Buddhaweg gingen. Dieser Orden, diesen Mönche grobe gelbe Gewänder trugen und immer barfuß gingen, wurde erst vor dem 2. Weltkrieg in Vietnam gegründet. Ihr Gründer war ein junger, aber energischer Mönch, er hieß Minh Dăng Quang; er verschwand während den Kämpfen der Franzosen gegen die Viet-Minh (die Vorläufer der späteren Vietcong). Es wird allgemein angenommen, daß Minh Dăng Quang von den Roten ermordet wurde.

Man stellte mir eine der Hütten zur Verfügung, dann aber kam ein Bote von einem sich in der Nähe befindlichen Theravāda-Vihāra; der Mahāthera lud mich ein, in seinem größeren Tempel zu übernachten und morgen bei ihm zu essen. Ich nahm die Einladung an, weil ich nicht die Hütte eines Mönches nehmen wollte, welcher dann im Freien schlaffen mußte.

Durch eine Kokospalmenplantage folgte ich dem Boten und bald erreichten wir das Vihāra des Theravāda Bhikkhus. Es war ein kleiner Mann im mittleren Alter und trug das orangefarbige Gewand. Auch hier war das Vihāra aus Holz und ungestrichen, Hütten gab es keine. Es schien mir, also ob der Mönch hier alleine wohne. Ich sah einige scheue Frauen, welche Wasser herein trugen. Es war schwer, sich mit dem Mönch zu verständigen, er sprach zu wenig französisch.

Am Abend rezitierte er in Pāli einige kurze Sutras und obwohl seine Aussprache ganz anders war als meine, konnte ich daran teilnehmen. Nachher bekam ich eine Tasse ungezuckerten Tees, bei Kerzenlicht, elektrisches gab es nicht, unterhielten wir uns noch eine Weile, und zogen uns darob in unsere Zimmer zurück. Ich schlief auf einem harten Lager, rohe Bretter mit einer Bastmatte bedeckt, das Mönchsgewand diente als Decke und meine gelbe Tasche als Kopfkissen. Nach einer Stunde Meditation legte ich mich zur Ruhe und stand bei Sonnenaufgang wieder auf: Heute wollte ich weiter nach Saigon und das sobald als eben möglich.

Nach dem einfachen Frühstück, Reis und Tee verabschiedete ich mich und ging zum

Hauptmann der GrenzwaChe. Auch heute hatte er keine Lust, mich nach Saigon fahren zu lassen; aber ich bestand darauf. Der Hauptmann wollte mir zwei Soldaten als Schutz mitgeben; ich verweigerte dies und sagte, daß die Soldaten nur die Lage schlimmer für mich machen könnten, indem rote Hecken-schützen durch sie auf mich aufmerksam gemacht werden könnten. Scheinbar leuchtete mein Argument dem Hauptmann ein, mit einer Geste, welche der des Pontius Pilatus glich, ließ er mich gehen, und eine Minute später saß ich in einem schon vollen Auto, doch ich konnte mich noch neben den Fahrer und einem anderen Reisenden quetschen. Im Hölletempo rasten wir aus dem Ort der Straße entlang nach Saigon. Alle paar Kilometer war die Straße von den Vietcongs während der Nacht aufgerissen worden und über hochgetürmte Bäume war Sand und Erde geschüttet und vielleicht auch vermint worden, um den Verkehr zu behindern. Unser Auto machte oft einen Umweg auf schmalen Pfaden an Reisfeldern und verlassenen Dörfern vorbei; manchmal aber fuhr er links um die gefährlichen Barrieren. Vorsichtshalber fragte ich den Mann rechts von mir, wieviel die Fahrt von Gò Dầu Hạ bis Sài Gòn kostete; er sagte 30 Piaster, das war billig, denn 38 Piaster hatten damals den Wert von einem US Dollar. Der Fahrer ärgerte sich und sprach zornig auf den Mitreisenden ein. Obwohl ich kein vietnamesisch verstand, begriff ich doch, daß der Fahrer die Absicht hatte, mich in Sài Gòn zu betrügen und vielleicht das vielfache des Preises zu fordern, doch nun würde ihm dies nicht gelingen, darum der Ärger.

Die Fahrt dauerte mehr als zwei Stunden, hauptsächlich wegen der häufigen Umwege und Hindernisse auf der Straße. Zum Glück beschloß uns der Vietcong nicht. Mehrere amerikanische Hubschrauber überflogen die Autostraße und Umgebung, außerdem fuhr Feldpolizei rauf und runter. Zerstörte Häuser und Brücken waren Zeugen, daß das Land im Krieg war, Bruderkrieg!

2.- Erster Aufenthalt in Sài Gòn

Gegen Mittag erreichten wir Sài Gòn. Die Stadt schien nicht zerstört, wenigstens sah ich der Straße entlang keine Ruinen, wohl aber viele Elendshütten, meistens von Kriegsflüchtlings errichtet. Es war sehr

heiß in Sài Gòn und ein dichter, gelber Staub lag über der Stadt wie eine riesige Wolke. Ich stieg aus und bezahlte die dreißig Piaster; etwas verbittert nahm der Fahrer das Geld, ohne jedoch etwas zu sagen. Wohin? Ach ja, ich sollte zur Xá Lợi Pagode gehen und dort einen Brief von den vietnamesischen Mönchen in Indien an den Sangharadscha abgeben. Ich hielt eine dreirädrige Fahrradrikscha an. Ein braungebrannter Fahrer in kurzen Hosen, und mit viel Gold im Mund, grinste freundlich, als er mich sah und zog seinen zerfetzten großen Strohhut. Ich fragte auf französisch, wo die Pagode sei; er lud mich sofort zum Sitzen ein und trampelte davon. Die Straßen waren voller Menschen, Autos, Rikschas, Fahrräder. Viele Frauen und sehr hübsche Mädchen in ihrer Nationaltracht, Áo dài genannt, trugen konische Strohhüte, deren breiter Rand sie vor Sonne und Regen schützte. Viele Bettler und Krüppel, überall wohin man sah, und vor allem Soldaten in allen Schattierungen, vietnamesische und amerikanische. Ich sah auch eine Japanerin in ihrem bunten Kimono auf ihren kleinen Füßen umhertippeln; sie ging ganz anders als die graziösen, sich wiegenden Vietnamesinnen. Bald schon erreichten wir die Pagode, die ganze enge Straße war voller Soldaten und Polizei und aus der modernen Pagode drang die Stimme eines Mönches, welcher durch Lautsprecher die Ziele und Forderungen des Sangha (Mönchsgemeinde) verkündete (wie ich später erfuhr). Die Soldaten und Polizisten waren sehr erstaunt, als man mich sah; einen europäischen Mönch hatten sie anscheinend noch nicht gesehen. Ratlos standen sie da und wußten nicht richtig, was zu tun, mich herein zu lassen oder den Eintritt zur Pagode zu schließen. Doch dann schoben sie einen spanischen Reiter (ein Gestell mit Stacheldraht) zur Seite, und mit einer freundlichen Handbewegung erlaubte man mir einzutreten. Zuvor gab ich dem Rikscha-fahrer fünf Piaster, er wollte sie nicht annehmen, weil er ein Buddhist war, doch ich schob das Geld in seine zer-schlossene Jacke, mit einem sehr breiten goldigen Lächeln, er hatte den Mund voller Goldzähne, setzte er sich wieder auf seine Rikscha und verschwand so schnell als möglich aus dieser gefährlichen Umgebung.

Die Pagode Xá Lợi (Buddhareliquien Pagode)

war erst etwa zwanzig Jahre alt und wurde von einem Laien gebaut. Obwohl ein moderner Bau, war er doch dem vietnamesischen, traditionellen Stil angepasst, wie das geschwungene Dach und der Turm zeigte. Die Pagode war voller Menschen und es war schwer, hindurch zu kommen. Ein paar Mönche in purpurroten langen Gewändern mit Ärmel halfen mir mit dem Aufstieg zum Büro auf dem ersten Stock, seitlich des Tempels gelegen. Ein englisch sprechender Mönch, der mich sofort - an Goebbels erinnerte, nahm sich meiner an, und bald erfuhr ich, daß er der Sekretär der Pagode sei und auch einer der Hauptagitatoren gegen die antibuddhistische Regierung. Seinen Namen will ich nicht niederschreiben, zumal ich nicht weiß, ob er sich noch in Vietnam befindet. Auch fernhin muß ich aus Gründen der Vorsicht persönliche Namen vermeiden, um meine Freunde nicht in Gefahr zu bringen.

Man stellte mich der Leitung der Pagode vor und bot mir an, im Zimmer des Herrn Mai Thọ Truyền (späterer Kultusminister, verstorben 1973) zu bleiben. Wir konnten uns in französisch unterhalten. Die alte Generation der Gebildeten spricht noch französisch, die jüngere dagegen englisch, obwohl auch noch an den Schulen französisch gelernt wird.

Viele Mönche, Nonnen und Laien, letztere zumeist Frauen, kamen, um mich zu sehen und wenn möglich einige Worte mit mir zu sprechen. Der Andrang wurde so groß, daß ich am nächsten Tag im Haupttempel vor der großen Buddhastatue an einem Tisch sitzen mußte, um den Gläubigen meinen Segen zu spenden und zwar mit gesegneten Wasser, indem ich einen Lilienzweig eintauchte und diesen auf den Kopf der Gläubigen träufelte und in Pali rezitierte: "Hotu te Jaya Mangalam!" (siegreicher Segen sei mit dir). Den ganzen Vormittag saß ich wie gezoßen auf dem Stuhl und gab ohne Unterlaß meinen Segen. Ich sah sogar einige Jugendliche, welche zwei oder dreimal kamen; sie dachten wohl "doppelt hält besser".

Am nächsten Tag kamen einige Studenten zur Pagode, sie hatten blutige und zer-schlangene Gesichter. Bei Demonstrationen

im Zentrum der Stadt waren sie ins Hand-gemeinde mit der brutalen Diem-Polizei gekommen. Es wurderte mich nur, daß das Militär und die Polizei vor der Pagode diese Studenten passieren ließen; vielleicht dachte man, das sie ausgezeichnete Abschreckungsobjekte wären.

Am Nachmittag wurde das Herz des Mönchen Thích Quảng Đức in die Pagode gebracht. Dieser alte Mönch, etwas 72 Jahre alt, hatte sich vor wenigen Tagen vor der kambodschanischen Botschaft in Saigòn lebend verbrannt. Augenzeugen berichteten mir darunter ein amerikanischer Journalist, welcher zugegen war und einen Film drehte, daß der Mönch, im gelben Gewand der Mahâyana-Schule, sich mit Benzin übergießen ließ, und sich dann selbst in Flammen setzte. Rund um ihn standen in einem weiten Kreise gelbgekleidete Mönche und Nonnen. Einige der letztgenannten wurden fast ohnmächtig, als sie den brennenden Mönch sahen, welcher aber ungerührt im Lotossitz sitzen blieb und auch nicht vor Schmerzen schrie, als ihn die roten und schwarzen Flammen umhüllten. Ich erhielt sechs oder sieben große Fotos von diesem Geschehnis und hängte sie später in meinem eigenen Tempel auf. Manche Journalisten kamen täglich zur Xá Lợi Pagode, sehr eifrig Ausschau nach Sensationen haltend. Sie fielen auch über mich her; wohl oder übel mußte ich Interviews geben, welche dann am folgenden Tage in allen Zeitungen Saigòns und vielleicht auch im Westen veröffentlicht wurden. Zehn Tage blieb ich in der Pagode und besuchte einmal den Platz, eine Straßenkreuzung, wo der Mönch sich verbrannt hatte. Man konnte noch sehen, wo er gesessen hatte, denn in dieser Stelle war der Teer geschmolzen. Ein vietnamesischer Geheimpolizist kam auf mich und den mich begleitenden Mönch zu und forderte mich auf, ihm in ein Auto zu folgen. Verhaftung? Ich weigerte mich und wir, der Mönch und ich, sprangen schnell zu unserem Auto, welches schon wartete. Der Fahrer raste davon, und der Geheimpolizist hatte das Nachsehen. Wir kehrten zur Pagode zurück. Als der Besitzer des Tempels und die Hauptmönche von dem Zwischenfall erfuhr, fürchteten sie für meine Sicherheit und baten mich, nach Indien zurück zu fliegen und auf dem Wege durch andere Länder Vorträge über die buddhistenverfolgung in

Südvietnam zu halten. Begeistert erklärte ich mich für dieses Unternehmen bereit, obwohl ich mir sofort bewußt war, daß es nicht ohne gewisse Gefahr für meine Freiheit oder sogar Leben getan werden konnte. Dokumente, Beglaubigungsschreiben von Sangharadscha Thích Tịnh Khiết sollten von Nonnen in meinem Gürtel aus gelbem Stoff eingnäht werden, damit sie bei einer eventuellen flüchtigen Untersuchung auf dem Flugplatz nicht gefunden würden. Wenn diese Dokumente usw. dennoch gefunden würden, na, dann konnte ich mich auf etwas gefaßt machen, ich mußte mit Tortur und langer Haft rechnen. Mit einiger Mühe konnte Herr Mai Thọ Truyền ein Flugbillet mit vietnamesischen Geld für mich kaufen, weil sonst von Ausländern gefordert wird, in ausländischer Währung d.h. in amerikanischen Dollars zu zahlen, falls man weniger als fünf Monate in Südvietnam ansäßig war.

(fortsetzung folgt)



Fortsetzung von Seite 26

Ruhm, schöner Paläste, wunderbarer Musik begleitend und glücklicher Familie war er sehr besorgt von vielen Unklarheiten. Nach seiner Ansicht gab das gegenwärtige Leben kein wahres Glück, sondern nur eine vorge-täuschte und törichte Welt, die nur Leiden und Ungemäße zu allen fühlenden Wesen brachte.

Durch seine Erkenntnis sollte es einen Weg geben, welcher zur Erlösung führt, damit das Leben einen wahrhaft wertvollen Sinn bekommt.

(Fortsetzung in der nächsten Ausgabe Viên Giác Zeitschrift Nr. 10-1982)

Fortsetzung von Seite 21

dieser Scheinorganisation verzichteten die beiden Geistlichen, sondern sie widersetzten sie. Wie es sehr schmerzlich für uns alle ist, die Nachricht über diese Festnahme zu erhalten. Andererseits sind wir stolz darauf, noch einmal feststellen zu können, daß der Buddhismus Vietnam immer als Nährstoff und Verstärkungsmittel für die Freiheit und Unabhängigkeit im Geist des Volkes gedient hat. Den Beweis dafür entnehmen wir aus der langjährigen Geschichte während der Lý- und Trần-Dynastien und neu-lich während der Kolonialzeiten.

Die Vietnamesisch-Buddhistischen Organisationen im Ausland und alle im Exil lebenden Vietnamesen rufen die Weltöffentlichkeit auf, die kommunistischen Machthaber zur Freilassung der beiden Geistlichen aufzufordern.

Während dieser Feierlichkeit im Gemüt und Freunde vergessen wir nicht, für das Volk und für den Buddhismus in Vietnam zu beten, damit sie schnell von elenden Situationen befreit werden. Ferner beten wir für die Erfüllung der Wünsche aller Freiheit suchenden Menschen.

An dieser Stelle spreche ich Ihnen, meine sehr verehrten Vertreter der Bund- und Landesregierung, meinen herzlichen Dank dafür aus, daß Sie uns nicht nur materiell sondern auch ideell durch vorschläge und Verwaltungsaktionen großzügig unterstützt haben. Zu danken habe ich dem Diakonischen Werk und dem Malteser-Hilfsdienst für Ihre Mühe und Ihre Hilfsleistungen bei der Gestaltung des heutigen Abends und dieser Festtage.

Zum Schluß wünsche ich, daß alle vietnamesischen Buddhisten, wo immer sie sind, in welcher Situation sie sich immer befinden, sich fest an ihren Glauben halten, ihre geistige Entwicklung pflegen, sich immer nach dem Wahren, Guten und Schönen sehnen und dem Weg folgen, den Gotama Buddha in der Vergangenheit erreicht hatte.

Mögen Frieden und Zufriedenheit auf dieser Welt herrschen.

Ich danke Ihnen für Ihre Aufmerksamkeit.

Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)



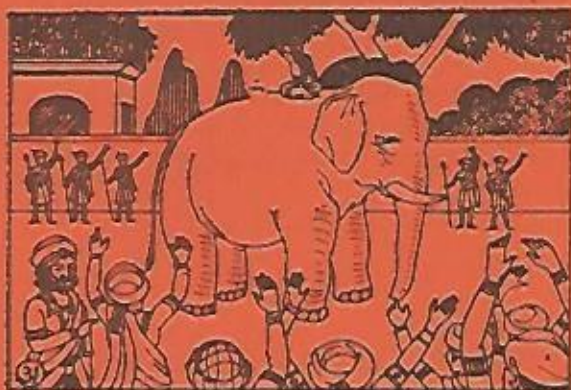
28.- Plötzlich wurde der Elefant auf dem Boden geworfen. Es wurde auf einmal ganz spannend, denn auf dem Kampfplatz stritten sich Devadatta mit einem anderen Kandidaten mit gut gebautem Körper.



29.- Devadatta behauptete, daß er den Elefanten kampfunfähig gemacht hatte. Der andere bestand darauf, daß es seiner Kraft zu verdanken hatte.



30.- Da kam Siddharta dem Elefanten näher Devadatta befürchtete, daß dieser sich den Sieg für sein nahm. Je näher der Prinz dem Tier kam desto mehr leuchtete sein Körper und sein Strahl beruhigte den auf dem Boden liegenden Elefanten.



31.- Wie ein Wunder kam der Elefant zu sich wieder und schaute den Prinzen sanftig an. Er ließ ihn auf seinem Rücken Platz nehmen und ging um das Publikum herum. Die Zuschauer riefen hoch: "Es lebe Prinz Siddharta". Alle waren total begeistert. Langsam herrschte wieder die Ruhe und Devadatta verließ unbemerkt den Ort.



32.- Die Hochzeit des Prinzenpaares Yasodhara - Siddharta wurde im ganzen Land unter Zustimmung und Freude groß gefeiert



33.- Seit diesem Hochzeitstag sah der Prinz glücklich aus. So verfolgte man das Zusammenleben Yashodhara und Siddharta. Aber hinter dem zufriedenen Äußeren wuchs eine Verzweiflung über das Egoismus der Menschen, die nie mit sich selbst zufrieden sind. Selbst die Liebe der Prinzessin konnte ihn nicht davon abhalten. Denn innerlich war er von einer Frage der Verwirklichung einer Gleichberechtigung für alle Sozialschichten in dem damaligen Kastensystem Indiens besessen. Eines Tages erhielt er vom königlichen Vater das Erlaubnis zum Ausfahren. Mit ihm kamen viele Vertrauten des Königs als Begleitoffiziere mit.



34.- Das Osttor öffnet sich auf einen wunderschönen Wald. Als Siddharta die unberührte Natur bewunderte erschien plötzlich vor ihm das wackelige Gestalt eines grauhaarigen Greis. Siddharta fragte ihn nach seinem Heim und seiner Herkunft. Der Greis schüttelte den Kopf und ließ wissen, daß er nur so herum trieb um alles zu vergessen. Auf das Angebot des Prinzen, ihn mitzunehmen, lehnte er ab und fragte: "Ich danke Euch, Hoheit, für Eure Fürsorge, aber könnt Ihr mein graues Haar in schwarz verwandeln, alle meine Zähne wieder wachsen machen und mein veraltetes Gehör wieder in Ordnung bringen, könnt Ihr mich verjüngen?" Vor diesen Fragen blieb der Prinz stillschweigend. Er dachte tiefer nach und konnte dem Alten keine Antwort geben.



35.- Am Südtor begegnete Siddharta einen Lebrakranken, der mitten auf der Straße lag und verhinderte so die Weiterfahrt des Wagens



36.- Siddharta stieg aus, kam dem Mann näher und betrachtete den Körper, der unter der Krätze litt und die gekrämpften Körperglieder. Der Prinz zeigte sich ganz tief berührt als der Kranke vor Schmerzen stöhnte.

Trotz der Warnung seiner Begleitung vor dem Ansteckungsgefahr, zog er sein Gewand und deckte den Mann zu, der zu ihm sagte: "Hoheit, Ihr seid gut zu mir, Euer Gewand ist sehr wertvoll, trotzdem kann es meine Gesundheit nicht zurückgeben." Traurig fuhr Siddharta zum Palast zurück.

37.- Seitdem war Siddharta immer mehr in Verweilung. Er fragte sich:

"Kann jemand das Alter werden verhindern? Kann man Geld und Reichtum gegen die Jugendzeit tauschen? - Lebra, Unrein, wie schrecklich! - Warum erkranken sich die Menschen? - Ich lebe hier in dieser luxuriösen Umgebung und weiß nichts von den Leiden vieler anderen."

Warum und warum - Tausend Fragen erschienen in ihm und quälten ihn. Er fand aber keine passende Antwort.



38.- Auch der König machte sich Sorge um seinen Sohn. Er schlug vor, daß der Prinz noch mehr reisen mußte um alles zu vergessen. Sofort wurde ein Ausflug veranstaltet. Die Bevölkerung wurde angeordnet die Schönheit der Stadt zu pflegen. Als erste Begleitperson war Devadatta. Überall wo sie eintrifften wurde hochgejubelt. Anders als Siddharta, der sich ruhig und bekümmert zeigte, war Devadatta in Stimmung und Begeisterung. Er winkte dem Volk zurück und bildete sich ein als Prinz zu sein.



39.- Der Prinz saß nachdenkig im Wagen. Plötzlich wurden seine Augen auf eine Gruppe von Männern und Frauen gelenkt. Vor ihm bewegt sich ein Trauerzug vorbei. Die Leute weinten und jammerten. Von dem herzzerreißenden Anblick betroffen gab Siddharta den Befehl zur Rückreise. "Sei mutig, ein Toter ist kein Grund zu beängstigen". sagte Devadatta und lachte laut.



40.- Siddharta wußte, daß Devadatta sich über ihn mokiert, wollte trotzdem heimkehren. Er war zu tief beeindruckt und achtete nicht mehr an Äußerem.



41.- Seitdem sprach der Prinz noch wenige und machte eine traurige Miene. Das glückliche Familienleben mit Frau und Kind erfreute ihn nicht mehr.



42.- Die Bilder von Alter, Krankheit, Leid und Tod brannten sich unauslöslich in seiner Seele. Er selbst, wie Yashodhara, wie Rahula und wie die anderen, alle wurden von diesem Gesetz der Vergänglichkeit bedroht. Niemand kann verschont bleiben. So ist das Leben. Alles muß enden. Eine Blüte erreicht ihre schönste Form und welkt. Der Mond zeigt sich im Wasserspiegel und verschwindet. Alles ist vergänglich, nichts ist ewig.

[Fortsetzung folgt]

Bereichern unseren buddhistischen Wortschatz

In Sanskrit, Vietnamesisch, Deutsch

Verantwortlich: Ngô Ngọc Diệp

Dharma Name : Thị Chơn

| | | | |
|--------------------------|---|--------------------------|--|
| A | : Vô, phi, bất (không, chẳng phải chẳng) Nicht(s), kein, un-, -los. | Dānapati | : Thī chủ, Đản Việt, công đức chủ Jener, der freigiebig & schenkefreudig ist. |
| Abhijñā | : Thắng trí, thông, thần thông. Magischer Macht, heilige Magie | Devakhan | : Thiên đường Illuminisches Paradies |
| Adhyātmikasvārthaparātva | : Tâm linh ích kỷ Egoistischer Geist | Devānampriya priyadarsin | : tên khác của vua A Dục Andere Name von Aśoka |
| Arūpa | : Vô sắc Körperlichlosigkeit, materielle Elemente | Ekajāti-pratibuddha | : Nhất sanh bổ xứ Bồ Tát (Bậc cứu sanh 1 lần nữa sẽ thành Phật) Bodhisattva, die nach ihrem Lebensende sicher zum Buddha Aufsteingenden. |
| Arūpadhātu | : Vô sắc giới Die Welt der materiellosen Elemente | Fa-Chen (chin.) | : Ngài Pháp Thành (cao tăng Trg Hoa) Ehrwürdiger chinesischer Mönch |
| Arya | : Bậc Thánh nhân Edel, Ehrwürdiger, Heiliger | Gadgadasvara | : Diệu Âm Bồ Tát Bodhisattva Wundertun |
| Attita | : Quá khứ Vergangenheit | Ganda | : Hưởng Duft, Gerüche |
| Bali | : Bà Trĩ, vua loài A Tu La Bali, Name des Königes der ruhenlosen Geist. | Gandharna | : Càn Thất Bà, Hưởng Thần, Nhạc thần Heilige Duft, heilige Musik |
| Basiasita | : Tô Bà Xá Tứ Đa Der 25. buddhistischer Patriarch. 1.000 Jahren nach dem Nirvāna Gautama Buddhas | Gotra | : Chúng tánh menschliche Charaktereigenschaft |
| Bhadrapāla | : Hiền Hộ Bồ Tát Name eines Bodhisattva | Hetu | : Nhân Keim, Wurzel, Kern |
| Bhadrika | : Bạt Đề La Hán, đệ tử Đức Phật Name eines Arahant, Schüler des Buddha. | Hiranyavati | : A Tỳ La Bạt Đề, Bạt Đề Hà, hữu kim hà Goldbächlein |
| Cakra | : Bánh xe Das Rad | Isipatana | : Xứ chử thiên, đọa xứ; nơi có vườn Lộc Uyển Ort bei Benarès, heute Sarnāth. |
| Ālendrārādja | : Ta La Thọ Vương Phật (Phật Vị lai) Buddha Salawaldkönig (künftiger Buddha) | Jaliniprabha Buddha | : Vông Minh Phật (ở Bắc phương thế giới) Buddha Strahlennetz (in der nordlichen Welt) |
| Chāyā | : Bóng của hình Schatten des Bildes, der Gestalt. | Jātaka | : Bốn sanh truyện Jataka-Geschichten: Geschichten aus früheren Geburten Buddhas. |
| Cunyata | : Không, vô Nicht(s), Un-, | | |
| Dāna-Paramita | : Bồ thí Ba La Mật, Bồ thí đao thí die vollkommene Freigiebigkeit - Tugend | | |

| | | | |
|-----------------------|--|------------------------|--|
| Jayata | : Xã dạ Đa Tô' Sứ Der 20. buddhistischer Patriarch(ein nordlicher Inder) Mitte des 8. Jahrhundert nach dem Nirvana Gautama Buddha's. | Nāga, Dēva | : Thiên long, chủ thiên Drachenkönig, himmlischer Götter |
| Jiva | : Mạng(đời sống) Das Leben | Naihsargikapra-Cittiya | : Xã Hoa, ứng xử, đối trị(30 giới trong 250 giới Tỷ kheo) 30 von 250 Regeln der Bhiksu. |
| Kālacakrayāna | : Mật tông ở thế kỷ thứ mười Schule des buddhistischen Tantrismus im 10. Jh. (Rad der Zeit) | Natchatrarādja-Buddha | : Túc Vương Phật(ở thế phưởng thế giới) Buddha König der Geschlechter (in der oberen Welt) |
| Kalpa | : Kiếp, bá vạn niên, Đại thời Weltzeitaltern | Nihśreyasa-Svabhāva | : Hạnh phúc tối thượng. höchstes Glück |
| Kāmadhātu | : Dục giới(một trong tam giới) Sinnen Welt, Welt der leidenschaftliche Zuneigung | Nihśvabhāva | : Vô tâm Naturlosigkeit |
| Kētu | : Tướng(tướng mạo) Gesichtszüge, Antlitz, Ausehen. | Nirdha | : Diệt, đoan, trừ, tuyệt Erlöschen, Aufgeben, Beenden |
| Lisavi | : Lê xa, ly xa, lực sĩ Kräftiger Mann, Sportler, Athlet | Nirodharasa | : Vị tân diệt Das Interesse an der Erlösung |
| Loka | : Cảnh giới, thế giới Die Welt des Universums | Nyagrodha | : Ni câu đà. Dịch: 1: vô tiết thọ (cây không có đốt) 2. Ni câu đà viên(vườn thượng uyển của vua Tịnh Phạn, Đức Phật có vẽ ở thuyết pháp) 1. Baumart ohne Augen 2. Nyagrodha-Garten Suddhodana König's, wo eimals Sakyamuni Buddha weilte und die Lehre predigte. |
| Lokeśvara-rāya-Buddha | : Thế tử tại vương - Phật(Phật thứ 53) Name des 53. Buddha) | Padma | : Liên Hoa(hoa sen) Lotosblüten |
| Madhurasvara | : Cân Thất Bà Vương(mỹ âm) Name eines Königes der heiligen Duft-Wesen | Padmaprabha-Buddha | : Hoa Quang Phật Budda Blumenleuchte |
| Madhya | : Trung Das Mittlere | Panthaca | : Bàn Thác Ca(hàng thập lục Đại A La Hán) einer der 16 großen Arahant. |
| Madhyamaka | : Trung bộ của Ngài Long Thọ Mahajāna-Schule des Nagārdjuna | Pāpacitta | : ác tâm, ác ý üble Tat mit Absicht |
| Madhyamita | : Thuyết trung quân Madhyamaka-System | Parinirvāna | : Bất Ly Niết Bàn na, Bất Nê Hoàn Dịch: nhập diệt, nhập Niết Bàn Das nachtodliche Nirvāna, Tod eines Arahant |
| Magadha | : Ma Kiệt Già Name eines Volkes & Landes im südlichen Bihar | Pilingavatsa | : Dứ tập die restliche angesammelte Gewohnheiten |
| Magadhi | : tiếng địa phương của người Ma Kiệt Già Dialekt von Magadha | Prajñā | : Bát Nhã trí, trí huệ Vollkommene Weisheit, Wissen, Vernunft |
| Maghada | : Xóm Ma Kiệt Già ein Dorf in Magadha | Rāhu | : La Hầu(vua loài A Tu La) König der ruhelosen Geister |
| Miccaka | : Tổ Di Đà Ca, thứ 6 đầu thế kỷ thứ 3 sau khi Đức Phật nhập diệt Der 6. buddhistischer Patriarch Anfang der 3. Jh. nach dem Nirvāna Gautama Buddha's. | Ramiprabhāsa | : Quang Minh Như Lai Buddha leuchtende Klarheit. |
| Minlinda | : Di Lan Đà Pali-Form für Menandros. | Rasa | : Vị Das Interesse, der Geschmack. |
| Moha | : Si Unwissenheit, Dummheit | | |
| Moksha | : Mộc Xoa, dịch: giải thoát Befreien | | |
| Mudrā | : Ấn(thủ ấn, pháp ấn) Bestimmte rituelle Gesten, Symbolische Gesten der Hände | | |

Ratnā : Bảo (báu)
das Kleinod Kostbares Schmuckstück, Juwel, höhere Seltenheit.

Ratnakēturādja: Bảo Tướng Phật (ở Tây Phương Thế giới)
Buddha Kosbargestalt (in der westlichen Welt)

Saddhā : Đức tin, niềm tin vững chắc
Der Glaube, die feste Überzeugung

Sāgara : Hải, biển
Das Meer

Saha : Ta Bà (thế giới)
irdische Welt

Sarvarthadaria-Buddha: Kiến nhưt thiết nghiã Phật (ở thượng phương thế giới)
Buddha Alle-Theorie Durcheinander (in der oberen Welt)

Satya : Thực
Istheit, Wirklichkeit

Sautrāntika: Tăng can lan da bộ
Sekte des Theravāda, die das Abhidharma ablehnte und sich nur an den Sūtra-Teil hielt.

Siddha : Tất Đạt
Der Vollendeter, Wundertäter

Sraddha : Mễ tín
(blinder) Glaube, Verlangen, Vertrauen.

Srestha : Thượng phẩm
Der höchste Stand

Sukhavat i-Vyūha-Sūtra: Kinh A Di Đà
Der Sūtra berichtet, wie Amitābha Buddha die Erleuchtung erreicht hat, beschreibt das lauteren Land, welches Amitābha Buddha erreicht hat; gab die Methode, durch welche die lebenden Wesen Hingeburt in das lautere Land erlangen können; und schilderte das moralische Leben des Anhängers Amitābha's.

Sumēru, mēru: Tu Di, thế giới
Die Welt

Tathāgata: Như Lai
Titel des Buddha

Tirthika : Ngoại đạo
der Häretiker

Tri-Sarana: Tam quy y
drei Zufluchten zum drei Kleinode (tri-ratana).

Trikoḷa : Tam giới (dục, sắc và vô sắc giới)
Drei Weltelemente (Sinnenform, Form, Nichtform)

Tusita : Cõi trời Đâu Suất Đà
himmlischer Reich Tusita, Freundvolles, Reines Land.

Upanisad : Ưu Bà Di Sa Đà
Geheimlehre Brahmanische Texte zur Erklärung des Veda. zwischen 1.000 und 550 vor Chr.

Upasampadā: Cụ túc giới (giới tỳ kheo)
Aufnahme in den Sangha, die Gemeinde

Upastamkha: Huân tập công đức
Anhängung, Ansammlung von moralischer Verdienster

Upāya : Phương tiện
Das Mittel, die Möglichkeiten.

Upāyakausālya: Xảo phướng tiện
Das falsche, hinterlistige, Schlaue Mittel

Upeksā : Xả
Der Gleichmut

Vāsanā : Huân tập
Ansammlung, Anhäufungen

Vayu : Thần gió
Gott des Windes

Vayu-dhātu: phong (gió) đai
windige Elemente

Veda : Vệ Đà, Tứ Minh
Gesamtheit aller ältesten, heiligen Schriften der Inder

Vicikicchā: Hoài nghi
Zweifel

Vihāra : Tĩnh xá
Aufenthaltort für Monch und Nonnen, Kloster

Yak kha : Trời Đê Thích
Himmlische Welt

(Fortsetzung folgt)

Buddha-Wort

"So ist die körperliche Form, so ist ihre Entstehung, so ist ihr Untergang".
Majjhima-Nikaya, 10. Dialog

Thông báo

Quý vị nào muốn nhận báo Viên Giác chỉ cần gởi tên họ và địa chỉ về chùa, để chúng tôi sẽ gởi đến Quý vị. Điều kiện chỉ có thể, còn việc ứng hộ để trợ báo sống còn với quý vị là tùy tâm. Nhưng vị nào thay đổi chỗ ở xin thông báo về chùa bằng thơ hoặc điện thoại cả địa chỉ mới lẫn địa chỉ cũ để chúng tôi tiện việc làm Carteil.

Die Nachrichten



Die einmeterdreißig große Standbilder von Avalokitesvara-Bodhisattva und Mahasthama-präpta-Bodhisattva, die von Ven. Dr. Thích - Duc Niêm aus Taiwan für Pagode Viën Giác bestellt wurden, befinden sich im Hauptan - dachtsraum der Pagode Viën Giác. Obwohl diese Standbilder per Luftpost geschickt wurden, kamen sie aber vier Tage später nach der Buddhageburtstagsfeier. Deshalb konnten wir diese Standbilder anlässlich des Buddha-Geburtstagsfeier nicht einweihen. Die Kosten dieser beiden Standbilder (Bestellung- und Beförderungskosten) waren sehr aufwendig, in Höhe von 2.500 US Dollar (Ca. 5.500,00 DM). Wir bitten Sie deshalb um eine Spende zum Begleichen dieser Kosten.

Die Einweihung dieser beiden Standbilder findet am Ulambana-Fest vom 20. bis zum 22.8.1982 statt.

Das 2526 jähr. Vesak-Fest wurde von Buddhisten in allen Ländern gefeiert.

Deutschland (BRD):

- An den Tagen vom 30.4 bis 2.5.1982 haben vietnamesischen Buddhisten aus Deutschland Frankreich, Schweiz, Belgien, Österreich, Dänemark, Canada... An der Buddha-Geburtstagsfeier in Hannover teilgenommen. An dem musikalischen Kulturabend, am 1.5.1982 im Theater am Aegi-Hannover, waren ca. 1.500 Besucher anwesend. Die Verantwortung des Kulturabends übernahm die Kulturgruppe der Vereinigung der vietnamesischen buddhistischen Studenten und Vietnamesen in der BRD (e.V.), und unter Mitwirkung von Buddhistischer Assoziation Quang Duc der Pagode Khánh Anh aus Paris, und bekannten vietnamesischen Künstlern in Europa wie Chi-Tam, Cao Thai, Kim Loan, Quoc Anh...

Die Darbietungen haben die Anwesenden wieder zur Heimat, Liebe und zum Buddhismus geführt.

Schweiz

- Am 8.5.1982 fand die Buddhageburtstagsfeier in Lausanne, Schweiz statt. Ven. Thích Minh Tam aus Paris, Rev. Nonne Thích Nu Nhu Tuan aus Schweiz, Rev. Thích Minh Phu, Mönch Thích Thiên Tam, Nonne Dieu An, Minh Loan aus BRD und Nonne Tri Hanh aus Schweiz haben diese Veranstaltung bestätigt. Insgesamt waren 200 Teilnehmer, die in Lausanne wohnen und leben.

- Am 15.5.82 gab es eine feierliche Einweihungszeremonie des Buddhastandbildes in der Pagode Thien Minh in Lyon, die durch Hoa Thuong Thích Trung Quan, Ven. Thích Minh Tam, Alter-Mönch Quang (Paris), Ven. Thích Thiên Đĩnh (Marseille), Rev. Nonne Thích Nu Nhu Tuan, Nonne Thích Nu Tri Hanh (Schweiz) und Rev. Thích Nhu Dien (BRD) bestätigt wurde. Unter den Gästen waren Erzbischof von Lyon und Pfarrer Hai.

- Der 2526 jähr. Buddha-Geburtstag haben auch Vietnamesen in Bern (Schweiz) am 16.5.1982 gefeiert. Es waren ca. 200 Festteilnehmer anwesend. Unter den Teilnehmern waren auch Rev. Nonne TNNT, Nonne TNTC, Nonne TNTH und Rev. TND. Eine Predigt der Buddhalehre, in Vietnamesisch und in Deutsch, wurde von Rev. TND für die Vietnamesen und Einheimischen abgehalten, damit Sie der Pflicht der Buddhisten gegenüber der Dreien Juwelen wahrnehmen können.

Frankreich

- Die Buddha-Geburtstagsfeier und deren erfolgreicher Kulturabend fanden am 23.5.1982 im Theater Maubert (Paris) statt. Diese festliche Angelegenheit wurde von Pagode KA (Paris) veranstaltet. Dabei waren unter anderem Hoa Thuong TRQ, Alter-Mönch Quang, Mönch BT (Marseille), Mönch GH, Ven. TMT, Rev. TTT, Nonne TNNT (Paris), Rev. Nonne TNNT (Schweiz), Rev. TND, Rev. TMP, Nonne TNDA, Nonne TNML (BRD). Stellvertreter von verschiedenen vietnamesischen Vereinigungen und Religionen haben an diesem Fest teilgenommen. Insgesamt waren 2500. Bekannte vietnamesische Künstler haben an den musikalischen Darbietungen mitgewirkt.

- Eine abgelegene Ort in der Nähe von Bordeaux wurde auch der Buddha-Geburts- tag am 30.5.82 gefeiert. Das Kulturpro- gramm dieser Veranstaltung wurde von budd- histischen Assoziation QD der Pagode KA und Sänger Chi Tam unterstützt. Auf dem Waren ca. 400 Teilnehmer. Außer dem Vesak Fest gab es eine buddhistische Hingebungs zeremonie für ca. 20 Personen, durch Bes- tätigung von Ven. TMT und Rev TND, Rev TMP und Nonne TNDA.

-Am 5.6.82 fand in Lyon das Vesak-Fest statt. Diese Veranstaltung war die erste in Lyon überhaupt, mit Unterstützung von Pagode KA und deren buddhistischen ASSO- ziation QD, sogar von Sänger Chi Tam. Anwesend waren auch Ven. TMT, Rev. TTT, Mönch BT, Rev. Nonne TNNT (Schweiz), Rev. TMP, Nonne TNDA (BRD).

Dänemark

- Das 2526 jährige Vesak-Fest wurde auch in Aarhus-Dänemark groß gefeiert. Zum Anlaß dieses Festes wurden den Vorstand- mitgliedern der dortigen buddhistis- chen Vereinigung vorgestellt. Ven. TMT, Rev. TND haben diese Veranstaltung bes- tätigt.

Der Kulturabend wurde von der Kultur- gruppe der Vereinigungen der vietnamesis- chen Buddhisten in BRD und einige Ange- hörigen der buddhist. Assoziation QD, unterstützt. An dem Fest nahmen ca. 500 Vietnamesen und Dänen teil.

Norwegen

- Am 8.5.82 in Oslo Norwegen feierten ca. 400 Buddhisten aus Vietnam, Norwegen und Tibet das Vesak-Fest. Rev. TTT, Stellvertreter von Ven. TMT aus Paris hat an dieser Veranstaltung teilgenommen und bestätigt.

- Außerdem veranstalteten Pagode Linh- Son, Tinh Tam, QA, HN, Ky Vien (Paris), Phap Hoa (Marseille) die Buddha-Geburts- tagsfeier für die dortlebenden Buddhisten, um diesen religionischen Tag zu gedenken.

- In Belgien (Bruxelles) und in London wurde das Vesak-Fest gefeiert und von Ven. THV bestätigt.

Pagoden und buddhistische Vereinigungen werden heute überall errichtet und ge-

gründet. Die Zahl der günstigen Betreu- ern in Europa sind noch mangelhaft, des- halb müssen einige von Ihnen viel rei- sen, um die Buddhalehre zu predigen und buddhistische Aktivitäten zu bestäti- gen. Wir hoffen, daß vietnamesische Mön- che, die sich zur Zeit auf vielen Flucht- lingslagern in Südostasien befinden, nach Europa kommen, um gemeinsam die Buddha- lehre zu verbreiten.

Damit wäre die Vorbereitung des Buddhis- mus und die geistige Betreuung der Budd- histen künftig noch wertvoller.

Auf Einladung der "Deutsche Jugend in Europa" hat der Rev TND, Abteilungsleiter in BRD, an dem "Friedenstag" am 18.6.82 in Hildesheim teilgenommen. Ein Vortrag über "die Aktivitäten des vietnamesischen Budd- hismus in der BRD" wurde von ihm für die deutsche Gäste abgehalten, damit sie das Leben eines Buddhisten kennenzulernen, be- sonders das Leben der in Deutschland leben- den Vietnamesischen Buddhisten.

tiếng thưa trang 20

minh là người hoàng tộc, châu châu thấy đồ lủa thì vào, thấy Nguyễn mạnh thì theo hàng ngay với Nguyễn.

Vấn nghĩa hầu là Trần Tú Viên và Văn chiêu hầu Lông cũng theo hàng giặc. Quân Nguyễn bấy giờ to thế lắm, đông d à n khắp các nơi, từ vùng Bắc Ninh, Thăng Long, Thiên Trường, chỗ nào cũng có quân đóng. Ở vùng Nghệ An lại có Toa Đò, Đương Ngột Đãi, Ô Mã Nhi đánh ra. Nhân tình kinh động, Hoàng thượng đêm ngày lo lắng, nhà nước ngát ngườg nguy như trứng chõng. Hưng Đạo Vương phụng xa giá, treo non, vượt bể, trái gió dầm mưa, tuy thế lực cùng quân, nhưng ngài vẫn bền vững một lòng lo việc nước, đầu vẫn ra đây.

Khi ấy Hưng Đạo Vương phụng xa giá ởng tại Thanh Hoá, nghe tin thượng tướng Trần Quang Khải không cự nổi quân Toa Đò, mới hội các tướng lại hỏi rằng:

- Có ai dám vào giúp Thượng tướng mà c ự nhau với quân Toa Đò, Ô Mã Nhi không?

Có một tướng bước ra thưa rằng:

- Tiểu tướng xin đi!

Hưng Đạo Vương thấy tướng ấy xin đi, mừng rỡ ứng cho ngay.

Đó là:

Nguyễn Sứ hết lòng lo việc nước,
Võ thân đua sức lập quân công.

Chưa biết tướng ấy là ai sẽ xem hồi s a u phân giải. (còn tiếp)

NHỮNG NGÀY ĐI ĐĂNG KÝ

HỒ TRƯỜNG AN



Giới trình diễn khi đi đăng ký đều ăn mặc rất đẹp, rất hợp thời trang. Trái với thường lệ, nữ nghệ sĩ Kim Cường ăn mặc giản dị áo lụa trắng, son phấn kín đáo. Cô ta lẫn xả vào Sáu Chiển, Mai Quân tức là hai cán bộ công sản phụ trách về sân khấu kịch trường Thanh Nga thì trái lại mặc quần patesmàu "ma-rông" đậm, áo sơ mi tay ngắn sọc đỏ, tóc cài bằng đỏ, son phấn thật tươi. Cô đi giữa hai nữ nghệ sĩ lão thành Phùng Há và Tướng Vi, nói cười véo von.

Đợt đăng ký ngày đầu, nam nghệ sĩ tân nhạc kịch trường, điện ảnh Hùng Cường mặc áo thun đỏ, quần xanh lục, dây thắt lưng c à i sao vàng, y phục giống như lá cờ Mặt Trận Giải Phóng. Nữ nghệ sĩ tân nhạc, diễn ảnh Thanh Lan mặc áo sơ mi vẽ hoa, quần Jean, đầu đội mũ lưới trai đỏ, điểm chấm saovàng như màu lá cờ của công sản Bắc Việt.

Đó là những điểm đặc sắc nhất trong giới trình diễn.

Nam nghệ sĩ hài kịch Khả Năng tỏ ra điểm dạm nhất. Khi nghe có người công kích những ai chạy qua đảo Guam, anh điểm dạm nói rằng - Họ có quyền chọn lựa đi hay ở chỗ? Tôi cũng tính chạy rồi, nhưng không được, m ở i còn ở lại.

Nữ kịch sĩ Ngọc Nuôi rả rời cả chân tay, mặt sấu nảo, hốc hác lắm. Hỏi ra thì chông chi là nam diễn viên sân khấu cài lương - Việt Hùng cùng vài ba đứa con lớn đã đi qua Guam được, bỏ chị và một số con nhỏ ở lại. Chị chết điếng, không biết xoay trở ra sao!

Trong đám nghệ sĩ sân khấu, tôi còn gặp nữ nghệ sĩ Kim Hoàng, tóc xòa dài đi cặp k è với bà Như Mai, cô vẫn tối cao của cô. Cô than thó về cuốn phim "Vực Nước Mắt" do cô và bà Như Mai bỏ vốn thực hiện, vừa k i p hoàn thành thì "cách mạng" vào Sài Gòn, cô không biết số phận sẽ ra sao.

Nhưng nói chung, vào ngày đăng ký thứ ba, giới cài lương tỏ ra phấn khởi lắm. Số là vào tối thứ hai, ông Bảo Định Giang, cán bộ văn hóa miền Bắc cùng Mai Quân và Rum Báo Việt (bút hiệu của Sáu Chiển) có tổ chức một buổi họp mặt giới nghệ sĩ cài lương thường thặng có Thanh Nga, Phượng Liên, Ngọc Giàu, Út Bạch Lan, Út Trà Ôn, Thành Được. Mỗi người đều trình bày 6 câu vọng cổ ca tụng B á c Hổ và Đảng.

Bởi đó, sáng hôm sau (ngày thứ 4), giới cài

lượng hết sức phấn khởi vì họ được tin sẽ được hành nghề trở lại. Các bộ đội, cán bộ đã từng hoạt động ở vùng biên miền Nam từ lâu mở radio thường ái mộ những giọng hát Thanh Nga, Phương Liên, Ngọc Giàu, Bạch Tuyết Mỹ Châu, Lệ Thủy, Thanh Kim Huệ, Minh Phụng, Minh Vương, Tân Tài, Hùng Cường, Thanh Sang v v...

Chưa chi mà nhóm Phùng Há, Thanh Nga, Tướng Sĩ chuẩn bị đưa vở tuồng "Đời Cô Lựu" của Trần Hữu Trưng lên sân khấu. Trần Hữu Trưng vào năm 1950 đã bỏ Sài Gòn vào mặt khu. Ông ta còn móc nối tất cả nhóm lãnh đạo ban ca kịch Phước Chung để hoạt động cho cuộc R. Lại nữa, vở kịch "Đời Cô Lựu" có tính cách đấu tranh giai cấp mô tả cuộc đời một người đàn bà có nhan sắc thuộc thành phần tá điền bị chu diên vu không dây người chồng vào lao tù, và chiếm đoạt năng thành vợ hãnh.

Đây là giai đoạn một số đồng các nghệ sĩ sân khấu cải lương trở tại ninh bị các nhà lãnh đạo ngành ca kịch của Việt cộng, những mong mình được hành nghề trở lại. Sáu Chiến Mai Quân, Phạm Ngọc Truyền được họ chiếu cố hơn hết.

Về phía điện ảnh, tất cả đều sâu não. Theo giới lãnh đạo văn nghệ miền Bắc thì ngành điện ảnh miền Nam chỉ thực hiện toàn những phim lãng mạn, đối trụy và phản động. Bởi đó nhà đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc không mấy phấn khởi khi Kim Cường đúi vào tay ông xấp bản thảo truyện phim dựa theo vở thoại kịch "Lá Sầu Riêng" nhờ ông làm bản phân cảnh kỹ thuật (découpage technique).

Nhà đạo diễn Bùi Sơn Duân tò về đau khổ vì cuốn phim màu Eastmancolor "Hải Vụ 449" do ông vừa thực hiện xong, chưa kịp đem rachiú để gờ vốn thì cộng sản đã chiếm Sài Gòn... Ông lại lo lắng cuốn phim "Ba Cô Gái Suối Châu" do ông thực hiện vốn là phim chống cộng, không hiểu sẽ gây hậu quả gì cho ông đây. Nhà đạo diễn Thân Trọng Kỳ cũng chung niềm lo sợ ấy vì cuốn phim "Chợ Sáng" của ông cũng là phim tố cộng nặng ký. Họ à n g Vĩnh Lộc cũng buồn rừ rười vì cuốn phim "Xin nhận nói này làm quê hương" cũng như phim "Người Tình không chân dung" của ông là những phim tố cộng được cục R đánh giá là nguy hiểm; nhưng tài tử trong hai phim này như Huy Cường, Tâm Phan, Trần Quang, Minh Trường Sơn, Ngọc Minh đều là những tài tử khó có hy vọng hành nghề trở lại.

Kim Cường tuy là người của cục R, nhưng kết cuốn phim "Chiếc bóng bên đường" vốn là phim tố cộng nhẹ nhàng do cô bỏ vốn sản xuất và đóng vai chính. Cô cứ thanh minh với những cán bộ văn nghệ miền Bắc luôn:

- Cuốn phim đó đâu phải do em sản xuất. Trời ơi! em làm gì có nhiều tiền để làm phim chứ. Đó là do hàng Tân Kiệt Y Oan của tụi Ba Tàu trong Chợ Lớn bỏ ra làm phim đó đa. Còn sớ dĩ em nhận đóng một vai trong ba vai chánh của cuốn phim là vì em thấy truyện phim đó cũng chẳng qua là chuyện tình trong thời chiến tranh vậy thôi. Các vai do em đóng chưa mở một lời tố cộng nào mà chỉ nói toàn là lời phản chiến.

Các ca sĩ miền Nam trong lúc đi đặng kỳ cũng tỏ ra không mấy lạc quan. Ca sĩ miền Bắc hát bằng một kỹ thuật điêu luyện cũng như ca sĩ ngành ca kịch Opéra hoặc Opérette bên Âu Châu. Họ chỉ còn có cách an ủi nếu may mà nhà nước và đảng còn thương hại đến cho họ đi hát ở làng quận xa xôi cũng được trong khi đó ca sĩ miền Bắc hát ở Thủ Đức hay ở những đô thị lớn.

Có nhiều ca sĩ đã giải nghệ từ lâu mà vẫn phải đi đặng kỳ như Bạch Quyên, Tuyết Mai, Ngân Hà, Thu Hương, Thùy Hương... Họ chỉ sợ dầy đi làm ruộng ở miệt xa xôi heo lánh. Thà họ hành nghề dầu ở một vị thế khiêm nhường, tối tạm đi nữa, nhưng họ được hoạt động trong môi trường cổ hủ của mình vẫn hơn.

Có điều rất buồn cười là trong ngày đầu, nữ kỹ giả Quỳnh Như hướng dẫn một toán nữ vũ công ngành Sexy Show đã từng hoạt động trong cái Club Mỹ đi đặng kỳ. Hỏi cô về việc này thì cô diêm dam trả lời:

- Vì Sexy cũng là một bộ môn nghệ thuật. Nữ vũ công ngành này há không phải là nghệ sĩ à?

(Kỳ tới Văn Nghệ Sĩ sau những ngày đi đặng kỳ)



Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ 4)

Đã 6 mùa hè trôi qua kể từ khi tôi dừng chân nơi xứ Đức, chưa có năm nào nóng bức như năm này. Có lẽ những mùa hè trước tôi chưa bao giờ ở lại Đức, vì phải đi nước này nước nọ, nên đã không cảm nhận được điều đó chăng! Hay Đức vẫn còn có được những ngày dễ thương, dễ mến!

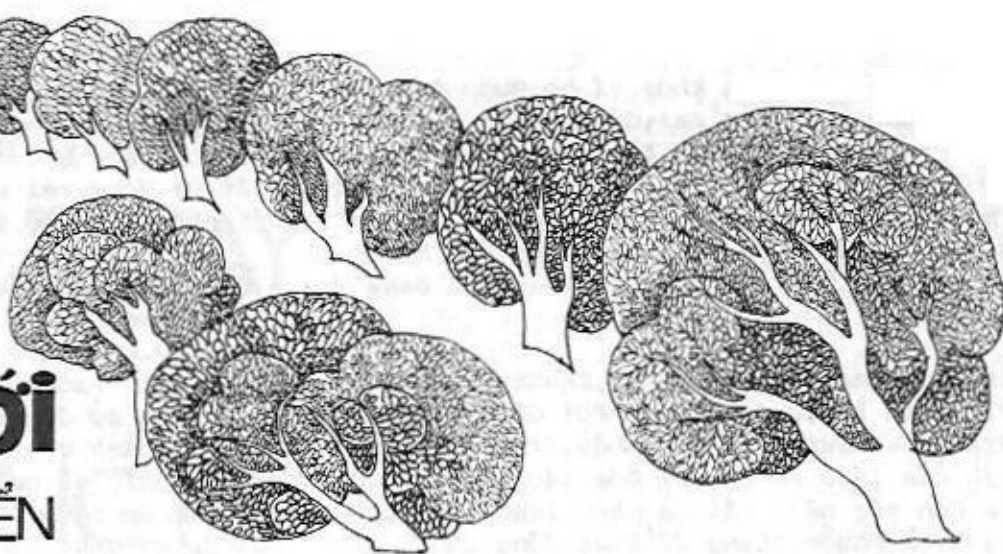
Như vậy "nắng ở đây cũng không là nắng của ngày xưa và tâm hồn tôi cũng không phải là tâm hồn tôi năm cũ" trong tôi vẫn không thấy sự đổi thay, nhưng lòng người và tình đời đã thay đen đổi trắng. Trời có lúc gió mưa thì lòng người cũng có khi đen khi trắng, nhưng kể từ khi hiểu được sự vô thường của cuộc đời qua kinh điển nhà Phật tôi như thấy lòng mình đứng vững với thời gian và không gian vô tận ấy.

Hư không hữu tận, ngã nguyên vô cùng
Tinh dư vô tình, đồng viên chung trí.
Nghĩa là:

Hư không dù có chuyển đi,
Nguyên con muôn kiếp chẳng hề lung lay.
Nguyên câu vạn pháp xưa nay,
Hoàn thành trí nghiệp đến nơi Bồ Đề:

Đạo sẽ không bao giờ thay đổi mà chỉ có lòng người mới hay thay trắng đổi đen, nên khuyên ai đó đừng mê nơi ngoại cảnh mà không luy đến tinh thần, hãy thấp sáng hiện hữu lên để đi tìm chân giá trị của cuộc đời ở nơi giá đổi này.

Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu cũng đã than rằng
"Đời dằng chán hay không dằng chán
Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm
Giá quỳnh thành nhất tiểu thiên kim



Mắt xanh trắng đôi nhắm bao khách tục
Giang Hà nhật hạ nhân giai trọc
Thiên địa lô trung thực hữu tình
Đón đưa ai gió lá chim cành
Áy nhân thế phù sinh là thế thế
Kiếp phù thế chưa dứt câu phù thế
Người phong lưu còn dạm về phong lưu
Bức khăn hồng nâng đỡ hạt châu
Chuyện kim cổ một vài câu phải trái
Châu Nam Hải thuyền chìm sông Thúy Ái
Sông Tiên Đường có áy bên Ô Giang
Ngắm nghìn xưa ai tài hoa, ai tiết liệt, ai
dài trang.
Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ
Đời dằng chán biết thôi là đủ
Sự chán đời xin như bạn tri âm
Nên chàng nghĩ lại kéo nhâm"

Cuộc đời là thế đó, dưới mắt tao nhân mặc khách là rượu là thơ, dưới mắt những anh hùng cái thế là châu là ngọc, nhưng dưới mắt một người Tu như phù hoa mộng ảo, có đó rồi mất đó, không không có có, có có không không thật là vô thường biến đổi và thời gian cũng như không gian cũng sẽ biến đổi đi, nhưng đối với người Tu, lòng của họ sẽ không bao giờ biến đổi với niềm tin trên con đường Giác Ngộ và Giải Thoát.

Tất cả những ngôn ngữ hợp thành trong văn tự cũng là giả hợp mà thôi, nhưng muốn mượn cái giả để tìm cái chân, nên mới có vài hàng cùng đọc giả, và mong rằng với tất cả niềm tin đối với Đạo, quý vị sẽ hình thành một nếp sống nội tâm cao hơn ngoại giới, để cho ngoại cảnh khỏi chi phối chúng ta, đâu sống dưới bất cứ một hoàn cảnh nào.

Nói đến Đức ai cũng nghĩ ngay đến Bà Linh nên hôm nay chúng tôi sẽ mang quý vị đến

vùng đất đặc biệt này vậy.

Từ Hannover nếu bạn muốn đi Bá Linh có thể đi bằng 3 cách như sau:

Lấy máy bay từ Hannover đến Bá Linh chỉ độ chừng 20 phút là đến. Nếu ai là những người làm trong những cơ quan quan trọng của chính quyền không muốn đi ngang Đông Đức.

Cách thứ hai bạn có thể lấy xe lửa cũng đi từ Hannover đến Bá Linh (Tây) độ chừng gần 4 tiếng đồng hồ.

Cách thứ 3 là đi bằng xe hơi, thời gian khó có thể quyết định được vì tùy thuộc vào giấy tờ của bạn có hợp pháp hay không, nếu không có gì trở ngại bạn sẽ đến được Tây Bá Linh sau 4 tiếng đồng hồ khởi hành từ Hannover, nhưng nếu có gì trục trặc, bạn đôi khi phải chờ hàng 2 hoặc 3 tiếng đồng hồ tại biên giới.

Bá Linh trước đây (dệ nhị thế chiến) là Thủ đô của nước Đức, nhưng kể từ khi nước Đức bị chia đôi, Thủ đô của cộng hòa Liên Bang Tây Đức dời về tại Bonn và thủ đô của cộng hòa nhân dân Đức (Đông Đức) vẫn còn đóng tại Đông Bá Linh. Khi Đức thua đồng Minh Anh, Pháp, Mỹ hồi đệ nhị thế chiến thì thành phố Bá Linh bị chia làm 4 dưới sự kiểm soát của 4 cường quốc: Đông Bá Linh do Nga kiểm soát và Tây Bá Linh chia ra làm 3 phần do Mỹ, Anh và Pháp kiểm soát. Do đó nếu ngày nay bạn sang Tây Bá Linh bạn vẫn còn thấy những vùng quân sự được phân chia bởi những quốc gia này. Đây là một nhục lớn của Dân Tộc Đức qua cái mộng Bá Chủ Đổ Vương của Hitler.

Đồng bào Việt Nam tỵ nạn cộng sản nơi đây độ chừng hơn 1.000 người có một số lớn di cư bên Lào sang. Đặc biệt những người này rất sùng bái Đạo Phật. Điều đó cũng dễ hiểu vì nước Lào Phật Giáo là quốc giáo nên họ đã lãnh hội được tinh thần ấy. Điều đó đáng khích lệ và học hỏi nơi họ. Trước năm 1975 ở Bá Linh có chừng khoảng 300-400 Sinh Viên, trong số đó thành phần thân cộng sản cũng trên dưới 200 người và sau 1975 số này giảm bớt đi vì gia đình thân nhân của họ từ Việt Nam sang kể cho họ nghe những sự "tự do" của cộng sản nên họ bớt sinh hoạt trong hội Đoàn Kết và số khác sau khi tốt nghiệp đã rời Bá Linh để đi về Tây Đức hoặc đi nơi khác để lập nghiệp sinh nhai.

Tình hình và khuynh hướng chính trị của đồng bào Việt Nam tại Tây Bá Linh rất phức

tạp, không nên bàn nhiều nơi đây, vì những vấn đề ấy đã được đề cập nhiều ở những báo chí khác; nhưng dưới con mắt của một nhà tu thì chuyện của người tại Bá Linh chỉ có người Bá Linh mới giải quyết được chứ như người khác bên ngoài khó có thể hàn gắn nổi. Vì Đức Phật vẫn thường dạy rằng: "Sư tử trụ thực Sư Tử nhục" nghĩa là "chỉ có con vượn của con sư tử mới ăn thịt được Sư Tử mà thôi" và cũng chính con sư tử ấy tự chữa cho mình khỏi bệnh mà thôi chứ ngoài con sư tử ra không ai có thể chữa lành cả.

Nhưng đâu sao đi nữa đất Bá Linh vẫn lã đát lạnh và nơi đây đa số những người ngoại quốc đều có mặt. Lạnh là so với chế độ cộng sản tại Việt Nam hay Đông Đức, nhưng Bá Linh cũng thật đủ so với những ở gián điệp đông trời trong lịch sử, Bá Linh là võ đài tranh chấp giữa thế giới cộng sản và thế giới tự do, nên cũng không yên ổn gì mấy. Trong thành phố Tây Bá Linh người ta ít thấy không khí chiến tranh, nhưng đến gần vùng phi quân sự giữa Đông và Tây Bá Linh thấy cảnh chiến chinh dương như vẫn còn đó và "bức tường ô nhục" ngăn chia giữa Đông và Tây Bá Linh là một bằng chứng ghi lại những gì đã bị đổ vỡ bởi chiến tranh và thù hận. Nếu không bằng tình thương thì bức tường này vẫn còn là vết nhơ lịch sử của một dân tộc, mà Dân Tộc đó vẫn thường tự hào là trên tất cả những dân tộc trên hoàn cầu.

Nếu những truyện ngụ ngôn của văn hào La Fontaine nước Pháp về những chuyện "con ếch và con bò" hay con cáo và con cò" mà ảnh hưởng được những tâm hồn tục lụy như những nhà lãnh đạo của Đức thời xưa trước đệ nhất hay đệ nhị thế chiến thì có lẽ ngày nay Đức sẽ không như vậy, và ngày nay có nói cũng là chuyện đã rồi; nhưng lịch sử vẫn là lịch sử chứ không là một hình thức quyền uy nào khác.

Từ bức tường bên này có thể thấy người bên kia hay ngược lại, nhưng người bên này có vẻ phong lưu, tự tại, trong khi đó người bên kia bị bao phủ bởi những hàng rào giấy kẽm gai và chống mìn như những thời tranh đấu năm 1963 giữa Phật Giáo và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm. Cùng một giọng máu, cùng một dân tộc, cùng một ngôn ngữ, nhưng bên này không thừa nhận bên kia, và bên kia cũng tìm cách phá rối bên này, cũng chẳng khác nào con sông Bến Hải trước và sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 tại Việt Nam vậy.

Đến đây để cảm nhận những nỗi đau thương của nhân thế và sự đổi dời của lịch sử Bá Linh; nên chà vui khi nhìn bức tường thành ấy. Đôi lúc cảm thấy như mình cũng bị ảnh hưởng bởi sự chia ly này.

Tại thành phố Bá Linh có một ngôi chùa tên là "Buddhistisches Haus" chùa này đã được xây từ năm 1924 bởi một người Đức tên là Dr. Paul Dahlke. Ông ta là một học giả uyên thâm của nước Đức, giữa đường vì thấy giáo lý nhà Phật thích hợp với đời sống nội tâm của mình nên đã từ bỏ công danh sự nghiệp, sang Tích Lan cầu Thấy thọ giáo. Thượng Toạ Sunmangala Suriyagoda là vị Thầy nổi tiếng về ngôn ngữ Pali của ông và ông ta đã quy y theo Thượng Toạ này. Cách đó không lâu ông về lại Đức hiến ngôi nhà của mình cho Phật Giáo Tích Lan. Ngôi chùa đó nằm tại Edelhoferdam 54, 1000 Berlin 28 Frohnau. Hiện nay chùa được do những vị sư người Tích Lan trông coi. Chùa có một chánh điện xây theo kiểu Nhật Bản, một thư viện với nhiều sách vở bằng tiếng Pali, Anh, Nhật, Tàu, Đức, Pháp v.v.. về Phật Học và văn học rất phong phú. Ngoài ra chùa còn có một trung tâm toạ thiền và nhập thất cho những Thiền sinh và những Tu Sĩ. Cảnh vật thật xinh tươi được bao phủ bởi một đồi cao với thông xanh vì vút. Nếu gọi thành phố Bá Linh là nơi xa hoa kiêu cách, thì hãy xem chùa này như một bóng mát của tâm hồn để che những tâm hồn đau khổ.

Mỗi lần Phật Tử Việt Nam tại Bá Linh có lễ lộc gì đều có thể mượn nơi đây để nguyện cầu hay hội họp. Vị sư trụ trì vẫn thường hay nói với chúng tôi mỗi khi đến thăm rằng chùa là của chung tất cả mọi người chứ không phân biệt Đông Tây Nam Bắc vì Phật chỉ có một chứ không hai. Những vị sư ở đây nói tiếng Anh rất thông thạo, nhưng tiếng Đức có phần ít điều luyện có lẽ vì tuổi lớn hay chăng!

Tại Bá Linh chưa có một ngôi chùa Việt Nam nào, mặc dầu nơi đây cũng muốn có một vị Sư hay một vị Thầy để lãnh đạo quần chúng Phật Tử, nhưng vì chưa thuận duyên nên công việc trên chưa thực hiện được. Tuy nhiên tại Tây Bá Linh đã có một Chi Hội Phật Tử thuộc Hội Phật Tử tại Tây Đức. Thành phần cốt cán của Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử Tây Đức đều nằm nơi đây. Mỗi lần có lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan hay Tết là Bà con Phật Tử Việt Nam tại Bá Linh, nhất là Ban Văn Nghệ đều kéo về Hannover để dự lễ và đóng góp phần mình vào công việc tổ chức những

Đại Lễ trên. Bá Linh là như thế và Bá Linh có lẽ cũng sẽ chẳng đổi thay với thời gian và hoàn cảnh.

Đến Bá Linh cũng dễ nhớ đến Bà Huyện Thanh Quan của Việt Nam chúng ta trong những thế kỷ trước.

"Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá lá chen hoa
Lom khom dưới núi Tiêu vài chú
Lát đất bên sông rợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dứng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta".

Bá Linh là vậy đó. Ai đã có cơ hội ở Tây Đức thì cũng nên đi xem Bá Linh một lần. Đến Bá Linh để hội tưởng về Việt Nam trong quá khứ, rồi Bá Linh để tìm cho mình một lối vui thanh thoát nhẹ nhàng

Tôi thương đất nước tôi, như quê hương tình người và Đạo Pháp, nhưng tôi cũng không bằng lòng cho những ai chia cách núi sông, vì dân tộc tôi phải sống bằng tình thương chứ không là thù hận. Dân Tộc tôi phải lành mạnh chứ không dối rách dọa dẫm. Đất nước tôi có anh hùng liệt sĩ, quê hương tôi có Đạo Phật lâu đời. Tôi phải sống, phải kiên gan bền chí để tạo cho được một ngày về trong vinh quang muốn thúo không còn bóng dáng quân thù mà chỉ những người thân.

Bá Linh có rất nhiều điều hay và cũng lắm điều lạ, nhưng Bá Linh cũng có không ít những chuyện tang thương, nên ai đó trong chúng ta nếu có lòng thì hãy đến thăm Bá Linh để có dịp nhớ về quê cũ. Và đến Bá Linh để tạm gọi tình người trong nỗi sống tha hương đầy gian truân khổ nhọc.

Bá Linh duyên dáng như cô thôn nữ yêu kiều nhưng Bá Linh cũng kiêu sa như những nàng cung phi được vua chiêu chuộng nhất. Bá Linh là trung tâm của nước Đức và cũng là cửa ngõ giao lưu giữa Tự Do và cộng sản, giữa tình thương và thù hận...

Bá Linh vẫn còn nhiều nhưng sẽ ngưng lại ở nơi đây và hẹn gặp lại quý vị trong kỳ kế tiếp sẽ đưa quý vị về những vùng xa xôi mới lạ khác.

(còn nữa)

Giữ thơm Zue Mẹ

Mùa Phật Đản 2526 Bả Linh-Hoàng Giang Sơn

Ngân nga vang tiếng chuông chùa,
Tràng kinh trăm bông đong đũa gió ngàn.
Người đi thể hải minh san,
Bụi trần bám chặt, thân mang chỉ thân!
Bước phong trần, mái phong trần,
Xót người ly cách, thương phân chất chiu.
Xuân sang, thu lại điều hieu,
Cung đàn lơ nhịp, đồ chiếu bơ vơ...
Chim bay lạc khắp bên bờ,
Chim liả tổ ấm nương nhờ bẽ' dẫu.
Tuyết sương trắng bạc mái dẫu,
Xa xôi đất Úc, trời Âu đùng về!
Mái chùa đồ' nát lạng quê,
Những người ở lại cầu thể không phai.
Trông chờ chờ mái sao mai,
Ngây về nắng chói chan dài hoa sen.
Người đi dẫu có ướn hên,
Thoát vòng danh lợi, không chen lấm bùn.
Cam lồ rống nước nước phun,
Xóa niềm đau khổ, giải cùn ác tâm.
Nhà tơ nuôi kén kiếp tằm,
Nuôi người vững chí, chờ nhăm bên mê!
Tha hương đồng loạt nhất tề,
Giữ thơm quê mẹ, ngây về vinh quang!...

Di lễ Chùa

Hôm nay đi lễ chùa,
Em nhìn đứng ngơ ngác
Con đường khác năm xưa
Gió xuân dẫu tươi mát!

Hôm nay đi lễ chùa,
Em gặp nhiều Cô Bác,
Như gặp được cơn mưa
Nhớ mẹ hiền bất ngát...

Hôm nay đi lễ chùa,
Em nghẹn ngào khúc hát.
Còn đâu buổi vui đùa,
Mái chùa xưa đồ' nát!...

Hôm nay đi lễ chùa,
Em nguyện cầu cho bạn,
Ngày biển cả thi đua
Đi tìm chân trời sáng!...

Hôm nay đi lễ chùa
Em chấp tay cầu khấn,
Lá Bồ Đề trao dứa,
Giữ vẹn lòng tính tấn!...

Hôm nay đi lễ chùa,
Em nguyện cầu ngày mới,
Sớm trở lại quê xưa,
Mẹ Việt Nam mong đợi!...

Di giữa mùa Thu

Besancon - Thích Nữ Trí Tánh

Mùa Thu chuyển rừng xanh thành vàng lá
Khiến hồn ai ngập ánh sáng quang minh
Hoàng hôn nào chiếu rọi ánh thanh bình
Khi đêm xuống vẫn an lành tự tại...

Mùa thu lẩn lờ ai niềm ưu ái
Vẫn di hoài... gieo hạt giống tử bi
Vượt rừng thiêng sương gió chẳng ngại chi
Đời mưa bão!... độc hành quên ngững nghĩ.

Mùa thu thăm đời ai hùng anh khí
Kêu gọi người, thôi! ngữ mãi mà chi?
Tình thức xem nhân loại sống cuống si
Ôi!... thông khổ! - u mình chìm nhân ái.

Mùa thu nhắc nhớ hoài, người con gái
Quên phận hèn, liễu yếu giống nữ nhi
Gói hành trang một bát với vàng y
Đầy! kinh kệ, Đạo thi làm vũ khí.

Mùa thu khắc hồn ai nguồn Bi Trí
Đạo nhiệm mẫu trang bị chí "nam nhi"
Trang tình thương còn đây - tiếng tử bi
Nguyễn cứu độ sanh linh rời bi khổ!

Mùa thu ấy, vàng son màu giác ngộ
Hoàng hôn nao ngọc ẩn hiện trên dằng
Muốn thu qua ai khắc khoai cứu mang
Lông hứ ảnh - Đạo tràng cô độc bước.

Bao năm qua nhìn xa nguyên thể ước :
Tiền Đãng trình phiến trước lảnh xa đi
Phiến trắng cao thanh bạch chốn sơn trì
Cười ngạo nghệ... làn mi trào ngọc lệ.

Mùa thu đến - quang minh, kià! bản thể...
Hỏi vì dẫu ta lại được gặp người?
Bởi vì sao tôi diện kiến với NGƯỜI?
Ôi! tự hỏi, kiếp này sao hội ngộ?

Mùa thu chiếu huyễn thân, tâm Tịnh Độ
Sáng muốn loài chân lý ánh tử bi
Mang nguồn thương trang trải khắp lối đi
Nung sức sông, nguyên đi xây nhân loại.

Mùa thu đây. Đây! thiên thu bất hoại
Đã có NGƯỜI hiện hữu tại trần gian
Vươn đôi tay tiếp dẫn khách bên dằng
Về cứu cánh, Đạo Tràng rời thông khổ.

.....
.....



TRONG CÓN LỐC ĐỎ

NGUYỄN HỒNG KỶ

(Kỳ 9)

PHẦN II: HỌC TẬP CÁI TẠO

CHƯƠNG 1: Trình diễn đi học tập cải tạo tập trung

Ngày thứ hai mươi lăm sau 30 tháng 4 đến số phận của các tổ chức đảng phái Quốc gia. Những thành viên đảng Dân Chủ, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt v.v... phải đi trình diễn. Và lần lượt sau đó những người Việt trước đây đã từng giúp việc cho người nước ngoài như trong những thương nghiệp xã nghiệp, ngân hàng và những tổ chức do ngoại quốc kiểm soát đều phải trình diễn. Dù trước đây là một tổ chức đôi lập với chính phủ cũng vẫn phải trình diễn. Người đi trình diễn tự cảm thấy mình bị mất tự do và lo ngại cho bản thân trong những ngày sắp tới.

Một vài hôm trước đây Ngô có dịp đi một vòng trong Chợ Lớn. Trên một con đường nhỏ trong cư xá Nguyễn Tri Phương anh gặp một anh hạ sĩ đã từng phục vụ cùng một đơn vị. Anh này mừng rỡ hỏi han tự sự. Anh ta mặc quần sọt, áo sơ mi ngắn tay đen trông không có vẻ gì của một quân nhân trước kia. Mới đây mà tướng chừng như một di vãng xav đi. Hôm 30 tháng 4 anh ở đâu? Ngô hỏi.

- Tôi còn ở lại trường chông với tụi nó.. Trung Ủy biết không, viên hạ sĩ tiếp, tôi núp ở chiến hào trong đơn vị cho xe tăng nó vô...

- Nói nhỏ nhỏ vậy kéo người ta nghe. Rồi sao nữa?

- Nó tướng chỗ không người, T54 tràn vào. Tôi nhắm và cho nó một phát M72... chầy! nó nằm im.

- Thôi đủ rồi, Ngô ngăn anh hạ sĩ khi anh

ta uất ức còn muốn nói tiếp, anh nhớ đừng tiết lộ cho ai điều này cô hại.

- Tôi nói với Trung Ủy thôi... nghe đã à ư mai một tụi tôi phải đi học tập ba b ư a không biết thế nào.

- Thôi cứ chờ xem sao, tối đầu hay đó, rồi chúng tôi cũng thế thôi.

Sau những phút tâm sự chớp nhoáng Ngô từ gia anh hạ sĩ. Không biết từ đó về sau anh ta ra sao.

Một thông cáo cho biết anh em binh lính và hạ sĩ quan chế độ cũ phải đi học tập ba ngày kể từ 11 tháng 6-1975. Ở mỗi quận thị trấn thành phố người ta dùng trường học để làm địa điểm tập trung người đi học tập.

Người ta hội họp chờ đợi cái ngày quyết định ấy cho vận mạng của những người thuộc chế độ cũ. Và cái ngày ấy đã bắt đầu. Anh em binh sĩ và hạ sĩ quan từng địa phương tập trung tại mỗi địa điểm đã ấn định. Đài phát thanh, báo chí và các phương tiện thông tin khác đều đồng điệu ca ngợi chính sách khoan hồng nhân đạo của cách mạng. Chính sách của chính phủ "trước sau như một".

Người ta phải đem theo viết, tập giấy ghi chép và tự túc ăn uống trong những ngày ấy. Ai cũng muốn biết xem người ta sẽ phải học những gì?

Trong một tập ghi chép tài liệu học tập của một binh sĩ thấy những đề tài: Đề quốc Mỹ xâm lược Việt Nam là một kẻ thù số một của nhân dân Việt Nam - Nguyễn quân, Nguyễn quyền Sài Gòn là công cụ của đế quốc Mỹ - Ý nghĩa thắng lợi của cách mạng v.v. Người ta dành một ngày để thảo luận và làm bài tập theo những câu hỏi được nêu lên.

Sau đó anh em binh sĩ và hạ sĩ quan đã dự khóa học đều được cấp một giấy chứng nhận đã trình diện học tập trong thời gian ấy. Đồng thời ngày 11-6-1975 tướng Trà cũng ký một thông cáo kêu gọi trình diện học tập những sĩ quan tử cấp tá trở lên và các công chức từ các trường tự sở, giám đốc, bộ trưởng v.v... sáng từ 8 giờ tối 17 giờ trong những ngày 13, 14 và 15 tháng 6 năm 1975, phải đem theo 21 ký gạo để dùng một tháng và khoảng 3kg đồ ăn, quần áo thay đổi, áo ấm, bàn chải và kem đánh răng, chèn bát và thuốc men cần thiết.

Một tháng học tập cải tạo kể ra không bao lâu, Ngô tư như. Nhưng họ sẽ đi học tập ở đâu? Tại sao phải mang theo áo ấm, thuốc men? Đi ngang qua trường nữ trung học Gia Long thấy trên đây lâu những sĩ quan đã trình diện đang dùng cơm trưa, mặc áo thun trắng tương trưng như những ngày cầm trại. Cảnh ấy khiến lòng buồn vô hạn. Nhưng dù sao một tháng cũng sẽ qua mau. Trước mắt, anh em binh sĩ và hạ sĩ quan đã học tập bừa bãi đúng theo thông cáo và họ được tự do sống với gia đình không có gì mờ ám. Nay sĩ quan cao cấp phải học một tháng cũng vừa. Song,

Thầy người mà ngẫm đến ta
Phận mình rồi cũng hóa ra chim lồng!

Sáng sớm ngày 19-5 trước đây Ngô được dịp đi chơi với chú Sáu ra Di Linh bằng xe vận tải, nói sở trà của chú. Như cơ hội chiến tranh vừa tàn, quan sát những vết tích của cuộc chiến vừa qua còn nồng hổi. Hôm nay là ngày sinh của "bác". Người ta tổ chức lễ tưởng niệm "vị anh hùng dân tộc" trong những thị trấn nhỏ buồn hiu. Nhưng lá cờ mặt trận và cờ đỏ sao vàng song song bay phất phới và đó đây những bức ảnh lồng khung của Hồ Chí Minh được đặt trên mỗi bàn thờ trang hoàng hoa quả.

Kìa trên đồng ruộng mênh mông, một hồ chông chiến xa chạy dài vô tận. Chiến hào này đã được đào trước đây không lâu dùng ngăn chiến xa cộng sản trong tháng tư. Người ta đã nghĩ rằng nó rất hữu hiệu về mặt chiến thuật tác chiến chống tăng T54 hay bất cứ loại chiến xa nào. Nhưng vô ích khi mà tình thần và mục đích không có.

Đi đến đâu cũng thấy cảnh buồn thảm đôn nạt Ngang qua các quận lý nhỏ vắng người, nhà cửa sụp đổ ngồn ngang hoặc hoang lổ những

vết đạn, một tháp chuông nhà thờ g đ y nghiêng, một tượng Phật Quán Thế Âm sừng sừng trước cảnh đổ nát của một ngôi chùa, khói năm đen một dãy nhà... Trong lúc chiến cuộc xảy ra những nơi này chắc đã g ã y nhiều thương vong trong dân chúng.

Gần giữa trưa xe đến thành phố Di Linh đây bụi đỏ. Trong một quán ăn chỉ có ông chủ tiệm, vợ và các con. Thực khách chẳng có ai. Chủ Sáu chuyện trò với ông chủ và hỏi thăm tình hình con đường vô sở trà. Người tabáo trong ấy yên.

Cơm nước xong lại lên đường. Xe đến nơi, dừng trong sân. Cả gia đình một người quản lý trẻ, vợ và mấy đứa bé chạy ra đón mừng chủ Sáu và chào hỏi những người khác trong đó có Ngô mà họ chưa từng gặp. Trong nhà có bà cụ, mẹ anh quản lý. - Cậu Sáu! lâu quá cậu không về chơi. Gia đình trong ấy mạnh cả hả cậu? Người quản lý trẻ rất vốn vã. Sau những lời thăm hỏi ân cần, Vân, người quản lý trẻ bảo vợ lo cơm nước để đi khách đứng xa.

Vân tường thuật sơ tình hình sở trà của u khi "cách mạng thành công", chánh quyền mới của địa phương dự định biến nó trở thành một hợp tác xã sản xuất trà. Vân hiện nay cũng tạm giữ một chức vụ trong chánh quyền mới của xã. Anh có khẩu súng lục. Mặc dù thế, tình cảm của Vân và gia đình anh đối với chủ vẫn như xưa, không hề thuyên giảm.

Trước kia, những cơ sở kỹ nghệ, đồn điền tư nhân đóng góp hai chế độ thuế má ở những nơi hẻo lánh mặt an ninh: "bên trong" và "quốc gia". Ngoài ra, các hãng xe đồ d ư a khách đi những vùng xa, để bảo đảm cho công cuộc làm ăn của mình, cũng phải đóng thuế cho phía bên kia. Người có vườn ruộng c ã y trái hoặc giàu có ruộng nương đều phải làm như vậy cả. Đó cũng là những nguồn t à i chánh cung ứng cho phía Việt Cộng, chưa kể những tô chức kinh tài khác nằm trong lòng Việt Nam Cộng Hoà dưới nhiều hình thức hợp pháp.

Buổi trưa ở đây rất vắng và yên tĩnh. Vân nói chuyện với chủ Sáu về hoạt động của sở trà những ngày trước cách mạng thành công. Thật sự về những năm gần đây só không có làm ăn quy mô, chỉ lo tu bổ năm, bảy mười mẫu trà đang sinh lợi, còn một số ba, bốn mươi mẫu dự định cho trồng thêm cũng phải

bộ đồ. Cứ đến lúa hái là thì thuê nhân công; còn nhiều thì dọn và bán phân. Trà hái được cân bán cho người Trung Hoa ở thành phố. Lợi tức thu được hằng năm chẳng bao nhiêu sau khi thanh toán cho mọi khoản chi phí do Vân đảm nhiệm. Sau khi cách mạng thành công thì khỏi phải nhắc tới lợi tức nữa, vì mọi thứ đều đảo lộn. Có hôm, một bà bạn của gia đình vui miệng nảy ra ý kiến bảo đùa rằng sau này mình lập một hợp tác xã trà ở đây, xúm nhau canh tác, sống cuộc đời lao động thể mà hay, khỏi phải thất nghiệp.

Độ nửa giờ sau, có một cán bộ đến. Vâng giới thiệu chú Sáu và những người khác cho anh này, Anh cán bộ ăn mặc quần phục ô liu, đeo khẩu súng lục.

Qua những giây phút xã giao, anh cán bộ hỏi thăm tình hình dân chúng Sài Gòn, tinh thần và tình cảm của họ đối với "cách mạng". Và sau rốt là những lời trấn an và cả ngợi cách mạng cũng như không ngớt những lời tỏ cáo bọn "Mỹ nguy". Anh ta cũng kể chuyện những ngày chiến cuộc cao độ nhất ở đây.

- Chúng tôi dùng nơi đây làm căn cứ tập trung quân và hậu cần để tấn công Di Linh và các vùng phụ cận... Bọn nguy quân pháo dữ quá nhưng cũng may là không có máy thiết hại. Máy bay địch cũng chẳng kiếm, nhưng tụi này nguy trang kỹ địa điểm.....

Này giờ Ngô im lặng ngồi nghe, đôi điện với những người của chế độ mới. Nếu chẳng may họ phát giác ra mình là "nguy" thì thế nào? Ý nghĩ vẫn vương làm Ngô lo ngại muốn ra về sớm.

Một lát sau, Vân leo lên những cây mít phía sau vườn hái hai trái to nở gai rất ngon, để gói về Sài Gòn gọi là quả cây nhà lá vườn.

Xe rời sở trà lúc 15g30.

Ra khỏi sở vài trăm thước trên con đường đất đỏ một người lính ôm súng gác vệ đường vẫy tay chào.

- Cậu Sáu, cậu Sáu!

Xe chạy chậm và dừng lại.

- Lâu quá không thấy cậu về chơi. Con đây nè, thằng Minh nè cậu nhớ không?

- À! Minh... em mạnh giỏi? cậu bận công việc nên ít ra ngoài này. Gia đình mạnh khỏe chứ?

- Dạ, cảm ơn cậu.

- Em làm gì ở đây?

- Tụi con giữ an ninh địa phương... Cậu ở chơi với tụi con chơi, sao về sớm vậy?

Chú lầy lầy sự bình tĩnh vì lúc này bị người lính gác kêu thỉnh lĩnh, không dè Minh trước kia là công nhân của sở..

- Đợi dịp khác! Thôi, qua chúc em và gia đình mạnh giỏi...

Những cái vẫy tay và nét mặt tươi cười rất chân thành của người lính chào tiễn là m mọi người trên xe an dạ.

Tiếp theo đó, một thông cáo kêu gọi trình diện học tập mười ngày những sĩ quan cấp úy trong hai ngày 25 và 26-6-1975. Những địa điểm tập trung là những trường trung học trong thành phố, vì những nơi đó mới có đủ sức chứa một số lớn người đi trình diện. Theo thông cáo, Ngô sẽ trình diện ở trường nữ trung học Trưng Vương, thuộc quận, nhất của thành phố, nằm cạnh vườn Bách Thảo Sài Gòn, trên đường Nguyễn Bình Khiêm.

Bình sĩ và hạ sĩ quan đã học ba ngày, cấp tá trở lên một tháng. Nay được mới hơn một tuần. Cấp úy sẽ đi học mười ngày. Mười ngày cũng nhanh thôi, Ngô tự an ủi. Người ta cũng nhắc nhớ đem theo áo len, thuốc men cần thiết, gạo đủ ăn trong mười hôm và tiền để đóng tiền ăn.

Ngô bắt đầu chuẩn bị những thứ cần thiết để đi học tập mười ngày như thông cáo đã đăng tại thành phố Sài Gòn. Vẫn mặc chúng bình nhúc dẫu kính niên, Ngô không quên đem theo hai ống thuốc Midol. Nó đối với anh là tiên dược khi lên cơn nhức. Ngoài ra m ô t chai muối sá, một chai nước tương và v ã i miếng dẫu hủ muối sá chiên. Đó là những món ăn đơn giản và gọn có thể dùng trong mười ngày. Vài ba bộ quần áo thay đổi, một t ã m dấp, một mùng cá nhân, và những thứ lặt vặt cần thiết khác. Tất cả đều cho vào m ô t chiếc bao vải bông bột. Hành trang chỉ có thế.

Bảy giờ sáng ngày 26-6-1975 Ngô chào gia đình từ gác. Nhìn trái mít to còn sống để dúi nhà xe, anh nói nửa đùa nửa thật với vợ:

- Đợi anh về hãy xẻ mít!

Chú Sáu chở Ngô bằng xe gắn máy đến trường Trưng Vương. Còn quá sớm, chỉ thấy năm b a anh em ở phía ngoài cổng trường. Một chiếc bàn con đặt ngay giữa đường có một anh bộ

đội ngũ. Ngô đi thẳng đến hỏi thăm anh ta phải trình diện ở đâu. Anh bộ đội chỉ vào bên trong nhà trường. Ngô trở lại giá tũ chú Sáu. Hai người buồn hiu. Ngô xách chiếc túi bông bột vẩy tay chào chủ rồi đến đưa cho anh bộ đội tờ giấy chứng nhận của Cao Đăng Chiếm ký hôm nọ, rồi đi thẳng vào bên trong trường. Lúc ấy chỉ mới 7g30.

Quang cảnh các dãy lớp vắng lặng, chỉ có chưa quá mười người. Ngô tìm một chỗ ngồi ở chiếc băng học trò kê gần một bóng cây to. Bấy giờ mình trở nên cô độc. Hình ảnh này khiến Ngô hồi tưởng đi vắng, những dịp đi trình diện nhập ngũ ở trại Quang Trung. Cứ mỗi lần như thế, trong vòng từ nửa tháng đến hai mươi ngày thì lại trở về, vì qua thủ tục y khoa, Ngô không đủ tiêu chuẩn để thi hành quân dịch. Lần trình diện thứ năm vào ngày 1-7-1968, là lúc tình hình chiến sự lên cao đột tiếp theo sau cuộc "Tôn giáo công kích Mậu Thân" của cộng sản vào các thành phố phía nam vì tuyên 17, Ngô được hội đồng y khoa "chiếu cố" đến và tuyên bố "đủ sức khỏe" thi hành quân dịch, mặc dù sức nặng chỉ có ba mươi một ký mấy, chưa đầy 32kg! Khóa 5/69 của anh khoản một ngàn bảy trăm người, có rất nhiều anh em chỉ 30 kg! Cứ mỗi lần vào cánh cổng của Trung Tâm huấn luyện Quang Trung là mỗi lần Ngô tự như mình hãy bỏ lại tất cả cái gì "thuộc về mình" ở bên ngoài cổng trại, vì vào nơi đây là không tùy thuộc quyết định cá nhân nữa. Rồi cứ thế mặc dầu hay đó. Ấy là loại tình cảm của một số đồng thanh niên trước cuộc chiến Việt Nam. Họ sống không có lối thoát, tương lai mù mịt, không có mục đích, không có lý tưởng. Không thích nghỉ với chế độ cộng sản, đồng thời cũng không bằng lòng, hoặc chông đời những chính sách của các chính phủ quốc gia miền Nam (không phải viết cộng). Số người có lý tưởng chống cộng thì không có bao nhiêu.

Tâm hồn cô độc trong đám đông ô hợp này khiến Ngô tự cảm thấy mình bị đe dọa, số phận cá chậu chim lồng là điều chắc chắn, bởi giờ phút này người ta không còn được tự do bước ra phía ngoài cánh cổng nhà trường. Số người đến trình diện lên hơn cả trăm. Trước ngày đi trình diện, trong gia đình ai cũng hồi thúc thân nhân mình đi cho sớm để tự ra có thiện chí và như vậy sẽ có kết quả tốt và thuận lợi cho bản thân. Ngô nghe có lý nên đã đi trình diện, sớm nhất trong ngày đầu.

Năm bảy anh em quây quần bên nhau cùng ngồi ở các chiếc băng nói chuyện. Ai cũng bàn ra tán vào cái nội dung thông cáo đi học tập mười hôm và lấy làm tin tưởng chính sách trước sau như một của chính phủ cách mạng. Không kể những trường hợp lẻ tẻ, cá nhân và địa phương, nói chung chưa có dấu hiệu nào cho thấy đã xảy ra "đâm máu" sự u khí công sản chiến thắng miền Nam. Đó là điều người ta có thể nhận định và tin tưởng lời hứa là không có sự trả thù đối với những người thuộc chế độ cũ.

Một nội quy được viết bằng phấn trắng trên một bảng đen to và dài treo ở bên trong, dưới vòm cổng chánh lối vào sân trường. Những điều trong nội quy ghi rằng phải gìn giữ trật tự và kỷ luật, vệ sinh phòng ốc, gìn giữ bàn ghế của em cháu chúng ta để có sử dụng trong kỷ niệm trường tới, tiết kiệm điện nước và vệ sinh công cộng, tôn trọng giờ giấc và triết để thi hành mọi nội quy quy định.

Cách mạng lo cho anh em chỗ ăn ở và học tập trong mười hôm đây đủ tiện nghi như thế này thật là chu đáo lắm, Ngô tự nghĩ. Càng về trưa, số người đông lên cả ngàn! Nhưng chỉ mới có buổi sáng nay. Còn buổi chiều và cả ngày hôm sau nữa. Người tachia nhau cứ ba mươi người một phòng học các dãy lớp dưới đất và những dãy lầu. Buổi trưa hai chiếc xe của nhà hàng Đông Phát chở đến cơm và thức ăn.

Người ta đã tổ chức thành từng tổ mười người. Những phần cơm và thức ăn được chia thành những mâm nhỏ và thau nhôm đựng cơm trắng ngon lành. Rau muống xào thịt, món cá mặn, xì dầu. Có chuối già tráng miệng và nước trà nóng. Bữa ăn tuy không thịnh soạn nhưng có thể ăn được trong hoàn cảnh như thế này.

Ngô và những người bạn mới cùng đồng đội ăn ở những bàn học trong một phòng trên lầu một. Tuy thế, Ngô cũng thích ngồi một mình phía sau dãy bàn. Bữa ăn thanh đạm: Những khoảng cơm vắt trắng, muối ớt, nước tương. Thế là xong bữa trưa. Mạnh ai nấy tìm một chỗ ngả lưng. Nhưng hầu hết có ai nghỉ được trong cảnh ồn ào ở đây, một thứ âm thanh tạp nhạp liên tục làm không thể nhắm mắt được.

(còn tiếp)

Trang giáo lý

GDPT

Bậc Trung Thiện

BỒN ÂN

I. LỜI NÓI ĐẦU:

Làm người ở đời, được sống, được thành đạt chút gì toàn nhờ công ơn của mọi người của xã hội, của chúng sanh. Nhất là người Phật Tử lại có thêm công ơn của Phật Pháp Tăng đã đem lại huệ mạng cho mình. Nên những ai muốn thành tựu nhân cách, mưu cầu nhận rõ ý niệm của đời sống tương quan, không thể không biết đến bốn ân và những phương cách đền đáp.

II. HẠNH TUỞNG BỐN ÂN

Bốn ân là ân cha mẹ, ân Thầy bạn, ân quốc gia xã hội, ân Tam Bảo.

A. - Ân Cha Mẹ

1) ân sinh sản: chín tháng cưu mang, bà mẹ bỏ ăn mất ngủ, thân thể không an. Đến khi sanh sản đau đớn vô cùng khác gì đứt từng khúc ruột. Còn cha phải chạy ngược chạy xuôi, lo sắm vật dụng để chu toàn cho mẹ con, và hồi hộp trông mong cho mẹ con được vuông tròn.

2) ân nuôi nấng: Khi mới sanh, phải nhờ cha mẹ đỡ sữa mẹ, cơm, bông ấm dấp dùi, cha mẹ phải luôn luôn săn sóc, không thể rời xa được một ngày.

3) ân thuốc thang: Mỗi khi đau ốm thời cha mẹ quên ăn bỏ ngủ, quanh quẩn bên giường bệnh và lo săn sóc cơm cháo thuốc thang.

4) ân dạy bảo: Đến khi khôn lớn, cha mẹ phải chăm lo dạy bảo, trau dồi đức hạnh để con đủ tư cách làm người, và để tự nuôi sống ở đời.

B. - Ân Thầy Bạn

1) Mở rộng kiến thức: Vì muốn nâng cao trình độ hiểu biết cho ta, nên Thầy phải giảng dạy bảo, không kể hao tổn tinh thần.

2) Khuyến khích: Thầy bạn luôn ở bên mình



để khuyến khích dắt dẫn, trong những lúc bị thất vọng chán nản, trong những trường hợp khó khăn, trong những lúc bị tai nạn bất ngờ.

3) Khai sáng trí thức: Bây giờ biết đọc biết viết, biết nhận xét sự lý, toàn nhờ công ơn của Thầy bạn đã luôn luôn dạy bảo dắt dìu.

C. Ân Quốc Gia Xã Hội

1) Trì an: Nhờ những vị chưởng quản việc nước, lo sửa sang nước nhà, mở mang các công nghệ, dẹp trừ những kẻ tham lam bóc lột, đem lại thái bình thịnh trị cho dân chúng.

2) Giữ gìn biên giới: Nhờ ơn chính phủ lo bảo toàn biên giới không cho giặc cướp xâm lăng, nên dân chúng mới được an toàn.

3) Cơm áo: Ta có cơm ăn áo mặc, toàn nhờ công ơn của người nông phu, của kẻ chức nữ làm lụng.

4) Thuốc thang: Các lương y hảo được giúp chúng ta thoát khỏi đau ốm được sống lành mạnh vui vẻ.

5) Súc sanh: Trâu kéo cây, ngựa kéo xe đều là công ơn thay thế sự mệt nhọc cho chúng ta.

D. - Ân Tam Bảo

1) Ân Phật Bảo: a) xa quốc thành thế tử: Vì muốn cứu độ chúng sanh, nên Đức Phật bỏ tất cả quốc thành, báu vật, thế tử, quyền thuộc để xuất gia tìm đạo.

b) Sáu năm khổ hạnh: Vì muốn chứng chơn lý để giải thoát chúng sanh, nên Ngài đã quên đói rét, tu khổ hạnh 6 năm trời. Rồi Ngài lại ngồi tham thiền 49 ngày dưới gốc cây Tát Bất La để thành đạo cứu độ chúng sanh.

c) Thuyết pháp giáo hóa: Trong 49 năm Ngài không quản những nỗi gian lao khổ nhọc đi khắp đó đây, để thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo căn cơ mà dạy dỗ, dắt dẫn chúng sanh, để chánh pháp được lưu truyền muôn thuở.

2) An Pháp Bảo: a) Mở đường giải thoát: Nhờ Pháp Bảo, chúng ta mới biết đúng lối tu hành, thoát ly sanh tử, chứng cảnh giới thanh tịnh an vui.

b) Giãn trạch tà chánh: Nhờ Pháp Bảo, chúng ta nhận rõ được sự lý trong vũ trụ, phân biệt được các pháp tà chánh.

c) Diệt ác hưng thiện: Pháp bảo có công năng dẹp trừ những ác pháp, bồi đắp, phát khởi các thiện pháp.

3) An Tăng Bảo: a) Duy trì chánh pháp: Các vị xuất gia tu hành, phiên dịch, diễn giảng ba tạng giáo điển, khiến Phật Pháp thường còn không mất.

b) Thay Phật thuyết pháp: Sau khi Đức Phật nhập diệt, các vị Tăng già chịu lời phướn chúc của Đức Phật, đem đạo mẫu giáo hóa khắp nơi.

c) Truyền trao giới pháp: Các vị tại gia cư sĩ muốn phát tâm cầu đạo giải thoát, đều nhờ các vị Tăng già truyền trao giới pháp nêu gương tu hành.

III. PHƯƠNG TIỆN ĐỀN TRẢ BỐN ÂN

A.- Cách báo ân Cha Mẹ:

1) Hiếu hạnh: Cung kính, vâng lời, hết lòng phụng sự cha mẹ.

2) Tôn trọng danh dự: Không làm phỉ nhổ lòng cha mẹ bằng cách làm mất danh dự của gia tộc, mất tư cách con người.

3) Hiến danh Cha Mẹ: Tự mình tài đức hơn người thì cha mẹ được thơm lây, lưu tiếng nghìn thu.

4) Khuyến hóa: Khuyến khích cha mẹ cải tà quy chánh, quy y Tam Bảo, thật hành Phật - Pháp. Như gương của Ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ ra khỏi cõi ngạ quỷ, như Đức Phật Thích Ca sau khi thành Phật lên cõi trời Đao Lợi giáo hóa cho mẫu hậu và về thành Ca Tỳ La Vệ giáo hóa cho phụ vương.

B. CÁCH BÁO AN THẦY BẠN

1) Siêng năng học tập: Để khỏi phụ lòng dạy dỗ dắt dẫn của Thầy bạn.

2) Cung kính lễ độ: Hết lòng cung kính Thầy, thương mến chân thành với bạn.

3) Thiệt hạnh: Sống đúng theo lời Thầy bạn dạy bảo khuyến nhủ.

4) Khuyến hóa: Khuyến hóa Thầy bạn sống đúng theo lời Phật dạy.

C. CÁCH BÁO AN QUỐC GIA XÃ HỘI:

1) Tròn bốn phận: Sống đúng theo quốc chế, biết đoàn kết, biết làm tròn hết bốn phận của mình.

2) Phát triển văn hóa: Làm cho nền văn hóa nước nhà được đổi dào, nâng cao trình độ của dân chúng, phát huy đạo đức đấng dân chúng đến con đường thiện mỹ.

3) Kinh doanh sự nghiệp: Kinh doanh buôn bán đề nâng cao đời sống xã hội.

4) Sống giản dị: Không quá tham cầu về vật chất, sống đời sống giản dị vừa phải trong sự ăn mặc.

5) Tương thân tương ái: Thương yêu cứu giúp tất cả người và vật.

D.- CÁCH BÁO AN PHẬT PHÁP TĂNG

1) Học và hành lời Phật dạy: Nghiên cứu học tập kinh điển Phật dạy, tập sống đúng theo như lời Đức Phật dạy.

2) Hộ trì Phật Pháp: Tổ chức các cơ quan Phật Giáo, thành tâm ủng hộ Phật Pháp và làm các Phật sự.

3) Cung kính cúng dường: Trọn đời quy ngưỡng Phật Pháp Tăng, cung kính cúng dường các vị tu hành giới đức thanh tịnh.

IV KẾT LUẬN

Không luận người sang kẻ hèn, đã sống đời tức phải biết bốn ân và tìm tất cả phương tiện để đền trả. Riêng đối với người Phật Tử, được nhận rõ công ơn cứu chúng sanh, của Phật Pháp Tăng nên cần phải luôn luôn cố gắng để đền đáp bốn ân. Và muốn vậy, người Phật Tử phải nhận rõ rằng, chỉ có sống đúng theo lời Phật dạy, và khuyến hóa mọi người, mọi loài đều sống theo lời Phật dạy, là cách đền ơn trả nghĩa quý báu, thiết thực nhất, và đúng với bản nguyện của chư Phật và các vị Bồ Tát.

(còn tiếp)

NHẮN TIN

Tìm ông LƯU ĐÔNG ở Tây Đức. Tối Mã Lại năm 78 Trước đây ở đường Phan Đình Phùng Sài Gòn tốt nghiệp Đại Học Phú Thọ năm 1978 (khóa luyện kim) có người anh cũng du học tại Tây Đức (kỹ sư luyện kim). Xin liên lạc về địa chỉ dưới đây để biết nhiều tin tức quan trọng: Huỳnh Văn Thi 2/31 Hargrave Rd. West End Queensland 4101 - Australia.

ĐI LỄ CHÙA

Thật là nhộn nhịp làm sao, mùa Phật Đản năm nay. Từ khắp nơi Phật Tử đổ về trung tâm hành lễ, xe cộ rộn rịp, chùa chật ních người là người, ai cũng hơn hớn vui tươi. Chiều thứ sáu, ngày đầu buổi lễ, khách hành hương bốn phương lần lượt về chùa. Sau khi đã vào danh lễ nơi chánh điện, rồi thì tay bắt mắt mừng, hàn huyên tâm sự, trước lạ sau quen, rộn rã tiếng nói cười...

Ngôi chùa như bừng dậy, vẻ trang nghiêm cổ hủ như cũng vui lây với dân con cháu tụ về để mừng ngày Đản Sinh của người Cha lành, người Thầy của nhân loại. Khắp miền đất nước, dù ở tận miền Nam, ở tận Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Hoà Lan, Đan Mạch... Các Phật Tử đã không quản ngại xa xôi, không bận lòng công việc đã lui lượt trở về... Cảm động nhất là có một Tân nữ, dù tuổi tác đã cao, mà cũng lặn lội từ vùng lạnh giá Canada về, dù mệt mỏi đôi ngày ngắn ngủi, nhưng tất cả đều nôn nao... trở về nguồn cội của Tổ Tiên, của quê hương và của chính mình.

Cơm chùa! ôi nổi dật dật! nó "đã" làm sao ấy, khoái khẩu hơn bao giờ hết, nhất là sau cuộc hành trình diễu vợi... bây giờ bên bát cơm dẻo ngọt bõc khoái, với những món ăn đậm đà hương vị quê hương được gói ghém trong tình thương yêu đùm bọc... Có một Bà đang ăn cơm mà giọt lệ rưng rưng. "Ủa! sao Bác chảy nước mắt vậy?" "bô Bác bị cay hả?" - "Không cậu à, sao tui nhớ nhà quá hả!". Ôi! chỉ một câu nói ngắn ngủi mà hàm chứa biết bao ý nghĩa thương quê - không thể diễn tả nổi.

Dù không thịt không cá, chỉ toàn bằng thực vật làm nên, nhưng không ai là không tâm tấc khen ngon, đó là công lao của các vị trong Ban Trai Soạn đã bao ngày đêm thức trắng vất vả chuẩn bị. Đó là tất cả tâm lòng của Phật Tử đã cùng đứng, gom góp mà nên, và bao nhiêu sự cực nhọc của các anh chị em Phật Tử trẻ, đã vui vẻ chấp nhận góp phần cho ngày đoàn tụ trong đại này.

Thấy mà thương anh D., chị Tr. và tất cả những anh chị em trong Ban Tổ Chức; hết hội họp rồi phân công, rồi nào tiếp tân, nào tập dợt, nào phân phát v.v... thật xóc vác. Ôi thôi! hàng ngàn công việc bận rộn. Ai cũng mệt hả hợm mà lại thấy toàn là những nụ cười mãn nguyện khó mà thấy được một "làn xếp" trên khuôn mặt của họ.

Nói đến tiếp tân và lo miếng ăn chỗ ngủ cho hơn ngàn người, mà với phương tiện hạn hẹp như thế, thì phải biết là vất vả đến dường nào. Đó là chưa nói đến chuyện đi chuyển số lớn người đó từ nơi nghỉ ngơi đến chùa hoặc trở về... cũng may, chúng ta có những đoàn thể và cá nhân của những người bạn Đức đã tận tình giúp đỡ mọi mặt - ta có thể ví họ như những vị Hộ Pháp đã trông muôn vàng công đức nơi Phật Đạo.

Chúng ta vui mừng được đoàn tụ nơi đây, mừng cho Đạo Pháp đang lan rộng khắp năm châu, nhưng chúng ta cũng lại đau buồn; khi được Thượng Toạ Thích Minh Tâm trong buổi thuyết

pháp cho hay nói quê nhà các vị lãnh đạo Tôn Giáo nói chung và Đạo Phật nói riêng đã bị loài quỉ vương quấy phá tàn hại. Là con Phật, chúng ta nương vào tha lực của chư Phật mà thiết thực hành động, trên tinh thần Bí-Trí-Dũng, để cùng với toàn thể Phật Tử khắp bốn phương bảo vệ chánh pháp. Đó là cách để chúng ta trông cậy lành với ba đời mười phương chư Phật vậy.

Đêm văn nghệ Đại Lễ Phật Đản 2526 năm được tổ chức tại Hannover hết sức công phu và đã thành công ngoài dự liệu. Sự thành công nói đây, không phải ở nghệ thuật diễn xuất cứng cỏi, mà là ở tinh tự nhiên của từng diễn viên. Thành công không phải ở những tràng pháo tay dài dạt... mà là ở tinh thần đoàn kết và kỷ luật - người diễn cũng như người xem, đã hoà hợp hết cả tâm tình hướng về quê hương yêu dấu, nơi mà tất cả sự tận cùng của khổ đau đang bị lũ xác ngubi da quỉ áp đặt lên muôn dân những khôn khổ tột cùng.

Buổi sáng ngày chủ nhật nơi chánh điện chùa Viên Giác trầm hương khói tỏa mịt mờ như hoa đăng của một ngày hội lớn. Không ai bảo ai, mọi người Phật Tử đều yên lặng cử hành Đại Lễ Đản Sanh của Đức Từ Phụ Thích Ca. Tiếng tụng kinh trầm hùng hoà lẫn với tiếng mõ tiếng chuông thanh cao diu dặt, như đưa hồn người nơi cõi tục thoát ly dương thế trong những phút thiêng liêng cao cả này! Nếu ai đó đã có nhân duyên được vào chánh điện để được cùng nghinh chú tôn Hoà Thượng, chư Thượng Toạ, Đại Đức, Tăng Ni trong cung cách hiền từ đả niệm hương và chứng minh buổi lễ, để được thấy lòng mình âm lại sau bao nhiêu năm tháng đã xa bạn xa Thầy, xa ngôi chùa xưa, xa ngôi làng cũ... Chỉ chừng đó cũng đủ để cho chúng ta liên tưởng lại và những hình ảnh trên đây sẽ không bao giờ phai nhạt trong trí óc của những người con Phật dù cho lớn, bé, trẻ, già.

Buổi chiều ngày chủ nhật cũng là ngày bế mạc buổi lễ mừng Phật Đản, từng tốp người bị n rịn chia tay, dùng dằng mãi mà vẫn chưa ai chịu về, tất cả đều lưu luyến không khi âm cúng này và tất cả đều muốn nói lên tâm lòng nhớ thương quê hương tha thiết, mà họ đã bị bắt buộc rời xa để lưu lạc nơi đất lạ quê người.

Cầu xin chư Phật độ trì cho chúng đệ tử luôn luôn vững tâm Bồ Đề, tinh tấn xây đắp và tu tập theo con đường Chánh Đạo, và sớm được trở về nơi quê cha đất tổ để được đoàn viên với tình tự Dân Tộc trong mùa hội lớn như ngày Đại Lễ Phật Đản của năm nay.

— HOÀNG TÍN —



THƯ CHO T.

Tây Đức ngày....

Lần trước anh hứa sẽ lần lượt kể cho T. nghe những công việc Phật sự tại Đức, vậy hôm nay trong thư này anh thuật lại cho T. nghe về ngày Đại Lễ kính mừng Đức Phật Đản Sinh lần thứ 2526 năm đã được tổ chức rất vô cùng trọng thể kỷ rồi nhé.

Hoàn cảnh ở xứ người, dầu mình có cố gắng tổ chức những ngày lễ Dân Tộc và Tôn Giáo cách nào đi chăng nữa cũng khó mà tìm lại được không khí ấm cúng trong tình tự của Dân Tộc và hồn thiêng sông núi như những ngày còn ở tại quê nhà. Nhưng lâu sao đi nữa ngày Đại Lễ Phật Đản đã mang đến cho anh một ý nghĩa trọn vẹn như mình mong ước, và một năm trôi qua đối với anh cũng được đánh dấu bởi ngày này đó T. à.

Vì gặp phải một vài trở ngại kỹ thuật ngoài ý muốn, nên Đại Lễ Phật Đản năm nay được tổ chức trong những ngày 30.4-1 và 2.5.1982 đó T. Theo thông lệ, chùa cử hành ngày Đại Lễ Phật Đản vài tuần sau ngày 30.4. để người Việt tại đây có điều kiện tổ chức tưởng niệm ngày Quốc Tang - ngày tang thương của dân tộc. Vì năm nay chùa Viên Giác cử hành lễ cũng trùng vào ngày ấy nên một buổi lễ tưởng niệm cũng đã được tổ chức cho những Phật Tử về tham dự lễ Phật Đản tại Hannover. Buổi lễ hôm đó có hơn 200 người tham dự, phần lớn lãnh bà con Phật Tử về chùa sớm để phụ giúp trong công việc tổ chức. Bàn thờ Tổ Quốc và cờ tam cương hương nghi ngút, trang nghiêm, hùng hồn dưới hai hàng cờ Quốc Gia và Phật Giáo. Ngoài sự hiện diện của chư tôn Thượng Tọa, chư Đại Đức Tăng Ni và đông đảo Phật Tử còn có Đại diện của những Hội Đoàn và những tổ chức tại đây nữa.

Thượng Tọa Thích Minh Tâm, trụ trì chùa Khánh Anh, Paris đã trình bày cho mọi người nghe về tình hình đất nước, đặc biệt là tình trạng khàn trướng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại quốc nội và số phận của chư tôn Giáo phẩm lãnh đạo cùng đông đảo Phật Tử đang bị cộng sản đàn áp dã man và giam cầm trái phép tại quê nhà hiện nay. Về việc này có lẽ T. cũng đã theo dõi tin tức ở những số báo trước rồi. Anh rất mong biết được cuộc vận động dư luận quốc tế cũng như địa phương của em về việc đòi trả tự do vô điều kiện cho chư tôn giáo phẩm và Phật Tử đang bị cộng sản Việt Nam giam cầm đó.

Sau phần thuyết trình và những đóng góp ý kiến về vấn đề trên, Thượng Tọa đã thuyết giảng về ý nghĩa ngày Đức Phật Đản Sinh. Nhờ đó mọi người con Phật hiểu một cách sâu sắc về cuộc đời của Ngài, để từ đó có thể đem áp dụng vào đời sống của chính mình. T. à, ý nghĩa của ngày 30 tháng 4 và ngày Đức Phật Đản Sinh thật hết sức sâu sắc và hàm chứa nhiều ý nghĩa tinh thần quan trọng đối với chính anh nói riêng và mọi người Việt Nam nói chung vậy. T. biết vì sao không? Vì chúng ta làm lễ kỷ niệm ngày Đản Sinh của Đức Phật là để nhắc nhở chúng ta tự kiểm điểm lại thân tâm mình mà tu hành, hầu mang lại lợi ích cho chính mình và cho người khác nữa. Còn tưởng niệm ngày 30 tháng 4 là để nhắc nhở cho người Việt chúng ta rằng đừng quên mình là con cháu Lạc Hồng, mình vẫn còn có Tổ Quốc và quê hương, còn đồng bào ruột thịt - nơi đó họ đang chết dần mòn bởi sự cai trị bạo tàn của người cộng sản. Theo anh, tưởng niệm ngày 30 tháng 4 là để mọi người con nước Việt tha hương hãy tự kiểm điểm lại xem mình đã làm được những gì và đã đóng góp phần mình như thế nào cho công cuộc cứu nguy dân tộc và đạo pháp trong cơn nguy biến này. Tưởng niệm là dịp để tự kiểm, tự kiểm điểm chính mình để từ đó rèn luyện tâm trí, chuẩn bị hành trang cho cuộc đời và mong muốn tiến xa hơn nữa. Chắc T. cũng cùng quan điểm với anh về điểm này chứ? Ngày nào chúng ta còn làm lễ tưởng niệm ngày 30 tháng 4 là ngày đó đất nước mình vẫn còn trong gông xiềng của loài quỷ đỏ, Đạo Pháp vẫn còn hiểm nguy, bà con thân nhân bè bạn vẫn

còn bị lâm than có cực, mọi gia đình người Việt vẫn còn ly tán, cách phân... Ở Tây Đức, không riêng gì chùa, các tổ chức, các hội đoàn cũng đã làm lễ tưởng niệm ngày quốc tang qua cuộc biểu tình tập thể tại Bonn có trên hàng ngàn người tham dự - thành quả rất phân khối. Sau đó những đồng bào tham dự cuộc biểu tình về chùa để dự lễ Phật Đản.

Năm nay Đại Lễ Phật Đản có nhiều Phật Tử từ khắp Trung, Nam, Bắc Đức cũng như tại Hoà Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Pháp, Đan Mạch, Áo và xa hơn nữa là Canada đã về tham dự. Không khí thật nhộn nhịp trong những ngày lễ này. Sáng thứ bảy - ngày 1.5. không khí sinh hoạt thật nhộn nhịp rồi đó! Nào là tiếp tân, liên lạc, di chuyển, trại soạn v.v... Địa điểm tổ chức được chia ra làm 3 nơi. Ngoài chùa Viên Giác là nơi cử hành Đại Lễ, cũng còn làm chỗ nghỉ ngơi cho hơn 200 người tham dự, mình còn phải mượn thêm một trung tâm thiếu niên của Tin Lành để làm chỗ tiếp đón, nơi ăn, chốn ngủ và nơi nấu nướng của Ban Trại Soạn nữa. Và để trình diễn văn nghệ mình phải mượn một nhà hát ngay trung tâm thành phố tại Hannover, có hơn 1.500 chỗ ngồi. T. thấy đó, trên cả ngàn người tham dự, nhưng lại ở ba địa điểm khác nhau, vì thế vẫn đề tổ chức kỹ thuật thật hết sức phức tạp, nên mình không làm sao tránh được những khuyết điểm. Nhưng với tinh thần hy xả sẵn có của mọi người con Phật, ai nấy cũng đều bỏ qua, vui vẻ giúp đỡ lẫn nhau để buổi lễ được thành tựu viên mãn. Các anh chị em làm việc vẫn thường quan niệm rằng "Việc làm đừng mong để thành, vì việc để thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo". Đó cũng là một trong mười điều tâm niệm của Luân Bảo Vương Tam Muội chắt T. còn nhớ chứ?

Một phần chính trong chương trình là đêm văn nghệ. Trong rạp hát, chật ních cả người. Có sự tham dự của người Đức cũng như người ngoại quốc nữa. Các tiết mục Văn Nghệ năm nay đã được mọi người khen "hay" hơn năm trước. Cũng như mọi năm, hình thức và nội dung của đêm văn nghệ mừng Phật Đản đều do Ban Văn Nghệ Hội Phật Tử Tây Đức đảm trách, ngoài ra có sự cộng tác của Gia Đình Phật Tử Quảng Đức thuộc chùa Khánh Anh tại Pháp cũng như những nghệ sĩ Việt Nam tên tuổi tại Đức và tại Pháp cộng tác thực hiện. Năm nay, những màn ca vũ của ban văn nghệ Phật Tử Tây Đức đều có sự đóng góp của các đoàn Danh Vũ trình diễn, qua những hướng dẫn của những anh, chị trưởng thuộc gia đình Phật Tử. Các em đã diễn tả, vũ hát thật hồn nhiên, tươi sáng, nhất là trong hoạt cảnh Đức Phật Đản Sinh. T. xem đó, tập những động tác của một điệu vũ cho ăn nhịp không dễ, mà ở đây tập cho những em nhỏ thật khó vô cùng. Bởi thế anh mới phục khả năng hướng dẫn của những anh, chị trưởng khác. Muốn tập cho các em, đòi hỏi ở người hướng dẫn không những ở khả năng, kinh nghiệm, mà còn phải có nhiều tình thương đối với các em nữa! Nhìn sự triu mến của chị trưởng hướng dẫn các em, và các em Danh Vũ đối với chị, giây phút đó anh thấy lòng mình cũng chan hòa tận hưởng. Chỉ có tình thương mới đem lại hạnh phúc cho con người, và chỉ có tình thương mới giúp cho con người vượt qua mọi trở ngại trong cuộc sống, phải thế không T.?

Những bản nhạc đượm tình quê hương đất nước đã nói lên nỗi lòng của người Việt tha hương và ý chí khôi phục tổ quốc đem lại thanh bình, tự do cho dân tộc đã được những nam nữ Ca Sĩ tên tuổi như Kim Loan, Chí Tâm, Quốc Anh, Cao Thái trình bày, và đã được tôn thưởng nhiệt liệt. Sau cùng là vở kịch Xã Hội có tính cách Phật Giáo do quý Bác và những anh, chị em Gia Đình Phật Tử Quảng Đức thực hiện. Bé Văn trong vở kịch để thương làm sao! Bé ở chùa với ông từ nhất là đã và tập múa đũa... Bé đã đưa mọi người về với tuổi thiếu niên thơ ấu Việt Nam. Tuổi trẻ là mầm non của dân tộc, nhưng nhìn lại tuổi thơ Việt Nam hiện nay, ai nấy cũng đều ngậm ngùi cho số phận của đất nước, vì tuổi trẻ Việt Nam đang chịu phải sự quản quai, đau thương trong ngục tù cộng sản, phải vâng lệnh quân thầy Nga Sô và hy sinh xương máu cho tham vọng của đế quốc, không một ánh sáng tương lai...!

Đêm văn nghệ chấm dứt, mọi người ra về mang theo trong tâm khảm tràn đầy đạo tình và niềm hy vọng vào mùa Đản Sinh tới - Mùa Đản Sinh của Ngài để đánh dấu ý nghĩa trong đại ấy - vì sự mê muội của chúng sanh mà thị hiện và để dạy bảo cho muôn loài con đường giải thoát sanh tử luân hồi, đưa đến một cuộc sống an vui hạnh phúc vĩnh cửu hơn.

Ngày hôm sau tại chùa Viên Giác chật ních cả người lẫn người, từ chánh điện ra đến sân ngoài. Nếu tính kỹ có cả hơn ngàn người dự lễ, không những người Việt mà còn có sự hiện diện của những người Phật Tử Đức và những người ngoại quốc khác nữa.

Trước giờ hành lễ bà con Phật Tử đã tề tựu trong chánh điện, nghiêm chỉnh đứng thành hai hàng để cúng thỉnh chư tôn Thượng Tọa, chủ Đại Đức Tăng Ni quang lâm buổi điện lễ cử hành lễ. Đặc biệt năm nay, ngoài những Tăng Ni Việt Nam còn có những vị Tăng Ni người Đức, Tây Tạng và Tích Lan nữa. Vì thế sau những lời đạo tử của Thượng Tọa Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điện, nghi lễ được cử hành theo 3 thứ tiếng, Việt Nam, Pali và Tây Tạng.

T. à, cứ mỗi lần anh đọc hay nghe một bài kệ tán Phật thì trong tâm hồn bỗng dưng tràn đầy cảm xúc. Có lẽ vì nghĩ đến thân phận mình còn mang nhiều nghiệp chướng, còn bị nổi trôi trong giòng đời u minh, mê muội, vô phương cứu thoát, nên khi đọc đến chú Đại Bi, Bát Nhã Tâm Kinh và bốn lời thệ nguyện rộng lớn của Ngài Phổ Hiền thì lòng anh lại t h ã y phân khởi và vững niềm tin chí lạc.

Lễ cúng dường trai tăng được diễn ra sau Đại Lễ Phật Đản. Lễ Trai Tăng cũng còn gọi là lễ dâng thức vật dụng cho chư Tăng, như thuốc men, nhà cửa, y phục và thức ăn. Đồ gọi là lễ trai Tăng vậy. Sau lễ này mọi người đều thọ trai, lễ Phật, cầu nguyện, xin xăm v.v... Có người phải ra về vì đường xá xa xôi, có kẻ ở lại để dự lễ truyền Tam quy ngũ giới, cũng còn gọi là lễ quy y.

Sống ở xã hội văn minh con người nọ vật chất, đời tinh thần, rong ruổi trong thật tình, lục đục, nên thương hay quên bằng cả chính mình, phải thế không T.?, nên về chùa là để lễ Phật, đọc kinh, nghe thuyết pháp, đó là để mình có thể trở về với tâm linh của mình và an trú nơi đó vậy. Tín, Nguyện, Hành là ba môn không thể thiếu của người tin theo Phật đó T. Chúng ta tin Phật thì việc thể hiện đầu tiên là việc quy y Tam Bảo và thọ trì năm giới cấm. Trở về với Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn, trở về với Pháp là những chân lý không bao giờ thay đổi, trở về với Tăng là những bậc minh sư khả kính rồi sau đó ta mới t h o giới và nguyện giữ gìn theo giới luật. Năm giới cấm thấy tuy ít ỏi, nhưng từ người Phật Tử xuất gia cho đến tại gia, năm giới này vẫn là giới căn bản vậy. Trong "Trang Giáo Lý Gia Đình Phật Tử" kỳ 7 có đăng đầy đủ, T. nhớ đọc lại cho kỹ nghe. Tuy thấy năm giới l à ít, nhưng nếu giữ cho rốt ráo cũng không phải là dễ đâu nghe! T. biết không có n h ững người tu Phật rất giỏi về lý thuyết nhưng cũng chưa dám phát tâm quy y Tam Bảo nữa đó, vì họ sợ phạm thì phải tội. Nhưng phải cố gắng, chứ không thể nào đời đời thì không b a o giờ được đủ cả. Nói thì dễ mà thực hành cho được những việc ấy không phải dễ đâu.

Đức Phật vẫn thường hay dạy rằng "Tu mà không học, thì tu mù. Học mà không tu là đày sách" Nếu người chỉ biết lý thuyết mà không bao giờ thực hành lời Phật dạy, đại để là n h ững giới cấm, những điều răn dạy thì chả khác nào cái dây chỉ biết chừa đưng những điều mình học hỏi mà không thực nghiệm chút nào. Còn những người chỉ biết thực hành những lời Phật dạy, nhưng không học tập đúng theo chánh pháp thì chẳng khác nào người mù sờ voi. Do đó lý thuyết và thực hành đôi với Đạo Phật phải song song vậy. Có thực hành mới thể nghiệm được chân lý của Đạo Phật. Hiểu và tin Đạo như ngọn đèn trước gió vậy, người tin Đạo còn phải biết Nguyện và Hành nữa. Nguyện là chụp đèn che gió. Hành là làm cho ngọn đèn ngày càng sáng tỏ và làm sao cho ngọn đèn đứng bị gió u minh thổi tắt đi. Có như thế thì những người căn trí thấp kém như chúng ta, không học cao hiểu rộng cũng mang được lợi ích cho mình và cho mọi người rồi. Có giữ được năm giới rồi, mới đến tám giới, mười giới... rồi một ngày nào đó tất sẽ gặt được trái lành sau khi ta đã trồng nhân thiện phải không T?

Anh đã kê sơ lược cho T. nghe về ngày Đại Lễ Phật Đản tại Tây Đức rồi đó và mong rằng T. sẽ nhận chân được nơi ấy một chút tình thương của Đạo đối với Đời. Nhất là cuộc đời ô trược đầy tham sanh, úy tư này. Kê là kê vậy thôi, chứ chính mình hoà mình vào trong ấy thì mới cảm nhận được sự hay sự dở, sự vui sự buồn, chứ còn nghe kê lại, thì họa chăng chỉ cảm nhận được một phần nào thôi. Tuy nhiên anh hy vọng với niềm tin của T. vẫn còn đó để ngày về Việt Nam không còn bị mai một, bởi thời gian và không gian vô tận ấy, nên T. hiểu những gì anh đã kê và đã trình bày ở trên vậy, mong em nhận được một phần đ ể được vui lây với niềm vui của nhân thế.

Hẹn T. kỳ tới sẽ kê những chuyện vui hơn và chúc T. được vạn sự lành. - Tây Phương -

Tin tức

Hai tôn tượng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Đức Đại Thế Chí Bồ Tát, cao một mét ba, như kim được Thượng Tọa Thích Đức Niệm thỉnh đùm cho chùa Viên Giác gửi từ Đài Loan tháng trước và đã về an trí tại chánh điện chùa Viên Giác.

Đúng ra 2 Tôn Tượng này đã được an vị hôm Đại Lễ Phật Đản vừa qua, nhưng bị về trễ hết 4 ngày, mặc dầu đã được gửi bằng máy bay về Đức khá tốn kém.

Phí tôn tống cả về việc chuyên chở và tiền thỉnh tượng là 2.500US đô la tương đương với 5.500 DM. Vậy Quý vị Phật Tử nào muốn trợ duyên lành, hùn phước cúng dường về việc phí tôn trên xin liên lạc về chùa để chúng tôi ghi vào sổ công đức.

Một lễ an vị Phật cho 2 Tôn tượng trên sẽ cử hành vào Đại Lễ Vu Lan vào ngày 20, 21, 22 tháng 8 năm 1982 sắp đến.

Gần đây có một số quý Phật Tử gửi thư về chùa để hỏi về việc tờ "Nhân Lệnh". Tiếc đây chúng tôi xin trả lời cho chư Phật Tử rõ: Chư Phật thường khuyên làm lành lánh dữ, bỏ con đường mê mờ trở về với con đường giác ngộ, cái tà quy chánh, in kinh ấn tống, đúc tượng tô chuông v.v... là những công đức đáng được tán dương và đứng theo chánh pháp, và cũng chưa có lời dạy nào của Đức Phật bảo rằng, nếu ai không làm những việc trên thì sẽ bị Đức Phật hành phạt. Vì Phật không phải là một vị Thần linh có quyền ban ơn giáng họa. Phật chỉ vì tình thương đi cứu vớt chúng sanh mà thôi. Thế nhưng gần đây có tờ "nhân lệnh" được xuất hiện, và gây hoang mang trong quần chúng Phật Tử không ít, đại khái nội dung có viết rằng: "nếu ai nhận được tờ nhân lệnh này mà không tự ý chép tay ra làm 27 bản gửi đi khắp nơi thì sẽ bị hậu họa khủng khiếp, còn ai vâng lệnh thì sau bảy ngày sẽ có được điềm lành v.v..." Vậy là Phật Tử chúng ta, không nên tin theo những tà pháp ấy mà chỉ luôn luôn noi theo chánh pháp của chư Phật đã dạy mà thôi.

Năm nay Đại Lễ Phật Đản đã được cử hành trong thế khắp nơi để cùng đón ngày Giáng trần của Đức Thích Ca Mâu Ni, nhằm để ghi dấu ngày lịch sử ấy, và sau đây là

những thành quả đã thu đạt được trong thời gian qua.

- Đại Lễ Phật Đản tại Tây Đức được tổ chức tại Hannover trong những ngày 30.4-2.5.82, vừa qua với sự tham dự của các Phật Tử từ Pháp, Thụy Sĩ, Hoà Lan, Áo, Đan Mạch, Canada... lên đến hơn 1.200 trong 3 ngày trên và gần 1.500 người trong đêm văn nghệ Đại Lễ mừng Phật Đản.

Đặc biệt trong đêm văn nghệ Đại Lễ Phật Đản năm nay có sự góp mặt của Gia Đình Phật Tử Quang Đức, thuộc chùa Khánh Anh-Paris, cũng như các ca sĩ nổi tiếng như Chí Tâm, Cao Thái, Kim Loan, Quốc Anh... đã làm cho mọi người phấn khởi theo những tiếng hát, lời ca gọi nhớ đến quê hương, tình người và mối Đạo.

- Ngày 8 tháng 5 năm 82 Đại Lễ Phật Đản đã được tổ chức tại Lausanne-Thụy Sĩ dưới sự chứng minh Đạo Sư của Thượng Tọa Thích Minh Tâm từ Pháp, Sư Cô Thích Nữ Như Tuân (Thụy Sĩ), Đại Đức Thích Minh Phú, Thầy Thiện Tâm Ni cô Diệu Ân, Ni cô Minh Loan (Đức) và Ni Cô Trí Hạnh (Thụy Sĩ). Đại Lễ đã quy tụ khoảng hơn 200 Phật Tử tại địa phương này.

- Ngày 15 tháng 5 năm 1982 một Lễ An Vị - Phật Niệm Phật Đường Thiện Minh tại Lyon (Pháp) đã được cử hành một cách trọng thể dưới sự chứng minh Đạo Sư của Hòa Thượng Thích Trung Quán, Thượng Tọa Thích Minh Tâm Sư Ông Quang (từ Paris) Thượng Tọa Thích Thiện Định (Marseille), Sư cô Thích Nữ Như Tuân, Ni cô Thích Nữ Trí Hạnh (Thụy Sĩ) và Đại Đức Thích Như Điện (Đức). Khoảng 500 PT đã tham dự lễ này và đặc biệt trong lễ An Vị Phật này cũng đã có Đại Diện của Đức Tổng Giám Mục vùng Lyon và Linh Mục Hải.

- Ngày 16 tháng 5 năm 1982 một Đại Lễ Phật Đản dành cho đồng bào Việt Nam tại vùng Bern (Thụy Sĩ) cũng đã được tổ chức một cách trọng thể, khoảng hơn 200 người đã về tham dự Đại Lễ này. Sư Cô Thích Nữ Như Tuân Ni Cô Thích Nữ Trung Chính, Ni Cô Thích Nữ Trí Hạnh cùng Đại Đức Thích Như Điện cũng đã có mặt. Đặc biệt trong thời thuyết pháp ngoài phần tiếng Việt, Đại Đức Thích

Như Điển cũng đã giảng bằng tiếng Đức cho những người Thụy Sĩ nói tiếng Đức tham dự hiểu về ý nghĩa "bốn phần của người Phật Tử đối với 3 ngôi Tam Bảo".

- Một Đại Lễ Phật Đản được tổ chức khá lớn và đã thành công rất tốt đẹp trong đêm văn nghệ Đại Lễ Phật Đản vào ngày 23 tháng 5 năm 1982 tại rạp hát Maubert-Paris. Đó là Đại Lễ Phật Đản do chùa Khánh Anh Paris tổ chức. Trong Lễ này có sự hiện diện của Hòa Thượng Thích Trung Quán, Sư Ông Quang, Sư Bửu Thanh (Marseille) Thấy Giác Hải, T. T Toạ Thích Minh Tâm, Đại Đức Thích Tánh - Thiệt, Ni cô Thích Nữ Trí Tánh (Paris), Sư cô Thích Nữ Như Tuấn (Thụy Sĩ), Đại Đức Thích Như Điển, Đại Đức Thích Minh Phú, Ni cô Thích Nữ Diệu An, Ni cô Thích Nữ Minh Loan (Đức). Về phía Hội Đoàn cũng như Đại Diện các Tôn Giáo bạn đều có tham dự. Khoảng 2.500 người đã tham dự Đại Lễ này. Hùng Cường, Chí Tâm, Quốc Anh, Nguyệt - Anh, Việt Dũng... cũng đã đóng góp văn nghệ.
- Một địa danh heo lánh nằm về miền Đông Nam nước Pháp, đó là Bordeaux cũng đã cử hành Đại Lễ Phật Đản rất vô cùng trọng nghiêm vào trọng thể vào ngày 30 tháng 5 năm 1982 với sự trợ lực đặc biệt của Gia Đình Phật Tử Quang Đức đến từ Paris và Ca Sĩ Chí Tâm. Khoảng 400 Phật Tử tham dự DL. Ngoài lễ Phật Đản và đêm văn nghệ, một lễ quy y cho khoảng hơn 20 Phật Tử cũng đã được tổ chức thật trang nghiêm dưới sự chứng minh của Thượng Toạ Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như Điển. Cũng như Ni cô Thích Nữ Diệu An và Đại Đức Thích Minh Phú.
- Ngày 5 tháng 6 năm 1982 tại Lyon cũng đã tổ chức một Đại Lễ Phật Đản có cả hàng ngàn người tham dự. Đây là một Đại Lễ Phật Đản đầu tiên được tổ chức tại Lyon khá lớn như thế này, dưới sự trợ lực của chùa Khánh Anh (Paris) và Gia Đình Phật Tử Quang Đức cũng như Ca Sĩ Chí Tâm.

Thượng Toạ Thích Minh Tâm, Đại Đức Thích Tánh Thiệt, Sư Bửu Thanh, Sư cô Thích Nữ Như Tuấn, Đại Đức Thích Minh Phú, Ni Cô Thích Nữ Diệu An cũng đã tham dự và chứng minh Đại Lễ này.

- Ngày 12 tháng 6 năm 1982 tại Aarhus - Đan Mạch cũng đã tổ chức một Đại Lễ Phật Đản và ra mắt thành phần Ban Chấp Hành của Hội Phật Giáo nơi đây, đã cử hành một cách trọng thể dưới sự chứng minh của Thượng - Toạ Thích Minh Tâm và Đại Đức Thích Như

Điền. Đêm Văn Nghệ mừng Phật Đản đã được Ban Văn Nghệ của Hội Phật Tử tại Tây Đức trợ lực một cách đặc biệt cũng như một vài anh em trong Ban Văn Nghệ thuộc Gia Đình Phật Tử Quang Đức đã đóng góp trong kỳ này. Khoảng hơn 500 quan khách PT Việt Nam và người Đan Mạch đã đến tham dự.

- Ngoài ra vào ngày 8 tháng 5 năm 1982 tại Na Uy - Oslo đã cử hành một Đại Lễ mừng Đức Phật Đản Sinh với sự tham dự của Đồng Bào Phật Tử Việt Nam, Phật Tử Na Uy, Phật Tử Tây Tạng v.v... Khoảng hơn 400 PT đã tham dự Đại Lễ này và Đại Đức Thích - Tánh Thiệt Đại Diện Thượng Toạ Thích Minh Tâm từ Paris sang đã chứng minh và chủ lễ cho Đại Lễ này.
- Ngoài những Đại Lễ Phật Đản được tổ chức có tính cách rộng rãi, phổ quát như trên tại chùa Linh Sơn, Tịnh Tâm, Quán Âm, Hòa Nghiêm, Kỳ Viên (Paris), Pháp Hoa (Marseille) cũng đều có cử hành tại chùa kỷ niệm ngày Đản Sinh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni.
- Tại Bỉ (Bruxelle) và tại Anh Quốc (London) dưới sự chứng minh Đạo Sư của Thượng Toạ Thích Huyền Vi những Đại Lễ Phật Đản cũng đã được cử hành một cách vô cùng trọng thể.
- Ngày nay chùa chiền mọc lên khắp nơi và các Hội Phật Giáo cũng đã được thành lập rất nhiều, nhưng vì những vị lãnh đạo tinh thần còn thiếu, nên có vị phải đi thật nhiều nơi để chứng minh và dự lễ. Hy vọng trong tương lai gần có nhiều vị Tu Sĩ Phật Giáo Việt Nam từ các trại tỵ nạn sang Âu Châu nhiều hơn nữa để chung lo Phật sự, thi công việc mới tiến triển khả quan hơn. Nếu chỉ đứng ở tình trạng này thật rất khó bề phân giải.
- Ngày 17 và 18 tháng 6 năm 1982 nhận lời mời của Hội "Deutsche Jugend in Europa" - Đại Đức Chi Bộ Trưởng CBPGVN tại Tây Đức đã đến Hildesheim để tham dự ngày lễ "Hòa Bình" và cũng đã thuyết trình về "Sự sinh hoạt của Phật Giáo Việt Nam tại Tây Đức" cho những người bạn Đức nghe để tìm hiểu thêm về vấn đề đời sống của một người Phật Tử - nhất là Phật Tử Việt Nam của chúng ta hiện cư ngụ tại cộng hòa Liên Bang Tây Đức.

Thông tin Ban Xã hội

Sau cuộc chính biến ngày 30 tháng 4 năm 75 cho đến nay, tại Tây Đức đã có hơn, khoảng 20 ngàn người Việt Nam tỵ nạn cộng sản. Sự dị biệt về mọi bình diện giữa hai dân tộc tạo nên những khó khăn cho người tỵ nạn trong tiến trình hội nhập vào đời sống hằng ngày. Ngoài việc trau dồi tiếng Đức ngữ, chúng ta còn phải tìm hiểu và học hỏi thêm những vấn đề thuộc phạm vi văn hóa, luật pháp, phong tục tập quán v.v... của quốc gia thu nhận.

Vì trở ngại trong vấn đề ngôn ngữ nên khi đi làm chúng ta thường ít am tường hết tất cả những luật lệ liên quan đến quyền lợi của chúng ta, do đó đến cuối tháng nhận tờ lương bổng, không hiểu tiền lương của mình bị trừ như thế nào, và cuối năm phải làm đơn khai xin thuế ra sao? Nếu ta không làm sẽ bị mất quyền lợi bởi chính mình. Vì thế trong thời gian qua Ban Xã Hội của Hội Phật Tử đã liên lạc được với một vài luật sư người Đức thiện chí, cùng với khả năng sẵn có của chúng tôi, kể từ nay Ban Xã Hội của Hội Phật Tử sẽ giúp quý đồng hương những việc sau đây:

- 1.- Làm đơn quân bình thuế lương bổng hằng năm (Lohnsteuerjahresausgleich) hoặc đơn khai thuế lợi tức (Einkommensteuerklärung).
- 2.- Giải đáp thắc mắc tổng quát về luật pháp, xã hội, lao động v.v...

Việc làm đơn xin lại tiền thuế Ban Xã Hội sẽ giúp quý vị trong những chiểu chú nhật có lẽ chưa (chú nhật thứ nhất và chú nhật thứ ba trong tháng) bắt đầu từ 14 giờ tại Trung Tâm Văn Hoá - Chùa Viên Giác.

Về những thắc mắc tổng quát, quý vị ở xa có thể biên thư cho chúng tôi để địa chỉ chùa Viên Giác, những xin nhớ đề câu: nhờ chuyên Ban Xã Hội của Hội Phật Tử, kèm theo một phong thư DIN A6 có dán tem 0,60 DM. Xin nhớ ghi rõ địa chỉ người gởi.

Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Phật Tử Việt Nam tại Tây Đức là một tổ chức công ích, Tôn Giáo, xã hội, từ thiện (Gemeinnütziger Verein e.V.) nên những việc làm của chúng tôi không nhận thù lao. Tuy nhiên để giúp điều kiện cho Hội Phật Tử có đủ điều kiện theo đuổi mục tiêu xã hội, từ thiện và Hộ Trì Tam Bảo xin quý vị ủng hộ tài chánh cho Hội và cuối

năm Hội Phật Tử cũng có thể cấp giấy biên nhận đề quý vị xin lại thuế như chùa Viên Giác vẫn thường hay cấp cho quý vị (Steuerabsetzbar).

Sau đây là trường mục của Hội Phật Tử tại Tây Đức: Vereinigung der vietn. buddhistischen Studenten und Vietnamesen in der BRD e.V. (VVB) 3000 Hannover 81/Postscheckkonto Nr. 25480 - 301.

Mọi ý kiến xây dựng hoặc thắc mắc nếu có từ quý vị xin liên lạc bằng thư như trên hay điện thoại về chùa số 0511-864638 hoặc 0511-405852.

Lưu ý: Hạn chót để nộp đơn xin "quân bình thuế lương bổng" cho năm nay là ngày 30.9. 1982

Giới thiệu sách

Thư Viện chùa Viên Giác có nhận được một quyển sách nhan đề là "Kiến thức căn bản Phật Giáo" của Đại Đức Thích Bảo Lạc - trụ trì chùa Pháp Bảo tại Sydney - Úc, do Phật Học Viện Quốc Tế Los Angeles, Hoa Kỳ xuất bản. Thượng Toạ Tiến Sĩ Thích Đức Niệm đề tựa giới thiệu. Sách dày 520 trang, biên soạn rất công phu, nội dung phong phú nhằm giải đáp tất cả những thắc mắc của hàng Phật Tử tại gia về mọi kiến thức căn bản trong sự học Phật và tu Phật hằng ngày. Giá phát hành 30, DM. Sách sẽ có sau 2 tháng tại chùa Viên Giác, kể từ ngày có lời giới thiệu này. Quý vị Phật Tử xa gần muốn thỉnh pháp báo trên xin biên thư về chùa hay gọi điện thoại, chúng tôi sẽ gởi đến tận tay quý vị.

Giới thiệu Hội đoàn

Tân Ban Chấp Hành Hội Sinh Viên và Kiêu Bào Việt Nam tại Stuttgart nhiệm kỳ 82-83 được bầu lại như sau:

Hội trưởng: Ô. Nguyễn Gia Xướng. Phó Hội Trưởng: Ô. Cao Xuân Năng. Trưởng Ban Thể Thao: Ô. Đỗ Thanh Tân. Trưởng Ban Văn Nghệ: Ô. Vũ Xuân Phong. Trưởng Ban Sinh Hoạt: Ô. Hồ Thái Hùng. Tổng thư ký kiêm trưởng ban báo chí và quản thư thư viện: Ô. Phạm Duy Hạnh. Thủ quỹ: Ô. Ngô Nguyên Tường. Mọi liên lạc xin thư về Rober Hoehe 22/1; 705 Waiblingen. Tel. 07151/22186.

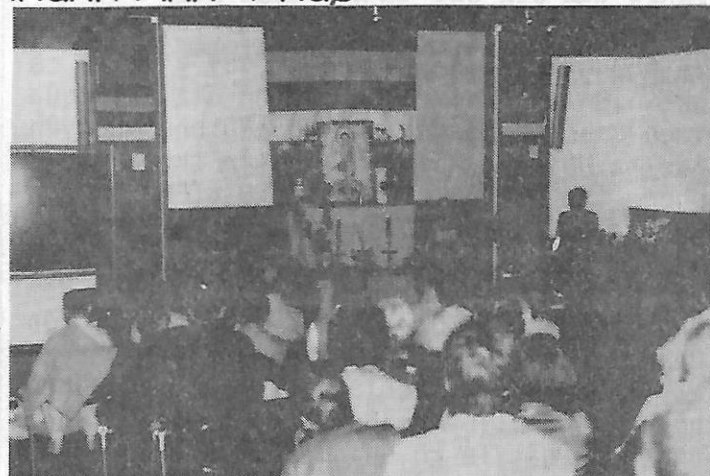
Hình ảnh Đại lễ PHẬT ĐẢN 2526 năm tại Âu châu



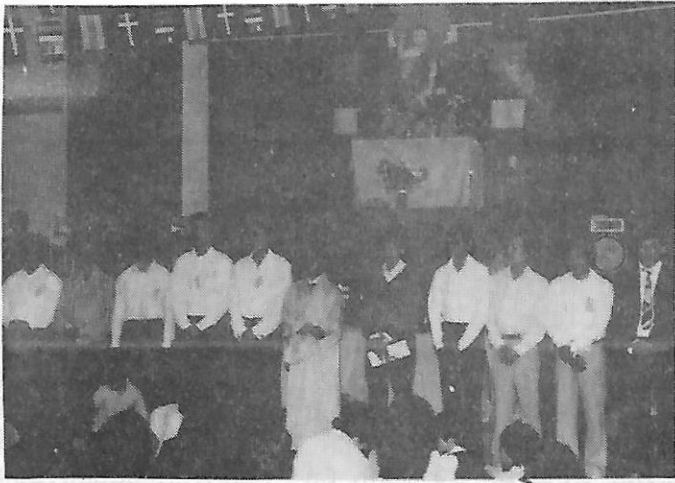
tại Hannover, Tây Đức



tại Paris, Chùa Khánh Anh - Pháp



tại Niệm Phật đường Linh Phong Lausanne Thụy sĩ



tại Aarhus, Đan mạch



tại Bordeaux, Pháp



Lễ An vị Phật Niệm Phật đường Thiện Minh tại Lyon, Pháp

Phương danh quý Đạo Hữu Phật Tử ứng hộ

Bất thường

TÍNH ĐẾN NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 1982

ĐH Lê Thị Lang(Bremervörde)20DM,ĐH D i ệ u Thuật(Antony-France)100Fr. GĐPT vô danh - (Braunschweig) 40 DMPT Hứa Tri(Hannover) 70DM,ĐH Nguyễn Thị Tốt(TX USA)80US,ĐHTrưởng Hồn Quyên,Trạm Tiêu(Vechta)60DM:Hội S i nh Viên và đồng bào tại Krefeld hồi hướng chủ hướng linh Ngô Chiêu Thanh,Bội Thái Long, Ngô Tuyết Trinh và Ngô Lệ Nhi 200DM,Đ a o Hữu Nguyễn Khoa Thị Thoà(Eherbach)50DM,Hứa Tri(Hannover)100DM,ĐH Lu Ngu Nu(Korqschenbroich)60DM và kinh BYTC,ĐH Diệu Niên(Hannover)100DM,PT Minh Phong(Lausanne-Suisse) 100DM,PT Minh Quang(Braunschweig)100DM, ĐH Cao Xuân Liên(Lausanne-Suisse)20Fr. Ni cô Thích Nữ Trí Hạnh(Lausanne-Suisse)25Fr. ĐH Châu Văn Long(Liestel-Suisse)20Fr. Jugenddorf Bad Neustadt 50DM,PT Trưởng Tấn Lộc (Hannover)100DM,ĐH vô danh(Hildesheim)100M ĐH Dương Văn Phường(Essen)40DM,ĐH Nguyễn Thị Thắng(Berlin)20DM,Prof.Dr. Kurt Petz - elt(Hannover)30DM,ĐH Trần Thị Danh(Ausburg 40DM,ĐH Trần Đức Phát(GM'hütte)30DM,ĐHPham Hồng Sáu(Lingen)50DM,ĐH Nguyễn Thành Long (GM'hütte)20DM,ĐH Lê Văn Hiến(Düsseldorf) 50DM,PT Nguyễn Đức Hạnh(Oberhausen)100DMvà 2 bản kinh chép tay Đức Sư-Địa Tạng. ĐH Hứa Văn Sáu(Neuheimat)20DM,ĐH Trần Hồ(Thụy Điển)100 Kronor,O.B Nguyễn Ai (Bochum) hồi hướng hướng linh thân mẫu cụ Đào Thị Mùi - 100DM,PT Dr. Nguyễn Ngọc Minh(Aachen) 65DM ĐH Lê Sanh(Spaichingen)20DM,ĐH Ngô Mỹ Châu (Bad Iburg)20DM,ĐH Ngô Thoại Bình 50DM, ĐH Lý Thành 10DM, ĐH Trần Nam 20DM,ĐH Phạm T. Hoa 20DM,ĐH Châu Kiệt Ngọc 10DM,ĐH Trần M. 10DM,ĐH Lương Xuân Lang 100DM và ĐH D i ệ u Thiên(Bad Iburg)100DM.Gia đình ĐH Huỳnh H. Giao (Canada)4.000Fr.ĐH Hồ Văn Nguyễn(Paris)500Fr. ĐH Diệu Khai(Paris)300Fr.ĐHHuỳnh Tú(Bad Iburg)20DM,PT Cẩm Thủy Chân(Ao)40DM Dega dohan,ĐH Nguyễn Thị Giang(Laufen)100M GĐĐH Cẩm Chân Đông(Ao)50DM,ĐH Vũ Thị Minh (Ausburg)20DM,ĐH Giang Huỳnh Hương 50DM,ĐH Mộng Thanh(Canada)hồi hướng hướng linh thân phụ Nguyễn Dân 10 DM,ĐH Diệu Thượng (Bonn) 10US,ĐH Nguyễn Văn Hào(Aachen)20DM,ĐH Phạm Tuy(Braunschweig)20DM,ĐH Ngọc H. 20DM, ĐH Châu Ngọc Lan 30DM,ĐH O Thị Hai(Haren)50DM

PT Nguyễn Văn Hùng(Recklinghausen)20DM, ĐH Dương Thị Sơn 50DM,ĐH Viên Tuyết+Trần Thị Hiền(Clausthal)30DM,PT Trần Tuấn Dũng(Recklinghausen)20DM,Vô danh 50DM,ĐH Trang Lệ - Mai(Heimstedt)100DM,ĐH Dương Sáng 50DM,Đ H Huỳnh Thiết Huê 20DM,ĐH Văn Nai Tướng 20DM ĐH Châu An Lộc 20DM,ĐH Trần Xố 20DM,ĐH Liú Mạnh 20DM,ĐH Ký Kinh Chi 20DM,ĐH QuáchTuân 10DM,PT Lý Hưng(Heimstedt)50DM,ĐH Trưởng - Tài Minh(cloppenburg)20DM,PT Nguyễn Chánh- Lý(Paris)200Fr.,PT Phan Thị Bích Đào(Paris 100Fr.,PT Nguyễn Thị Hương(Paris)100Fr. PT Vũ Thị Bích(Paris)50Fr. Cụ Lại Thị Nga(Aachen)50DM,GĐPT Trần Đức Quang(Fallenbostell)50DM,PT Huỳnh thị Cẩm Hiến 30DM,ĐH Lê Kim Dung PD Diệu Đức(Paris)200Fr.,PT Thu Phong (Paris)100Fr. ĐH Nguyễn Lưu(Paris) 200Fr. ĐH Đố Thị Hòa(Bremervörde)20DM, ĐH Lâm Thị Phụng 20DM,ĐH Quang(Berlin)20DM,ĐH Phạm Thị Tuyết(USA)200Fr. ĐH Nguyễn Thanh Đệ 20DM,ĐH Âu Dương Mỹ 20DM,ĐH Huỳnh Lương 20DM,ĐH Nguyễn Văn Kiên(Düsseldorf)10DM,ĐH Trần Duyệt Sanh(Rottenburg)20DM,ĐH TăngNgu Sơn(Stadthagen)20DM,ĐH Lý Phan Thở(Göttingen)20DM,ĐH Nguyễn Thị Nga 20DM,ĐH T ả n g Quốc Cỏ 20DM,ĐH La Long(Langewehe)20DM, ĐH Liễu Thị Thà(Braunschweig)20DM,ĐH NguyễnT. Kim 50DM,ĐH Cao Thị Chi 5DM,ĐH Võ Thông - (Oberhausen)30DM,ĐH Trần Hữu Lai,ĐH Hàn Ngọc Dữ,(Krefeld),ĐH Ninh Thị Hai,ĐH Nguyễn Thị Liên,ĐH Nguyễn Thị Hương(Köln)100DM, ĐHNgô Mỹ Lệ 20DM,PT Văn Công Trâm(Kiel)50DM, ĐH Lý Quốc Lương(Rottenburg)20DM,PT Tạ Tổng - Khanh 20DM,PT Lý Tường 40DM,PT Kha TháiVân (Bad Iburg)10DM,ĐH Lưu Hương+Lục Say 70DM, ĐH Hà Thị Hai+Mai Thị Nữ 40DM,ĐH Ngô Thoại Bình 50DM,Sze+Chi+Hưng+Trịnh Ngọc 20DM, ĐH Huỳnh Mùi(Oldenburg)20DM,ĐH Nguyễn Thị Dân (Köln)20DM,PT Châu Kim(Wuppertal)40DM , PT Hồ Văn Diêu(Göttingen)5DM,ĐH Huỳnh Thoại Dương(Bremen)20DM,ĐH Huỳnh Thị Chi 20DM,ĐH Lâm Kim Liên(M'gladbach)50DM,ĐH Đố Mùi 20M ĐH Chương Thị Diệu(Clausthal)20DM,ĐH Bùi Thị Thảo(Berlin)50DM,ĐH Đặng Viên(Berlin - 50DM,ĐH Lý Khai An(Braunschweig)20DM,ĐH Lê Cang(Düsseldorf)20DM,ĐH Nguyễn Văn Nam(Braunschweig)20DM,ĐH Đố Văn Lợi(Düsseldorf)20 ĐH Trưởng Nam Hoa(Achim)20DM,ĐH Dương Thị Mừng(Bremervörde)20DM,ĐH Đào Thị Liên(Rek)

20DM, ĐH Trần Thị Kiều+Phạm Thị Cheo 20DM, ĐH Trương Văn Lạc(Seevetal)40DM, ĐH Trương An Dũng 10DM, ĐH Lý Chánh Lợi(Salzbergen) 50DM, ĐH Du Anh Kiệt 20DM, ĐH Tăng Tân(Achim)20DM, ĐH Quang Chính 20DM, PT Huỳnh Thị Tuyết(Hamburg)20DM, GĐĐH họ Văn(Wuppertal) 20DM, ĐH Lương Ngọc Dân(Hamburg)40DM, ĐH Hữu Tuệ Hoa(Braunschweig)50DM, ĐH Phạm Quốc Việt(Recklinghausen)100DM, ĐH Tăng Bảo(Berlin)50DM, ĐH Nguyễn Thị Hương 30DM, PT Phan Văn Thọ(Hoà Lan)50 Gulden, ĐH Phan Thanh Ngọc(Hoà Lan)100 Gulden, PT Trương Kim Anh(Rottenburg)20DM, ĐH Nguyễn Văn Hình(München)50DM, ĐH Ninh Văn Phước và ĐH Nguyễn Thị An(Aachen)hội hưởng hưởng linh thân phụ Nguyễn Văn Lạc và thân mẫu Hà Thị Yên 100DM, ĐH Nguyễn Thị Hạnh(Braunschweig)50DM, ĐH Nguyễn Thị Vê(Krefeld)20DM, Cựu Đồng Cử(Barntrop)100DM, Hội Phật Giáo Việt Kiều tại Aarhus(Đan Mạch) 1.000 Krone, Quý Đạo Hữu thuộc NPĐ Linh Phong(Thụy Sĩ) 550Fr. ĐH Nguyễn Đăng Bút, ĐH Đăng Văn Căn, ĐH Hứa Thị Hoa, ĐH Lưu Thị Phổ, ĐH Đinh Thị Tuyết, ĐH Nguyễn Thị Đại, ĐH Nguyễn Văn Thâu, ĐH Đào Văn Môn, ĐH Nguyễn Thị Minh, ĐH Dương Hoàng Tú Chân, ĐH Lê Thị Phụng, ĐH Nguyễn Thị Tri, ĐH Nguyễn Nam, ĐH Trần Văn Côn, ĐH Dương Thị Kiệt(Weisendorf)100DM, PT Nguyễn Thị Thu Thảo(Freiburg)20DM, ĐH Lưu Nguyệt+ĐH Huỳnh Mạch(Na Uy)40DM, ĐH Trương Thị Hai(Weit-Haltingen)20DM, ĐH Diệu Thái(Bochum)30DM, ĐH Hàng Vĩnh Hào 50DM, ĐH Trần Công Tường 20DM, ĐH Lê Xuân Cơ 30DM, PT Ng: Lê Nghĩa(Hannover)30DM, PT Phạm Vĩnh Cử(Barendorf)30DM, PT Nguyễn Tấn Lộc(Diepholz) 30DM, ĐH Trần Xuân Dũng(Unterhausen)50DM, Cựu Ngọc An(TX-USA)30US, ĐH Vũ Thị Ngọc Hoat(Bern-Suisse)50Fr, ĐH Huê Đồng(Lausanne-Suisse)20Fr. ĐH Đoàn Văn Thời(Pforheim) 100DM, ĐH Hứa Tấn Phát(Paris)100Fr. Đạo Hữu Quảng Tấn+ĐH Diệu Trí(Paris)500Fr. ĐH Huệ Hoà 200Fr., PT Lê Đức Trung(Weingarten)50DM ĐH Đăng Văn Khoa(Kiel)200DM, ĐH Nguyễn Thị Hằng(Adernach)30DM, ĐH Nguyễn Thành Long(GM'hütte)50DM, ĐH Bùi Xuân Lã(Kleinerinderfeld)20DM, ĐH Chung Thái An(Konz.)30DM, P T Lê Thị Bạch Mai(Mönchengladbach)50DM, Đạo H. Nguyễn Thị Long(Rheine)30DM, PT Trịnh Thùy Hương(Wolfhagen)20DM, ĐH Phạm Tuyết Hoa(Osnabrück)100DM, PT Lê Thị Chinh(M'glad) 10DM, ĐH Huỳnh Thành(Nürnberg)50DM, PT Giảng Lăng Hiá 20DM, ĐH Lê Thị Một(Berlin)10DM, ĐH Tô Tú Trân(Đan Mạch)30 Krone, ĐH Nguyễn Thị Bảy 100Kr., ĐH Ung Thị Mai 50Kr. ĐH Tô Tú Ai 200Kronne(Kopenhagen-Đan Mạch)Đạo H. Trần Dương Minh(Bonn)20DM.

Định kỳ

ĐH Triệu Chí Hùng(Krefeld)60DM 1-6/82, PT. Trần Ngọc Sơn(Dörentrop)120DM 6-11/82, ĐH Dương Văn Phương(Essen)120DM 1-12/82, ĐH O Thị Hai(Haren)140DM 6-12/82, PT Nguyễn B. Dương(Lünen)40DM 5-6/82, ĐH Nguyễn Thanh Túy(Recklinghausen)60DM/6-12/82, PT Nguyễn Thị Thu Mỹ(Berlin)120DM/11/81-4/82, ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(Paris)300Fr./7-12/82, ĐH Lê Thị Thu Ba(Weingarten)20DM/5-6/82, PT Đăng Trình W. (München)100DM/5&6/82, ĐH Lâm Thành(Lingen) 30DM/5&6/82, PT Lý Diệu Anh(Vechta)50DM/5&6 PT Trần Thục Nghi(Vechta)60DM/5&6/82, Đạo H. Lê Huy Cát(Hannover)40DM/5&6/82, ĐH Tô Văn Phước(München)40DM/5&6/82, PT Phạm Đăng Anh Tuấn 60DM/4-6/82(Kassel)PT Lê Văn Hồng(Loham Main)150DM.

Bảo Viên Giác

ĐH Nguyễn Thị Tốt(TX.USA)20US, ĐH Quảng Quế (USA)20USĐH Dương Văn Phương(Essen)10DM, ĐH Phạm Hồng Sáu(Lingen)20DM, ĐH Phan Hoàng Thơ WA.USA)10US, ĐH Cố Đạt Vinh(Braunschweig) 20DM, ĐH Lâm Kim Liên(Mönchengladbach)10DM, ĐH Trần Hữu Phước(?)10DM, PT Nguyễn Thị Thu Mỹ(Berlin)20DM, ĐH Nguyễn Thanh Đoàn(Bordeaux-Pháp)200Fr., ĐH Trần Thị Hoàn(Minn.USA) 10US, PT Nguyễn Hoàng Liệt(Hamburg)20DM, ĐH Đỗ Thị Ngõ(Hameln)20DM, ĐH Đoàn Thị Thanh Tú(Paris)100Fr. Linh Mục Nguyễn Trung Điềm (Borsum)60DM, PT Nguyễn Giao Trinh(Paris) 50DM.

Phật Học Tự Điển

Đạo Hữu Nguyễn Thị Tốt(Texas-USA)một quyển.
Đạo Hữu Nguyễn Thành Long(GM'hütte)100 DM.

Ngôi chùa Viên Giác tại Hannover Tây Đứ c cũng như tổ bảo Viên Giác có đứng vững được hay không phần lớn vẫn do tư sự đóng góp của Quý vị Phật Tử xa gần cũng như sự trợ lực của chính quyền Tây Đức. Công đức tài - thí đó thật vô lượng vô biên. Xin hồi hướng lên 3 ngôi Tam Bảo để cầu nguyện cho tất cả quý vị Đạo Hữu cũng như Quý Phật Tử đạt tâm kiên cố, Phật Đạo viên thành. Quý vị cũng đừng quên về chùa có thể gọi kèm trong phong thư hoặc cũng có thể chuyển trực tiếp vào 2 số Konto của nhà chùa như sau: Congr. d. Verei. Viet Buddh. Kirche. C/O Rev. T.N. Điện 8657470- BLZ 250 700 70 Deutsche Bank Hannover. Hoặc số 8650228-chùa Viên Giác. BLZ 250 700 70 Deutsche Bank Hannover. W. Germany.



em đến chùa

DƯƠNG THIÊN HIÊN



1. Một hôm (một hôm) mong một đến chùa . Em đi (đi) với
 2. Trâm hương (trâm hương) ngào ngạt lan tràn . Thành tâm (tâm) em
 3. Nhịp kính (nhịp kính) vang dầy trong lòng . Hoà theo (theo) tiếng
 4. Cầu xin (cầu xin) Phật Tô' ban hành . Tử bi (bi) gia



mẹ mua vài hoa sen . Đến chùa (đến chùa) dâng cả hôn
 niệm mở màng Bồn Sư . Dầu tú (dầu tú) in hiện khoan
 mở chuông đồng vang đũa . Mỗi tỉnh (mỗi tỉnh) bên cạnh cha
 hộ con thành tre' ngoan . Tử rày (tử rày) con bỏ chơi



em lên trên (trên) Đức Phật lòng em kính thành . 2. Trâm...
 thú Em mó (mó) Đức Phật dường như mỉm cười . 3. Nhịp...
 xua . Luôn ghi (ghi) bên dạ tuổi thơ tâm thành . 4. Cầu...
 hoang . Con xin (xin) quyết bỏ nguyên chăm học hành .